

Tuần: 9

Ngày soạn: 2/ 11/2022

Tiết: 1, 2

CHỦ ĐỀ 1: VĂN HÓA, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG
BÀI 1. QUẢNG NINH TỪ NĂM 938 ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Trình bày được tên gọi tỉnh Quảng Ninh hiện nay qua các thời kì.
- Khái quát được lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc trên địa bàn tỉnh.

2. Năng lực

- **Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** qua việc tìm hiểu về kinh thành Thăng Long và tình hình kinh tế, quân sự, văn hoá Thăng Long thời Lý, Trần, Hồ.
- **Năng lực tự chủ và tự học:** Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được nguồn tài liệu học tập phù hợp ...

3. Phẩm chất

- **Yêu nước:** Giáo dục lòng yêu mến, tự hào về Thăng Long Hà Nội.
- **Trách nhiệm:** Trân trọng, biết ơn các thế hệ cha ông - những người có công đóng góp mồ hôi xương máu, công sức và của cải làm nên trang sử vẻ vang của Hà Nội. Có ý thức bảo vệ các di tích lịch sử của Hà Nội.

II. THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU DẠY HỌC:

- Một số hình ảnh, tư liệu về nội dung bài.
- Máy tính, máy chiếu (tivi), phiếu học tập...
- Giấy A0, một số hình ảnh liên quan.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:

Tiết 1

Tiết KHGD	Ngày dạy	Sĩ số 7A3	Ngày dạy	Sĩ số 7A4
1	/11/2022		/11/2022	
2	/11/2022		/11/2022	

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức hoạt động:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv đặt câu hỏi:

Hãy kể tên các xã (phường, thị trấn), huyện (thị xã, thành phố) nơi em sống?

Em biết gì về những tên gọi ấy?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh suy nghĩ trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Học sinh trả lời bằng cách giơ tay nhanh nhất.

Bước 4: Đánh giá kết quả

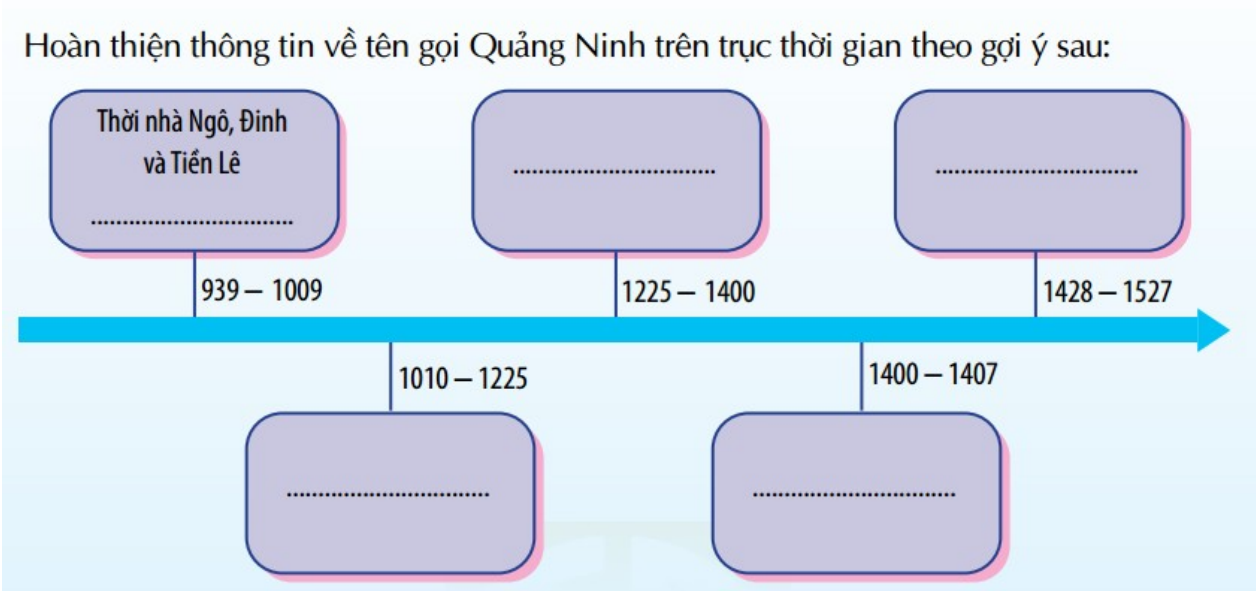
- Giáo viên quan sát, nhận xét hoạt động học của học sinh:
- GV dẫn dắt vào bài:

GV dẫn dắt HS đi vào bài học: *Quảng Ninh của chúng ta có nhiều văn hóa, lịch sử truyền thống. Trong giai đoạn từ năm 938 đến đầu thế kỉ XVI đã có nhiều tên gọi khác nhau; lịch sử, văn hóa, nghệ thuật và kiến trúc trên địa bàn tỉnh như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu bài ngày hôm nay. Bài 1. Quảng Ninh từ năm 938 đến đầu thế kỉ XVI.*

2. HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1 . Hoạt động 1: Tên gọi tỉnh Quảng Ninh từ năm 938 đến đầu thế kỉ XVI

- a. Mục tiêu:** Trình bày được tên gọi tỉnh Quảng Ninh hiện nay qua các thời kì.
- b. Nội dung:** Hoạt động nhóm tìm hiểu thông tin trong SGK và hoàn thành phiếu học tập số 1.



- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hd học sinh hoạt động nhóm, tìm hiểu thông tin trong sách giáo khoa hoàn thành Phiếu học tập số 1 Hoàn thiện thông tin về tên gọi Quảng Ninh trên trục thời gian theo gợi ý sau:	1. Tên gọi tỉnh Quảng Ninh từ năm 938 đến đầu thế kỉ XVI - 939 – 1009: Quảng Ninh thuộc châu Lục (có thời kì thuộc quận Ngọc Sơn) gồm huyện Hoa Thanh, huyện Ninh Hải, phần đất Đông Triều thuộc Châu Giao (huyện Nam Định) - Thời nhà Lý (1010 - 1225), đời vua Lý Thái Tổ năm 1023 đổi trấn Triều

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động - GV mời 1 số nhóm trình bày sản phẩm của nhóm, các nhóm khác theo dõi, nhận xét. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV chốt kiến thức.	Dương thành châu Vĩnh An. - Thời nhà Trần (1225 - 1400) + Đời vua Trần Thái Tông, năm 1242 đổi châu Vĩnh An thành lộ Hải Đông; + Đời vua Trần Nhân Tông, năm 1285 đổi lộ Hải Đông thành lộ An Bang; + Đời vua Trần Anh Tông năm 1397 đổi lộ An Bang thành lộ phủ Tân An. - Thời nhà Hồ (1400 - 1407), đời vua Hồ Hán Thương, năm 1407 đổi lộ phủ Tân An thành châu Tĩnh An. - Thời Hậu Lê - Lê Sơ (1428 - 1527): + Đời vua Lê Thái Tổ, năm 1428 cả nước chia thành 5 đạo, vùng Quảng Ninh thuộc Đông Đạo. + Đời vua Lê Thánh Tông, năm 1466 vùng Quảng Ninh là đạo thừa tuyên An Bang
--	--

Hoạt động 2. Khái quát lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc trên địa bàn tỉnh

a. Mục tiêu: Khái quát được lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc trên địa bàn tỉnh.

b. Nội dung: HS hoạt động nhóm theo kỹ thuật mảnh ghép để trả lời câu hỏi, y/c của gv

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia học sinh thành 3 nhóm cho hoạt động nhóm theo kỹ thuật góc: * Nhóm chuyên gia: Hoạt động nhóm, đọc thông tin SGK, ảnh, tìm hiểu về: + N1: Lịch sử + N2: Văn hóa, nghệ thuật + N3: Kiến trúc * Nhóm mảnh ghép: Một số HS di chuyển sang nhóm khác để tạo thành nhóm mới → Sản phẩm:	2. Khái quát lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc trên địa bàn 2.1. Lịch sử - Năm 938, dưới sự lãnh đạo của Ngô Quyền, quân và dân ta đã giành thắng lợi vang dội trên sông Bạch Đằng, đánh bại quân xâm lược Nam Hán, chấm dứt ách đô hộ hàng nghìn năm của phong kiến phương Bắc.

- Lịch sử Quảng Ninh từ năm 939 đến đầu TK XVI có những sự kiện gì nổi bật?

- Em hãy kể tên các công trình kiến trúc Phật giáo tiêu biểu của Quảng Ninh trong thời gian từ năm 938 đến đầu thế kỉ XVI

Quốc gia vào trung tâm (âm lịch) hàng năm để tri ân công đức các vị Tiên Công đã khai cơ lập nghiệp ở vùng đảo Hà Nam



Hình 1.2. Lễ hội Tiên Công, thị xã Quảng Yên được tổ chức vào ngày mùng 7 tháng Giêng (âm lịch) hàng năm để tri ân công đức các vị Tiên Công đã khai cơ lập nghiệp ở vùng đảo Hà Nam



Hình 1.3. Chùa Quỳnh Lâm, thị xã Đông Triều



Hình 1.4. Chùa Lôi Âm, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long

- Trong kỉ nguyên Đại Việt, vào thời Lý (thế kỉ XII), thương cảng Vân Đồn ra đời, nền kinh tế biển đã từng bước hình thành và phát triển từ thế kỉ XII - XVIII. Vào năm 1288, quân dân nhà Trần đã giành được chiến công hiển hách trên sông Bạch Đằng, đánh bại đế quốc Mông - Nguyên.

- Quảng Ninh cũng là trung tâm của dòng thiền phái Trúc Lâm Yên Tử do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập vẫn còn phát triển cho đến ngày nay

2.2. Văn hoá, nghệ thuật

- Từ cuộc sống lao động sản xuất, chống giặc ngoại xâm, người dân đã sáng tạo nên một nền văn hoá biển.

- Văn hoá biển của Quảng Ninh được thể hiện qua các lễ hội truyền thống, nghệ thuật diễn xướng, văn nghệ dân gian. Các lễ hội đình Trà Cổ (Móng Cái), đình Quan Lạn (Vân Đồn),... mang đậm bản sắc truyền thống của cư dân biển Quảng Ninh.

- Nghệ thuật diễn xướng như hát nhà tơ ở Vạn Ninh (Móng Cái), tục hát đúm, hát giao duyên của ngư dân Quảng Yên, Vân Đồn và các sáng tạo văn nghệ

dân gian như ca dao, dân ca Vạn Ninh (Móng Cái), Quan Lạn (Vân Đồn) được bảo tồn, lưu truyền qua nhiều thế hệ.

2.3. Kiến trúc

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS hoạt động nhóm trả lời câu hỏi.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Đại diện nhóm trả lời, các nhóm khác theo dõi, nhận xét.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt kiến thức

- GV chiếu video về chiến thắng trên sông Bạch Đằng cho HS xem và nhận xét

Link:

<https://www.youtube.com/watch?v=dnY1xbmpqr4>



Chiến thắng Bạch Đằng 1288: Bản anh hùng ca bất diệt | QTV

- TK X - XVI, Quảng Ninh có nhiều công trình kiến trúc độc đáo, đặc biệt là các công trình kiến trúc tôn giáo: Chùa Quỳnh Lâm được xây dựng từ thời Lý.

- Thời Lý - Trần, nhiều ngôi chùa được xây dựng như chùa Hoa Yên (Yên Tử, TP. Uông Bí), chùa Hồ Thiên (Bình Khê, TX. Đông Triều)

- TK XV, Lê Thánh Tông cho xây dựng chùa Lôi Âm

Tiết 2

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** HS sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học trong bài để giải quyết các vấn đề tình huống, bài tập nhằm khắc sâu kiến thức bài học.

b) **Nội dung:** Hoàn thành bài tập.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

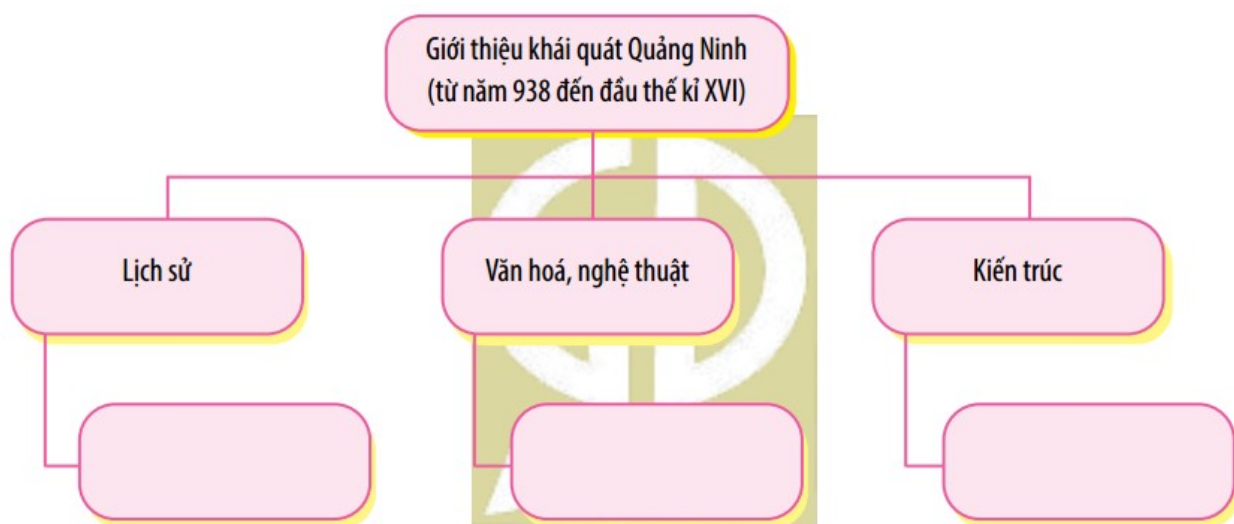
d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV phát và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

Nêu một số tên gọi của tỉnh Quảng Ninh qua các thời kì khác nhau

Giới thiệu khái quát về lịch sử, văn hoá, nghệ thuật và kiến trúc ở vùng Quảng Ninh



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Học sinh trả lời bằng cách giơ tay nhanh nhất.

Bước 4: Đánh giá kết quả

- Giáo viên quan sát, nhận xét hoạt động học của học sinh:

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng vào bài học để giải quyết vấn đề thực tiễn cuộc sống, phát huy tính tư duy và khả năng sáng tạo.

b) Nội dung:

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện: *Hãy nêu những biểu hiện và ý nghĩa của văn hoá biển trong đời sống kinh tế - văn hoá - xã hội ở tỉnh Quảng Ninh hiện nay.*

Hãy giới thiệu sơ lược về tên gọi và lịch sử của địa phương nơi em sống

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ:

Hãy nêu những biểu hiện và ý nghĩa của văn hoá biển trong đời sống kinh tế - văn hoá - xã hội ở tỉnh Quảng Ninh hiện nay.

Hãy giới thiệu sơ lược về tên gọi và lịch sử của địa phương nơi em sống

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học Sinh về nhà suy nghĩ, tìm tòi và hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh sẽ nộp bài làm vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- Giáo viên sau khi chấm sản phẩm sẽ nhận xét bài làm của một số học sinh.

***HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Hoàn thành bài tập luyện tập, vận dụng
- Tóm tắt nội dung bài đã học bằng sơ đồ tư duy
- Chuẩn bị bài mới

Soạn: 03/12/2022

Giảng: 08/12/2022

CHỦ ĐỀ 1; VĂN HÓA, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG

Tiết 3,4,5

Bài 2: CHIẾN THẮNG TRÊN SÔNG BẠCH ĐẰNG

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Lí giải được chiến thắng Bạch Đằng năm 938 là bình minh của lịch sử dân tộc.
- Lí giải được chiến thắng Bạch Đằng năm 981 là niềm tự hào của lịch sử dân tộc.
- Lí giải được chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 là mốc son chói lọi của lịch sử dân tộc.

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, sáng tạo và giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Trình bày diễn biến chính, kết quả và ý nghĩa của các chiến thắng Bạch Đằng năm 938, năm 981 và năm 1288 trên lược đồ; phân tích, lí giải tác động của các sự kiện chiến thắng Bạch Đằng năm 938, năm 981 và năm 1288 đối với lịch sử dân tộc Việt Nam.

+ Năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để đánh giá tác động của một số nhân vật lịch sử, sự kiện và các di tích lịch sử chiến thắng Bạch Đằng.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: trong học tập, lao động.
- Trách nhiệm: Có tinh thần, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa, lịch sử, truyền thống địa phương.
- Yêu nước Tự hào về truyền thống lịch sử hào hùng của vùng đất Quảng Ninh. Trân trọng những đóng góp của các nhân vật lịch sử đối với quê hương Quảng Ninh.

II- Thiết bị và học liệu

1. Thiết bị dạy học:

- Máy chiếu, máy tính,
- Giấy A0,

2. Học liệu:

- SGK, GDĐP 7
- Tranh ảnh về sự kiện chiến thắng Bạch Đằng

Dự kiến:

Tiết	Nội dung
Tiết 1	Hoạt động 1 và hoạt động 2
Tiết 2	Hoạt động 3
Tiết 3	Hoạt động 4

III- Tiến trình dạy học

1. Ôn định lớp.

Ngày giảng	Lớp	HS vắng
/12/2022	7A3	

HOẠT ĐỘNG 1. Mở đầu

a) **Mục tiêu:** Tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập

b) **Nội dung:** GV hướng dẫn HS tiếp cận bài mới thông qua hình ảnh.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Giao nhiệm vụ

GV chiếu hình ảnh và đặt câu hỏi



? Hình ảnh trên nói đến địa danh nào ở Quảng Ninh?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS trả lời:

Sông Bạch Đằng ở thị xã Quảng Yên

Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. Hoạt động hình thành kiến thức

a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu chiến thắng Bạch Đằng qua các năm 938,981,1288.

b) **Nội dung:** HS vận dụng quan sát sgk, sự hướng dẫn của GV, làm việc cá nhân, làm việc nhóm để nắm bắt được kiến thức mới.

c) **Sản phẩm:** Phần trình bày của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 3 nhóm yêu cầu đọc ngữ liệu kết hợp quan sát sơ đồ và trả lời câu hỏi để tìm hiểu chiến thắng Bạch Đằng các năm 938,981,1288 N1: Tìm hiểu chiến thắng Bạch Đằng năm 938 <i>? Tại sao quân Nam Hán xâm lược nước ta lần thứ hai?</i> <i>? Kế hoạch đánh giặc của Ngô Quyền chủ động và độc đáo ở điểm nào?</i> N2: Tìm hiểu chiến thắng Bạch Đằng năm 981 <i>? Nêu ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Tống năm 981?</i> N3: Tìm hiểu chiến thắng Bạch Đằng năm 1288	1. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938

? Quan sát lược đồ hình 2.2, em hãy trình bày diễn biến trận Bạch Đằng tháng 4 năm 1288?

? Nêu điểm khác nhau về mục đích bố trí trận địa cọc trên sông Bạch Đằng năm 1288 so với năm 938 và 981?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận nhóm để tìm câu trả lời dưới sự động viên, hướng dẫn của GV

Bước 3: Báo cáo kết quả

Các nhóm lần lượt trình bày kết quả

Dự kiến sản phẩm:

Nhóm 1:

- Năm 397, Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ để đoạt chức Tiết độ sứ. Được tin đó, Ngô Quyền liền kéo quân ra Bắc tiêu diệt Kiều Công Tiễn để bảo vệ nền độc lập tự chủ vừa mới xây dựng. Kiều Công Tiễn hoảng sợ vội cho người cầu cứu nhà Nam Hán. Nhà Nam Hán vốn đã nuôi sẵn ý đồ xâm lược nước ta và trả thù cho thất bại trong cuộc xâm lược nước ta lần thứ nhất, nhân cơ cầu cứu của Kiều Công Tiễn, vua Nam Hán cho quân xâm lược nước ta lần hai.

- Về kế hoạch đánh giặc của Ngô Quyền:

+ Chủ động đón đánh quân xâm lược bằng cách bố trí lực lượng hùng mạnh và xây dựng trận địa bãi cọc ngầm trên sông Bạch Đằng

+ Độc đáo: lợi dụng thủy triều, xây dựng trận địa bãi cọc ngầm với hàng nghìn cây cọc nhỏ... chỉ sử dụng thuyền nhẹ, nhẹ để dễ luồn lách ở bãi cọc.

Thuyền địch to, cồng kềnh rất khó khăn khi tìm cách thoát khỏi bãi cọc lúc nước triều xuống.

Nhóm 2:

- Ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Tống năm 981: bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, mở ra thời kì độc lập lâu dài của dân tộc.

Nhóm 3:

- Diễn biến trận Bạch Đằng tháng 4 năm 1288:

+ Nhận thấy thời cơ tiêu diệt quân Nguyên đã tới, vua Trần và Trần Quốc Tuấn quyết định mở cuộc phản công và tiến hành việc bố trí mai phục ở sông Bạch Đằng.

+ Đầu tháng 4-1288, đoàn thuyền do Ô Mã Nhi chỉ huy có kị binh hộ tống rút về theo đường thủy trên sông Bạch Đằng.

+ Khi đoàn thuyền của Ô Mã Nhi tiến gần đến bãi cọc, một số thuyền nhẹ của quân Trần ra khiêu chiến rồi giả vờ thua chạy, quân giặc ra sức đuổi theo và lọt vào trận địa mai phục đúng lúc nước triều xuống nhanh.

2. Chiến thắng Bạch Đằng năm 981

3. Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288

+ Từ hai bên bờ, hàng nghìn chuyền thuyền nhỏ của quân Trần đổ ra đánh. + Bị đánh bất ngờ và quyết liệt, quân giặc hoảng hốt, tranh nhau tháo chạy ra biển, thuyền giặc xô vào bãi cọc đang nhô lên, bị ùn tắc, vỡ, đắm. Giữa lúc đó, hàng loạt bè lửa xuôi nhanh theo nước triều đang xuống, lao vào thuyền giặc. + Toàn bộ cánh thủy binh bị tiêu diệt, Ô Mã Nhi bị bắt sống. - Khác nhau: + Về thời gian, thời điểm đánh: trận Bạch Đằng năm 938 tiến hành đánh địch khi địch mới tiến vào đánh nước ta, trận Bạch Đằng năm 1288 ta đánh địch khi địch rút khỏi nước ta + Về khả năng chiến đấu của ha đạo quân xâm lược: Trong trận Bạch Đằng năm 938, kẻ thù của ta là quân Nam Hán có thủy quân mạnh, dày dặn kinh nghiệm chiến trận(là kẻ thù mạnh không dễ đối phó) Trận Bạch Đằng năm 1288, kẻ thù chúng ta là quân Mông Nguyên có thế mạnh về kị binh nhưng rất yếu về mặt thủy quân (kẻ thù yếu, tạo điều kiện cho ta tiêu diệt) Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	
--	--

HOẠT ĐỘNG 3. Luyện tập

- a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức đã học.
- b) Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học, dưới sự hướng dẫn của GV, làm việc cá nhân, làm việc nhóm để luyện tập
- c) Sản phẩm:** Phân trình bày của HS
- d) Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1

? Nhà sử học Ngô Thì Sĩ đã đánh giá công lao của Ngô Quyền như thế nào?

Nhiệm vụ 2:

Đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi

? Em hãy chỉ ra điểm mạnh và điểm yếu của quân xâm lược Nam Hán?

Nhiệm vụ 3:

GV chia lớp làm 3 nhóm để làm bài tập. Mỗi nhóm tìm hiểu một cuộc kháng chiến.

HS hoàn thành bảng so sánh cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán năm (938), quân Tống (981) và quân Nguyên lần thứ ba (1288)

Tiêu chí so sánh	Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán năm 938	Cuộc kháng chiến chống quân Tống năm 981	Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ ba năm 1288
Nguyên nhân			

Lãnh đạo			
Nghệ thuật quân sự			
Kết quả			
Ý nghĩa			

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân, nhóm, suy nghĩ, trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả

Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1:

Nhà sử học Lê Văn Hưu đánh giá công lao của Ngô Quyền như sau:

- Quân của Ngô Quyền nhỏ mà đánh lại được trăm vạn quân lớn của Lưu Hoằng Tháo.
- Một cơn giận làm yên được dân.
- Mưu giỏi mà đánh cũng giỏi.
- Nổi lại được chính thống của nước Việt ngỗ hầu.
- Tận dụng được vị trí của sông Bạch Đằng.
- Huy động được dân

Nhiệm vụ 2:

- Điểm mạnh là: Có 1 số lượng quân lớn, tinh nhuệ.
- Điểm yếu : Không có chiến thuật để tác chiến.

Nhiệm vụ 3:

Tiêu chí so sánh	Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán năm 938	Cuộc kháng chiến chống quân Tống năm 981	Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ ba năm 1288
Nguyên nhân	Vì muốn mở rộng bờ cõi xuống phía nam nhằm đặt ách cai trị nhân dân ta. Lấy cớ kiêu công tiến cầu cứu vua nam hán sai con Hoằng Tháo cho quân xâm lược nước ta.	Cuối năm 979 nhà Đinh rối loạn, nhà Tống suy yếu. Nhà Tống quyết định đem quân xâm lược nước ta để củng cố đất nước.	Hai lần xâm lược Đại Việt đều thất bại, vua Nguyên càng tức giận nên quyết tâm đánh chiếm Đại Việt lần thứ ba
Lãnh đạo	Ngô Quyền	Lê Hoàn	Trần Quốc Tuấn
Nghệ thuật quân sự	Ngô Quyền đã tận dụng bãi cọc ngầm và thủy triều của sông Bạch Đằng	Lê Hoàn cho quân đóng cọc ở sông Bạch Đằng để ngăn chặn chiến thuyền địch.	Bố trí trận địa cọc
Kết quả	Quân địch phần bị giết, phần bị chết đuối rất nhiều. Lưu Hoằng Tháo chết trong đám loạn quân.	- Cuộc kháng chiến chống Tống kết thúc thắng lợi. - Chiến tranh chấm dứt, Lê Hoàn vẫn sai sứ sang Trung Quốc trao trả một số tù binh và đặt lại quan hệ bình	- Nhiều tên giặc bị giết, Ô Mã Nhi bị bắt sống - Quân bộ bị ta tập kích ở Lạng Sơn, ít tên còn sống sót

		thường.	
Ý nghĩa	- Đây là chiến thắng lẫy lừng của dân tộc ta, đã đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược của nhà Nam Hán - Đã bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc và mở ra thời đại độc lập với dân tộc ta	- Biểu thị ý chí quyết tâm chống giặc ngoại xâm của dân ta. - Chứng tỏ một bước phát triển của đất nước và khả năng bảo vệ độc lập dân tộc.	- Đập tan tham vọng xâm lược của Mông Nguyên, bảo vệ độc lập, toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền dân tộc. - Khẳng định sức mạnh của dân tộc Việt Nam, củng cố niềm tin cho nhân dân. - Xây đắp truyền thống quân sự Việt Nam.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề

HOẠT ĐỘNG 4. Vận dụng

a) Mục tiêu: vận dụng kiến thức vào thực tế, mở rộng vốn kiến thức đã có

b) Nội dung: HS liên hệ thực tế ở địa phương và liên hệ bản thân

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1:

Em hãy tìm đường/phố/trường học (ở địa phương em hoặc qua sách báo, internet) có tên gọi: Ngô Quyền, Lê Hoàn, Trần Hưng Đạo (Trần Quốc Tuấn). Chia sẻ hiểu biết của em về địa điểm này và tên gọi được đặt cho địa điểm này với cả lớp.

Nhiệm vụ 2:

Em tìm hiểu một trong những điểm thuộc di tích chiến thắng Bạch Đằng và hoàn thành phiếu sau:

- + Bãi cọc Yên Giang
- + Bãi cọc đồng Vạn Muối
- + Bãi cọc đồng Má Ngựa
- + Đền thờ Trần Hưng Đạo
- + Miếu Vua Bà

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện cá nhân, suy nghĩ và trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Học sinh suy nghĩ, trình bày
- Giáo viên: Hướng dẫn HS cách trình bày

Bước 4: Nhận xét, đánh giá, kết luận

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Hoàn thành các câu hỏi và bài tập
- Chuẩn bị Bài 3. “Bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”
- + Đọc kĩ sgk, trả lời theo hệ thống câu hỏi trong SGK.

- (1) Em hãy kể tên một vài bảo vật quốc gia mà em biết ở tỉnh Quảng Ninh.
- (2) Lập bảng tóm tắt về địa danh lưu giữ và giá trị của các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ST T	Tên bảo vật	Địa danh lưu giữ bảo vật	Giá trị văn hoá, lịch sử
1	Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông	Tháp Huệ Quang, CHÙA Hoa Yên, khu di tích và danh thắng Yên Tử, thành phố Uông Bí.	- Niên đại: Đầu thế kỉ XVII, thời Lê Trung Hưng. - Giá trị lịch sử, tư tưởng và mỹ thuật Phật giáo Đại Việt, Phật giáo Trúc Lâm.
2	...	...	...

- (3) Hãy giới thiệu một bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh mà em yêu thích theo gợi ý sgk:
- (4) Hãy nêu một số thông tin về bảo vật quốc gia tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông đang được lưu giữ tại Yên Tử.
- (5) Thực hiện 01 dự án tìm hiểu về bảo vật quốc gia tại Bảo tàng Quảng Ninh:
- Sưu tầm thông tin, hình ảnh về các bảo vật quốc gia đang được lưu giữ và trưng bày tại Bảo tàng Quảng Ninh.
 - Thực hiện dự án/ sản phẩm (bằng video quay trực tiếp, video dựng bằng hình ảnh chụp có lồng tiếng thuyết minh, bài viết hoặc các sản phẩm khác...) giới thiệu giá trị của bảo vật quốc gia với du khách.

***Rút kinh nghiệm:**

- Cho học sinh viết bài thuyết trình về 3 trận đánh trình bày trước lớp

Soạn: 10/12/2022

Giảng: 17/12/20022

CHỦ ĐỀ I: VĂN HÓA, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG

Tiết 6,7

BÀI 3: BẢO VẬT QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được địa điểm phát hiện các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
- Giới thiệu được giá trị văn hoá, lịch sử của các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Năng lực tổng hợp, khái quát hoá, hệ thống hoá các kiến thức.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện khác để trình bày và thảo luận về đặc điểm các dân tộc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

*** Năng lực đặc thù:**

- + Năng lực nhận thức khoa học về các giá trị văn hoá, lịch sử của các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
- + Năng lực tìm hiểu tự nhiên, xã hội: giải thích được các giá trị văn hoá, lịch sử của các bảo vật quốc gia.
- + Năng lực giao tiếp, hợp tác, thảo luận, thuyết trình để làm việc nhóm, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào việc bảo tồn các bảo vật quốc gia.

3. Phẩm chất

- Yêu nước, trách nhiệm: Có ý thức tìm hiểu địa điểm phát hiện các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Giới thiệu được giá trị văn hoá, lịch sử của các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Có ý thức bảo tồn các bảo vật quốc gia.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A0, bút dạ, bút màu

2. Học liệu

- SGK
- Một số hình ảnh các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, ứng dụng bản đồ của Google (nếu có)
- Phiếu học tập; Rubric/Bảng kiểm;

Dự kiến:

Tiết	Nội dung
Tiết 1	Hoạt động 1 và hoạt động 2
Tiết 2	Hoạt động 3 và hoạt động 4

Tiết 1

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định lớp.

Ngày giảng	Lớp	HS vắng
/12/2022	7A3	

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: HS xác định được vấn đề cần giải quyết liên quan đến bài học (các thông tin cơ bản để xác định các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh) và tạo hứng thú trong học tập cho HS.

b. Nội dung: giới thiệu một số bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giới thiệu video về các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

https://www.youtube.com/watch?v=5zmTcl7M_Bo

- GV đặt câu hỏi: Qua video trên, em hãy kể tên một số bảo vật quốc gia ở tỉnh Quảng Ninh. Cảm nhận của em về bảo vật quốc gia qua video vừa xem?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem video và trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV mời một số HS trả lời câu hỏi và gọi một vài HS khác nhận xét về nội dung câu trả lời của bạn.
- Giáo viên sẽ cho hiển thị đáp án sau khi các HS nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV đánh giá kết quả hoạt động của HS, động viên học sinh có câu trả lời đúng.
- GV dẫn dắt HS vào bài học: tìm hiểu các bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25 phút)

Hoạt động 2.1. Khái quát các bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh.

a. Mục tiêu: HS trình bày được khái quát các bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh.

Xác định trên bản đồ một số vị trí tập trung các bảo vật quốc gia.

b. Nội dung:

- Tìm hiểu chung về các bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh.

c. Sản phẩm

- Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hỏi HS hiểu thế nào là bảo vật quốc gia?

“Bảo vật quốc gia là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị đặc biệt quý hiếm tiêu biểu của đất nước về lịch sử, văn hoá, khoa học”.

- GV yêu cầu HS đọc đoạn ngữ liệu phần

1. Khái quát các bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh trong SGK thực hiện yêu cầu theo trình tự sau:

- GV đề nghị HS chia thành nhóm bàn đọc thông tin mục 1, kết hợp những hiểu biết của mình để tìm hiểu, thảo luận và trả lời câu hỏi.

Chọn một số nhóm trả lời hai câu hỏi:

1. Hãy giới thiệu một bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh mà em yêu thích.

2. Hãy nêu một số thông tin về bảo vật quốc gia tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông đang được lưu giữ tại Yên Tử.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân (02 phút)
- Làm việc nhóm (02 phút);
- GV: quan sát, nhắc nhở hs về hiệu lệnh thời gian, trợ giúp các cá nhân/nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm trình bày kết quả đã hoàn thành (trên giấy A4 hoặc giấy nháp)
- Giáo viên gọi ngẫu nhiên đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày; Mời HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên chiếu đáp án, hs các nhóm dựa vào đáp án để chấm chéo sản phẩm nhóm của nhau; Học sinh ghi chép cá nhân.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV đánh giá kết quả trả lời của HS.
- GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.
- GV chốt kiến thức:

Tính đến tháng 06 năm 2021, Quảng Ninh có tất cả 09 bảo vật quốc gia: (1) Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông, niên đại thế kỉ XVII, được thờ trong tháp Huệ Quang tại Khu di tích và danh thắng Yên Tử; (2) Hộp vàng Ngọạ Vân - Yên Tử, niên đại thế kỉ XIV; (3) Bình gốm Đầu Rằm, niên đại nửa đầu thiên niên kỉ thứ II trước Công nguyên (TCN); (4) Trống đồng Quảng Chính, niên đại thế kỉ thứ III – II TCN; (5) Thống đồng thời Trần, niên đại thế kỉ XIII - XIV; (6) Mâm bồng gốm men vẽ nhiều màu, niên đại thế kỉ XV; (7) Bình gốm hoa sen, niên đại thế

kỉ XI - XII; (8) Bình gốm hoa nâu Kinnari, niên đại từ thế kỉ XI - XII; (9) Thạp gốm hoa nâu, niên đại thế kỉ XI - XII (các bảo vật từ số 2 đến số 9 đều đang được lưu giữ tại Bảo tàng Quảng Ninh).

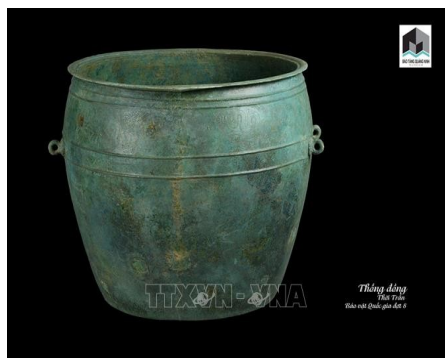
- GV trình chiếu: Một số hình ảnh bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh:



Hình 3.1. Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông



Hình 3.2. Trống đồng Quảng Chính



Hình 3.3. Thống đồng thời Trần



Hình 3.4. Mâm đồng gốm men vẽ nhiều màu



Hình 3.5. Thạp gốm hoa nâu



Hình 3.6. Hộp vàng Ngoạ Vân-Yên Tử



Hình 3.7. Bình gốm Đầu Rằm

Hoạt động 2.2. Giá trị văn hoá, lịch sử của các bảo vật Quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (10 phút)

a. Mục tiêu:

- HS trao đổi về giá trị văn hoá, lịch sử của các bảo vật Quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b. Nội dung:

- HS xác định được giá trị văn hoá, lịch sử của 9 bảo vật Quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

– GV yêu cầu HS chia thành 4 nhóm học tập; mỗi nhóm cử nhóm trưởng, thư kí, tổ chức thảo luận trên phiếu học tập.

– GV phát phiếu học tập cho các nhóm.

Lập bảng nhận biết địa danh và ý nghĩa các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc theo nhóm và báo cáo kết quả học tập trên phiếu.

- Thông tin cho GV:

2.1. Đối với bảo vật quốc gia, Luật Di sản văn hoá (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có quy định các tiêu chí cụ thể.

2.2. *Lập bảng nhận biết địa danh và ý nghĩa các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.*

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS trình bày kết quả

Bước 4: Đánh giá, nhận xét

- GV, HS nhận xét, đánh giá kết quả.

- GV chốt kiến thức:

2.1. Đối với bảo vật quốc gia, Luật Di sản văn hoá (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có quy định các tiêu chí cụ thể như sau:

a) Là hiện vật gốc độc bản;

b) Là hiện vật có hình thức độc đáo;

c) Là hiện vật có giá trị đặc biệt liên quan đến một sự kiện trọng đại của đất nước hoặc liên quan đến sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu; hoặc là tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng về giá trị tư tưởng, nhân văn, giá trị thẩm mỹ tiêu biểu cho một khuynh hướng, một

phong cách, một thời đại; hoặc là sản phẩm được phát minh, sáng chế tiêu biểu, có giá trị thực tiễn cao, có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển ở một giai đoạn lịch sử nhất định; hoặc là mẫu vật tự nhiên chứng minh cho các giai đoạn hình thành và phát triển của lịch sử trái đất.

2.2. Lập bảng nhận biết địa danh và ý nghĩa các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

ST T	Tên bảo vật	Địa danh lưu giữ bảo vật	Giá trị văn hoá, lịch sử
1	Tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông	Tháp Huệ Quang, chùa Hoa Yên, khu di tích và danh thắng Yên Tử, thành phố Uông Bí	– Niên đại: Đầu thế kỉ XVII, thời Lê Trung Hưng. – Giá trị lịch sử, tư tưởng và mỹ thuật: Phật giáo Đại Việt, Phật giáo Trúc Lâm.
2	Hộp vàng Ngọa Vân – Yên Tử còn gọi là hộp vàng hình Hoa Sen	Bảo tàng Quảng Ninh	- Niên đại: được xác định có niên đại thời Trần, nửa đầu thế kỷ 14. - Giá trị lịch sử, tư tưởng và mỹ thuật: là một di vật quan trọng liên quan đến hoàng gia hoặc nghi lễ tôn giáo tôn nghiêm, được sử dụng trong nghi lễ Phật giáo Mật tông.
3	Trống đồng Quảng Chính	Bảo tàng Quảng Ninh	- Niên đại: được xác định có niên đại văn hóa Đông Sơn, khoảng thế kỷ III - II trước Công Nguyên. - Giá trị lịch sử, tư tưởng và mỹ thuật: Trống đồng không chỉ là nhạc khí mà còn có những chức năng khác như biểu tượng cho quyền lực tôn giáo... Trống được dùng trong các nghi lễ tôn giáo, lễ hội và chiến tranh chống giặc ngoại xâm.
4	Bình gốm Đầu Rằm hay còn gọi là gốm Hoàng Tân	Bảo tàng Quảng Ninh	- Niên đại: được xác định có niên đại văn hóa Phùng Nguyên muộn, cách đây hơn 3.000 năm. - Giá trị lịch sử, tư tưởng và mỹ thuật: là vật dụng cao quý, được sử dụng trong các nghi lễ như bát bồng và thổ của người Phùng Nguyên vùng đất tổ, của cư dân thời đại kim khí ở Đầu Rằm.
5	Thống đồng thời Trần	Bảo tàng Quảng Ninh	- Niên đại: được xác định có niên đại thời Trần, thế kỷ 13-14. - Giá trị lịch sử, tư tưởng và mỹ thuật: Thống là sự kế thừa và tiếp biến văn hóa của nhiều thời kỳ. Từ nghệ thuật trống đồng Đông Sơn đến nghệ thuật trang trí thời Trần và sau đó. Thống đồng thời Trần là vật dụng lễ khí (tế

			khí) trong các hoạt động nghi lễ (tế lễ) của đời sống cung đình (miếu, đường) thời Trần.
6	Mâm bông gồm men vẽ nhiều màu	Bảo tàng Quảng Ninh	- Niên đại: được xác định có niên đại thời Lê sơ, thế kỷ 15. - Giá trị lịch sử, tư tưởng và mỹ thuật: Căn cứ vào hình dáng, hoa văn trang trí và kích thước, các nhà nghiên cứu đoán định mâm bông có thể là đồ “ngự dụng” hoặc đồ “quan dụng” (đồ dành cho vua, quan dùng trong hoàng cung) có tính chất cao quý và là vật dụng được sử dụng trong các nghi lễ thờ cúng trong tín ngưỡng của văn hóa người Việt.
7	Bình gốm hoa sen	Bảo tàng Quảng Ninh	- Niên đại: được xác định có niên đại dưới thời Lý, thế kỷ 11-12. - Giá trị lịch sử, tư tưởng và mỹ thuật: Căn cứ vào hình dáng, hoa văn trang trí và kích thước, bình gốm hoa sen được sử dụng trong các nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng.
8	Bình gốm hoa nâu Kinnari	Bảo tàng Quảng Ninh	- Niên đại: được xác định có niên đại thời Lý, thế kỷ 11-12, đã phát hiện ở miền Bắc Việt Nam. - Giá trị lịch sử, tư tưởng và mỹ thuật: Bình gốm hoa nâu Kinnari là đồ dùng của tầng lớp quyền quý, hoặc là đồ lễ khí (tế khí) trong các hoạt động nghi lễ của đời sống cung đình (miếu, đường) hoặc đời sống tôn giáo (chùa) thời Lý.
9	Thạp gốm hoa nâu	Bảo tàng Quảng Ninh	- Niên đại: được xác định có niên đại thời Lý, thế kỷ 11 – 12. - Giá trị lịch sử, tư tưởng và mỹ thuật: Thạp có thể là đồ dùng của tầng lớp quyền quý, hoặc là đồ lễ khí (tế khí) trong các hoạt động nghi lễ của đời sống cung đình (miếu, đường) hoặc đời sống tôn giáo (chùa) thời Lý.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ: (05 phút)**

- **Học bài:** kể tên các **bảo vật Quốc gia của tỉnh Quảng Ninh.**

- **Nắm được** địa điểm phát hiện các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh

Quảng Ninh. Nhận biết được giá trị văn hoá, lịch sử của các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- **Chuẩn bị tiết 2:**

- Giới thiệu được giá trị văn hoá, lịch sử của các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh

Quảng Ninh.

- Làm thế nào để bảo tồn các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh?

Hướng dẫn hoạt động 4: VẬN DỤNG

Tổ chức hoạt động học tập – thực hành vận dụng gắn với tình huống và thực tiễn.

GV chia HS thành các nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập.

– GV giao nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: Sưu tầm thông tin, hình ảnh về các bảo vật quốc gia đang được lưu giữ và trưng bày tại Bảo tàng Quảng Ninh.

+ Nhóm 2: Thực hiện dự án/ sản phẩm (bằng video quay trực tiếp, video dựng bằng hình ảnh chụp có lồng tiếng thuyết minh, bài viết hoặc các sản phẩm khác...) giới thiệu giá trị của bảo vật quốc gia với du khách.

– Hoạt động chung của 02 nhóm: Hãy thuyết trình, giới thiệu về những vấn đề nhóm đã chuẩn bị.

– GV gợi ý cách làm, hình thức triển khai và sản phẩm báo cáo (thiết kế bố cục báo cáo; hình thức triển khai và sản phẩm công bố (quay video trực tiếp, sưu tầm tư liệu qua các trang thông tin, bài viết và các sản phẩm khác...)).

– GV quan sát, thúc đẩy quá trình nghiên cứu, học tập của HS.

– GV nghiệm thu kết quả học tập

Tiết 2

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (20 phút)

a. Mục tiêu: luyện tập, củng cố kỹ năng giới thiệu các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b. Nội dung

- HS giới thiệu các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và đề xuất những biện pháp bảo tồn các bảo vật Quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

c. Sản phẩm

- Câu trả lời của HS, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ:

?1. HS làm việc nhóm đôi, lập sơ đồ tư duy khái quát kiến thức bài học;

?2. Đề xuất ý tưởng làm thế nào để bảo tồn các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh

Quảng Ninh?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận, trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS trình bày.

- HS báo cáo sơ đồ tư duy trên giấy A0, hoặc trình chiếu PP.

Gợi ý trả lời:

1. Lập sơ đồ tư duy khái quát kiến thức bài học (sơ đồ vẽ tay, PP)

2. Lập sơ đồ tư duy đề xuất một số giải pháp bảo tồn bảo vật Quốc gia của tỉnh Quảng

Ninh

- Tuyên truyền, quảng bá qua các kênh khác nhau về 9 bảo vật Quốc gia của Quảng

Ninh.

- Tích cực tham gia các hoạt động nhằm phát triển văn hóa truyền thống của dân tộc (giữ gìn, bảo tồn các bảo vật Quốc gia, khi đi tham quan viện bảo tàng không chạm vào bảo vật...).

Bước 4: Đánh giá, nhận xét

- GV, HS nhận xét, đánh giá kết quả.

- GV chốt kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (20 phút)

a. Mục tiêu: HS về nhà, vận dụng hoặc liên hệ kiến thức đã học để hoàn thành bài tập dự án; thực hành vận dụng gắn với tình huống và thực tiễn.

b. Nội dung

Thực hiện dự án tìm hiểu bảo vật Quốc gia của tỉnh Quảng Ninh.

c. Sản phẩm

- Sơ đồ tư duy, dự án tìm hiểu một bảo vật Quốc gia của tỉnh Quảng Ninh.

d. Tổ chức thực hiện: GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà.

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- GV chia nhiệm vụ:

Thực hiện dự án tìm hiểu bảo vật Quốc gia của tỉnh Quảng Ninh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện theo nhóm tổ.

Dự án *Tìm hiểu các bảo vật Quốc gia của Tỉnh Quảng Ninh*: sản phẩm (bằng video quay trực tiếp, video dựng bằng hình ảnh chụp có lồng tiếng thuyết minh, bài viết hoặc các sản phẩm khác...) giới thiệu giá trị của bảo vật quốc gia với du khách.

- HS sáng tạo theo ý hiểu của nhóm về ND và hình thức trình bày.

- Hoạt động chung của các nhóm: Hãy thuyết trình, giới thiệu về những vấn đề nhóm đã chuẩn bị.

- GV gợi ý cách làm, hình thức triển khai và sản phẩm báo cáo (thiết kế bố cục báo cáo; hình thức triển khai và sản phẩm công bố (quay video trực tiếp, sưu tầm tư liệu qua các trang thông tin, bài viết và các sản phẩm khác...)).

- GV quan sát, thúc đẩy quá trình nghiên cứu, học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV yêu cầu mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày trước lớp dự án tìm hiểu bảo vật Quốc gia trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh.

- Sưu tầm thông tin, hình ảnh về 08 bảo vật quốc gia đang được lưu giữ và trưng bày tại Bảo tàng Quảng Ninh.

- Thực hiện dự án/ sản phẩm (bằng video quay trực tiếp, video dựng bằng hình ảnh chụp có lồng tiếng thuyết minh, bài viết hoặc các sản phẩm khác...) giới thiệu giá trị của bảo vật quốc gia với du khách.

Bước 4: Đánh giá, nhận xét

- Các nhóm khác nhận xét.

- GV nhận xét, cho điểm, khích lệ HS học tập.

- GV đánh giá, tổng kết.

- GV nghiệm thu kết quả các nhóm.

- GV đánh giá, chấm sản phẩm.

*** Hướng dẫn về nhà (05 phút)**

- Học bài:

- Nắm được địa điểm phát hiện các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Nhận biết được giá trị văn hoá, lịch sử của các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Giới thiệu được giá trị văn hoá, lịch sử của các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Có ý thức bảo tồn các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

- Hoàn thiện dự án (sau khi đã được nhận xét, góp ý)

- Chuẩn bị bài:

+ **Ôn tập giữa HKI: Xem lại các đơn vị kiến thức đã học ở các bài 1,2,3 của chủ đề 1**

* RÚT KINH NGHIỆM

- Giáo viên in *Lập bảng nhận biết địa danh và ý nghĩa các bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.*
 - + Tổ 1: Tìm hiểu bảo vật 1,2,3
 - + Tổ 2: Tìm hiểu bảo vật 4,5,6
 - + Tổ 3: Tìm hiểu bảo vật 7,8,9
- Trình bày và nhận xét, bổ sung cho nhau

Ngày soạn: 15/12/2022

Ngày dạy: 20/12/2022

Tiết 8: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức: Ôn tập các kiến thức cơ bản về

- Kinh tế, chính trị, văn hóa xh Qn từ 938 đến thế kỉ XVI
- Chiến thắng trên sông Bạch Đằng qua các mốc thời gian 938.981,1288 cùng ý nghĩa lịch sử của nó.
- Bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

2. Năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

* Năng lực Địa Lí

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với địa phương nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị

Máy tính, máy chiếu...

2. Học liệu: tài liệu gđp 7.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Ôn định lớp.

Ngày dạy	Lớp	HS vắng
/12/2022	7A3	

- Phiếu học tập; Rubric/Bảng kiểm; Giấy A0, bút dạ, bút màu
- Máy tính, máy chiếu

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: GV cho HS khái quát lại nội dung đã học từ đầu năm đến nay. ? Em ấn tượng với nội dung nào nhất? Vì sao? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Ôn tập

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

HS hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm

b. Nội dung: Tìm hiểu HS làm 1 số câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV : HS hoàn thành hệ thống câu hỏi trắc nghiệm trên màn chiếu. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 4. Vận dụng**Học sinh làm các bài tập để củng cố kiến thức**

- a. Mục đích:** HS hoàn thành nội dung các bảng nhằm ôn lại kiến thức
- b. Nội dung:** Tìm hiểu về Hệ thống kiến thức bằng hệ thống bảng
- c. Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
- d. Cách thực hiện.**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS làm việc theo nhóm hoàn thành phiếu bài tập sau Nhóm 1: <i>Câu 1. Nêu Các tên gọi của tỉnh Quảng Ninh từ 938 đến đầu thế kỉ XVI?</i> <i>Câu 2: Giới thiệu khái quát về lịch sử văn hóa, nghệ thuật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ 938-XVI?</i> Nhóm 2: <i>Câu 3: Hãy nêu những biểu hiện và ý nghĩa của văn hóa biển trong đời sống kinh tế, văn hóa – xã hội ở tỉnh QN hiện nay?</i> <i>Câu 4: Giới thiệu sơ lược về tên gọi và Lịch sử địa phương nơi em sống?</i> Nhóm 3,4: ? Giới thiệu về một trong 3 chiến thắng lịch sử trên sông Bạch Đằng? ? Giới thiệu một bảo vật của tỉnh Quảng Ninh?	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

*** Hướng dẫn học bài**

- Hệ thống lại kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 3
- Vẽ sơ đồ tư duy bài học các bài đã học.
- Tiết 9 kiểm tra giữa kì: Viết bài tại lớp

***Rút kinh nghiệm:**

Ngày soạn: 16/12/2022

Ngày giảng: 21/12/2022

Tiết 9: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội từ 938 đến thế kỷ XVI
- Chiến thắng trên sông Bạch Đằng qua các mốc thời gian 938, 981, 1288 cùng ý nghĩa lịch sử của nó.
- Bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

2. Năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học: có ý thức ôn tập và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: thực hiện tốt nhiệm vụ học tập
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Trung thực: tự giác, trung thực khi làm bài
- Yêu mến, tự hào về quê hương mình

II. CHUẨN BỊ CỦA GV & HS

1. Chuẩn bị của giáo viên: thống nhất hình thức kiểm tra

2. GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài:

3. Hình thức đề kiểm tra:

+ Nộp sản phẩm

+ Cách tổ chức kiểm tra: HS thuyết trình tại lớp theo nhóm đã được phân công

+ Thời gian: 45 phút

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Kiểm tra đánh giá

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp.

<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Lớp</i>	<i>HS vắng</i>
22/12/2022	7A3	

2. Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng học tập, thước bút... của học sinh.

3. Bài mới:

- Giáo viên phát đề kiểm tra cho học sinh
- HS làm bài tại lớp
- Giáo viên thu lại sản phẩm bài viết của HS.
- GV nhận xét ý thức làm bài, nộp bài của học sinh.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Học bài cũ: Ôn lại các kiến thức đã học
- Chuẩn bị bài: Các dân tộc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh
- + Đọc phần chuẩn bị sgk
- + Chuẩn bị bài viết theo dàn bài sgk

PHÒNG GD&ĐT UÔNG
TRƯỜNG THCS PHƯƠNG NAM
(Đề gồm: 01 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2022-2023
Môn: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian
giao đề)

ĐỀ BÀI:

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái có chứa đáp án đúng cho các câu hỏi từ 1-8

Câu 1. Đạo thừa tuyên An Bang là tên gọi của tỉnh Quảng Ninh dưới thời nào?

A. Nhà Lý

B. Hậu Lê – Lê Sơ

C. Nhà Trần

D. Nhà Hồ

Câu 2. Hầu Nhân Bảo chỉ huy quân Tống tiến đánh nước ta vào năm nào?

A. Cuối 938

B. Cuối 1287

C. Đầu 981

D. Đầu 1288

Câu 3. Trận chiến trên sông Bạch Đằng của quân dân nhà Trần đã bắt sống tướng giặc nào?

A. Lưu Hoảng Tháo

B. Thoát Hoan

C. Trương Văn Hổ

D. Ô Mã Nhi

Câu 4. Chùa Quỳnh Lâm được xây dựng từ thời

A. nhà Trần

B. nhà Lý

C. nhà Hồ

D. Hậu Lê – Lê Sơ

Câu 5: Thời nhà Lý (1010-1225) tỉnh Quảng Ninh có tên gọi là

A. Triều Dương

B. Tĩnh An

C. Vĩnh An

D. Tân An

Câu 6: Thập gồm hoa nâu có niên đại thời Lý ở thế kỉ nào

A. Thế kỉ X-XI

B. Thế kỉ XI-XII

C. Thế kỉ XII-XIII

D. Thế kỉ XIII-XIV

Câu 7 Trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 1288 quân ta đánh tan quân nào?

A. Quân Nguyên

B. Quân Nam Hán

C. Quân Tống

D. Quân Thanh

Câu 8: Thương cảng Vân Đồn ra đời vào thời gian nào?

A. Thế kỉ XIV

B. Thế kỉ XIII

C. Thế kỉ XII

D. Thế kỉ XV

PHẦN II: TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 1: Hãy nêu những nét chính trong lịch sử Quảng Ninh từ năm 938 đến thế kỉ XVI?

Câu 2: Nêu ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 1288?

ĐÁP ÁN- BIỂU ĐIỂM

Phần I. Trắc nghiệm (4,0 điểm -mỗi ý đúng được 0,5 điểm)								
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án đúng	B	C	D	B	C	B	A	C

Phần 2; Tự luận (6,0 điểm)		
Câu 1	Gợi ý trả lời	Điểm
Hãy nêu những nét chính trong lịch sử Quảng Ninh từ năm 938 đến thế kỉ XVI?	-Năm 938 dưới sự lãnh đạo của Ngô Quyền quân và dân ta đã giành thắng lợi vẻ vang dội trên sông Bạch đằng đánh bại quân xâm lược Nam Hán chấm dứt ách đô hộ hàng nghìn năm của phong kiến phương Bắc.	1,0
	- Trong kỷ nguyên Đại Việt vào thời Lý thế kỷ thứ XII thương cảng Vân đồn ra đời, nền kinh tế biển đã từng bước hình thành và phát triển từ thế kỷ thứ XII đến thế kỷ thứ XVIII	1,0
	-Năm 981, vua lê Đại Hành trực tiếp lãnh đạo quân ta đánh tan quân Tống để bảo vệ độc lập dân tộc, mở ra thời kì mới độc lập lâu dài của dân tộc	0,5
	-Vào năm 1288 quân dân nhà Trần giành được chiến công hiển hách trên sông Bạch Đằng đánh bại đế quốc Nguyên Mông	0,5
	-Quảng Ninh cũng là trung tâm của dòng thiền phái Trúc Lâm Yên tử do Phật Hoàng Trần Nhân tông sống động vẫn còn phát triển chưa đến ngày nay	1,0
Câu 2: Nêu ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 1288?	-Chấm dứt vĩnh viễn nạn xâm lược của đế quốc Mông-Nguyên vô cùng lớn mạnh và hung hãn đang hoành hành cả thế giới khi đó	1,0
	-Nền độc lập của dân tộc đượ bảo vệ vững chắc	0,5
	-Là chiến thắng chói lọi vào bậc nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, là chiến công mang tầm vóc thời đại	0,5

*** Hướng dẫn học bài:**

- Xem lại các kiến thức trong 3 bài 1,2,3
- Có thể cụ thể hóa sơ đồ bằng các bản đồ tư duy cho dễ thuộc
- Chuẩn bị bài 4: “**Thương cảng Vân Đồn**”
 - + Xác định vị trí Vân Đồn trên bản đồ Quảng Ninh
 - + Đọc kĩ tài liệu đánh dấu (gạch chân, tô đậm những ý minh họa cho sự hình thành, phát triển của thương cảng Vân Đồn,
 - + Tìm hiểu về vai trò của thương cảng Vân Đồn đối với tỉnh Quảng Ninh
 - + tar lời các câu hỏi phần cuối sgk, làm các bài tập

*** Rút kinh nghiệm:**

THƯƠNG CẢNG VÂN ĐỒN

Môn: GDĐP; lớp: 7

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được thương cảng Vân Đồn là thương cảng quốc tế quan trọng của đất nước.
- Giới thiệu được vai trò của thương cảng Vân Đồn: giao thương phát triển kinh tế; giao lưu văn hoá, tôn giáo; mở rộng các mối quan hệ bang giao của nước ta.

2. Năng lực

- Đọc và chỉ ra được thông tin quan trọng.

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Phẩm chất

Trân trọng những giá trị lịch sử mà cha ông ta đã tạo ra.

Yêu, và biết tự hào, giữ gìn và phát huy những giá trị lịch sử của địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Phiếu học tập.
- SGK.
- Máy chiếu
- Video về một số nội dung trong bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh

Sưu tầm, tìm hiểu các kiến thức về huyện Vân Đồn theo yêu cầu của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu (5 phút)

a. Mục tiêu:

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Xác định được vấn đề của bài học.

b. Nội dung:

Các em đã đến Vân Đồn chưa? (Em đến những địa danh nào? Cảm xúc của em khi đến Vân Đồn?)

GV: Hôm nay, Cô sẽ đưa các em đi du lịch qua màn ảnh nhỏ đến Vân Đồn qua bài hát “Xôn xao sóng nước Vân Đồn.”

HS: Nghe và cảm nhận.

Sau khi nghe xong, GV chiếu lược đồ quần đảo Vân Đồn. Yêu cầu HS lên xác định vị trí địa lý và nêu hiểu biết của HS về huyện Vân Đồn.

c. Sản phẩm

Câu trả lời của Hs.

Quần đảo Vân Đồn nằm phía Đông và Đông Bắc vịnh Bái Tử Long, gồm 600 đảo lớn nhỏ. Trong đó có một dãy đảo dài chạy gần như song song với đất liền, ngăn thành một vịnh biển kín gió, nước sâu, dòng rộng, thuyền bè đi lại an toàn. Với những yếu tố thuận lợi của mình, Vân Đồn đã trở thành thương cảng quốc tế đầu tiên của nước ta.

d. Tổ chức thực hiện:

- HS trình bày.
- GV dẫn vào bài

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới (60')

Hoạt động 2.1. Sự hình thành, phát triển của thương cảng Vân Đồn

a. Mục tiêu:

- Trình bày được thương cảng Vân Đồn là thương cảng quốc tế quan trọng của đất nước.

b. Nội dung:

- GV dùng phiếu học tập cho HS thảo luận nhóm theo bàn
- HS nghiên cứu tài liệu rồi trình bày .

c. Sản phẩm

Phần trình bày của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
------------------------	------------------

GV phát phiếu học tập. HS thảo luận nhóm bàn trong thời gian 5 phút. HS căn cứ kiến thức SGK để trả lời vào phiếu học tập các nội dung sau.		1. Sự hình thành, phát triển của thương cảng Vân Đồn
Câu hỏi	Nội dung	
Sự hình thành thương cảng Vân Đồn		
Quá trình phát triển thương cảng Vân Đồn qua các thời kỳ	- Thời nhà Trần (1225 - 1400)	
	- Thời nhà Lê Sơ (1428 - 1527)	
	- Thời nhà Mạc (1527 - 1677)	
GV dùng điện thoại chụp bài làm của 4 nhóm. Đưa lên máy chiếu. HS quan sát và bổ sung nếu có. GV: Nhận xét và chốt kiến thức.		- Sự hình thành: Thuyền các nước xin ở lại buôn bán bèn cho lập trang ở nơi hải đảo, gọi là Vân Đồn, để mua bán hàng quý, dâng tiến sản vật địa phương”. Năm thứ 10 (1149) vua Lý Anh Tông đã cho thành lập trang Vân Đồn, thương cảng sớm nhất lịch sử Việt Nam. - Sự phát triển: + Thời nhà Trần (1225 - 1400): việc phát minh ra con đường hàng hải xuyên biển đã đẩy nhịp độ buôn bán quốc tế phát triển mạnh hơn. Vân Đồn trở thành thương cảng quốc tế thịnh vượng, trung tâm buôn bán lớn của vùng Đông Nam Á + Thời nhà Lê Sơ (1428 - 1527): thực hiện chính sách quản lí chặt chẽ, ở thời kì này có dấu hiệu suy giảm so với thời kì trước + Thời nhà Mạc (1527 - 1677): chính sách mở cửa về thương mại, hoạt động ngoại thương tại thương cảng Vân Đồn lại hưng thịnh.
? Tại sao lại chọn Vân Đồn để trao đổi hàng hóa? ? Chỉ ra các biểu hiện phát triển thịnh vượng nhất của thương cảng Vân Đồn dưới triều Trần (1225 - 1400).		
? Nguyên nhân nào dẫn đến thương cảng Vân Đồn giảm sút và mất hẳn vai trò trung tâm thương mại của mình.		
GV chiếu 1 số hình ảnh về thương cảng Vân Đồn		Cuối thế kỉ XVII, mở cửa cho thuyền buôn Trung Quốc, Nhật Bản, Hà Lan, Anh, ... được vào sâu trong nội địa buôn bán. Thương cảng Vân Đồn mất hẳn vai trò trung tâm thương mại. Hoạt động ngoại thương vẫn diễn ra, nhưng không còn sầm uất.
		2. Vai trò của thương cảng Vân Đồn

Hoạt động 2.1. Sự hình thành, phát triển của thương cảng Vân Đồn

a. Mục tiêu:

- Giới thiệu được vai trò của thương cảng Vân Đồn: giao thương phát triển kinh tế; giao lưu văn hoá, tôn giáo; mở rộng các mối quan hệ bang giao của nước ta.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị nội dung từ bài trước.

- HS nghiên cứu tài liệu theo nhóm. Cử đại diện nhóm đóng vai chuyên gia lịch sử.

Nhóm	Nội dung
Nhóm 1	Phát triển kinh tế giao thương
Nhóm 2	Mở rộng các mối quan hệ bang giao của nước ta
Nhóm 3	Giao lưu văn hoá

c. Sản phẩm

Phần trình bày của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Các nhóm cử đại diện nhóm đóng vai chuyên gia lịch sử để nói về 3 nội dung trên.

Nhóm	Nội dung
Nhóm 1	Phát triển kinh tế giao thương: - thương cảng Vân Đồn luôn có mối liên hệ mật thiết với các trung tâm kinh tế nội địa và hệ thống các cảng trong đất liền. - nhiều làng nghề thủ công dệt, gốm sứ vùng châu thổ sông Hồng ra đời và phát triển - Các sản phẩm xuất đi có chất lượng cao để cạnh tranh với các sản phẩm nước ngoài.
Nhóm 2	Mở rộng các mối quan hệ bang giao của nước ta: - Vân Đồn là thương cảng buôn bán tập nập của thuyền bè và thương nhân đến từ nhiều quốc gia trên thế giới. - thương cảng Vân Đồn được xác định là điểm trung chuyển hàng hoá giữa vùng Bắc Á với Nam Á, Ấn Độ và Địa Trung Hải.
Nhóm 3	Giao lưu văn hoá: - Vua Trần còn cho xây dựng nhiều chùa tháp với quy mô lớn để đáp ứng nhu cầu tôn giáo cho cư dân và khách buôn nước ngoài sùng bái đạo Phật - Nhà Mạc: cho xây thành luỹ ở Cẩm Phả, Hoành Bồ để phòng thủ đất nước. - Nhà Lê: Trung Hưng cũng quan tâm xây dựng đình làng để làm nơi sinh hoạt văn hoá tâm linh cho cư dân biển đảo

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề

b. Nội dung:

GV dùng sơ đồ, GV cho HS làm theo nhóm

HS trả lời câu hỏi trên sơ đồ. Dán sản phẩm lên bảng và trình bày.

Nhóm khác bổ sung

GV chốt kiến thức

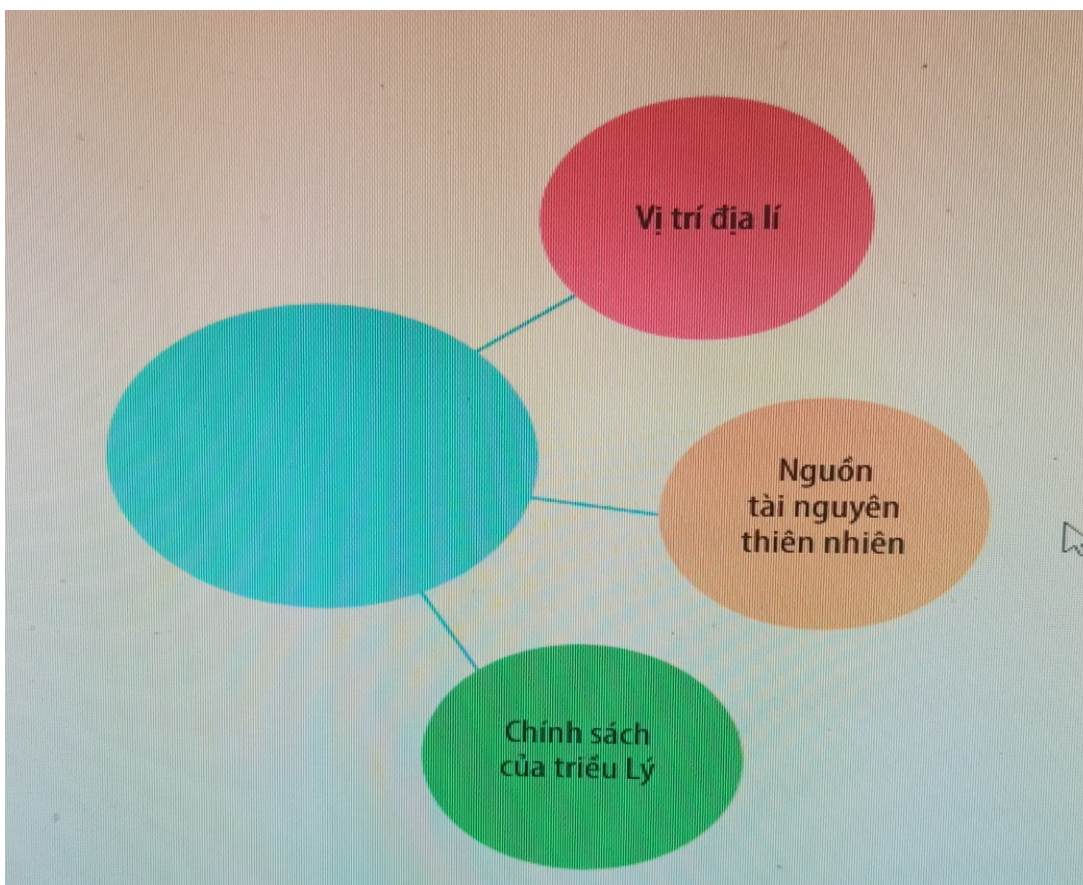
c. Sản phẩm

Phần trình bày của học sinh.

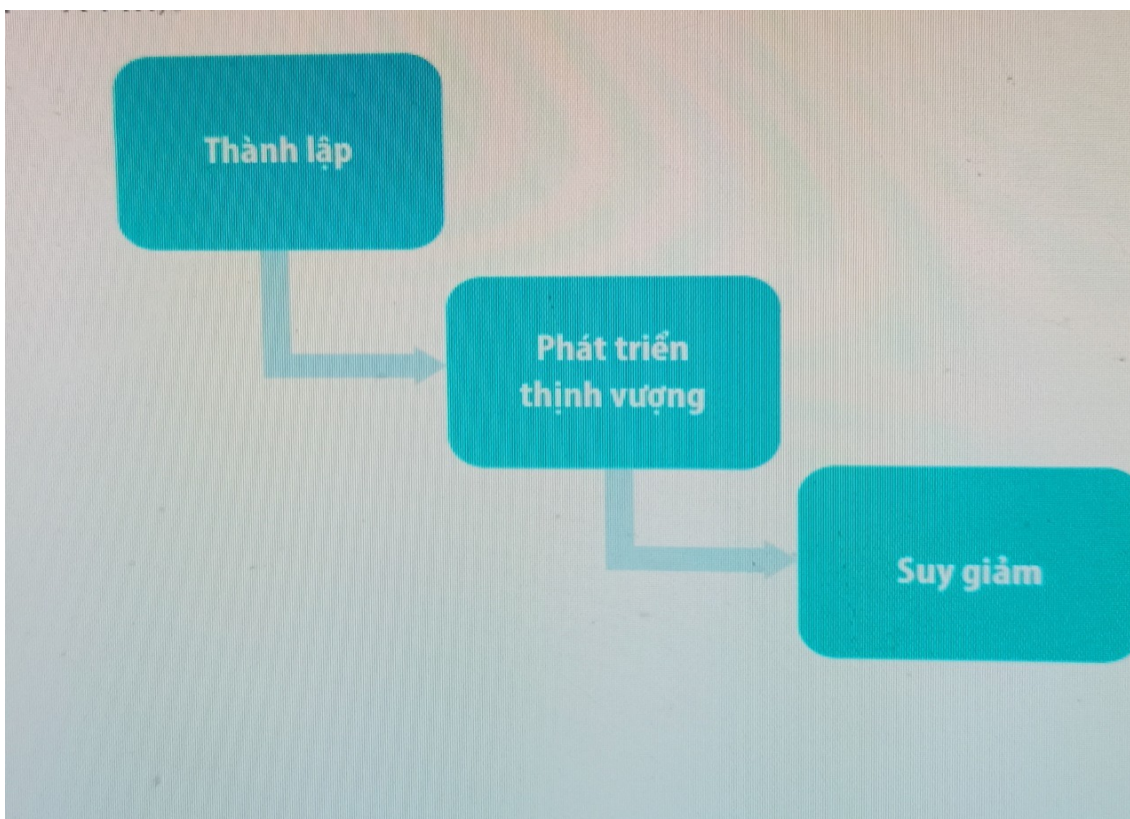
d. Tổ chức thực hiện:

GV nêu câu hỏi.

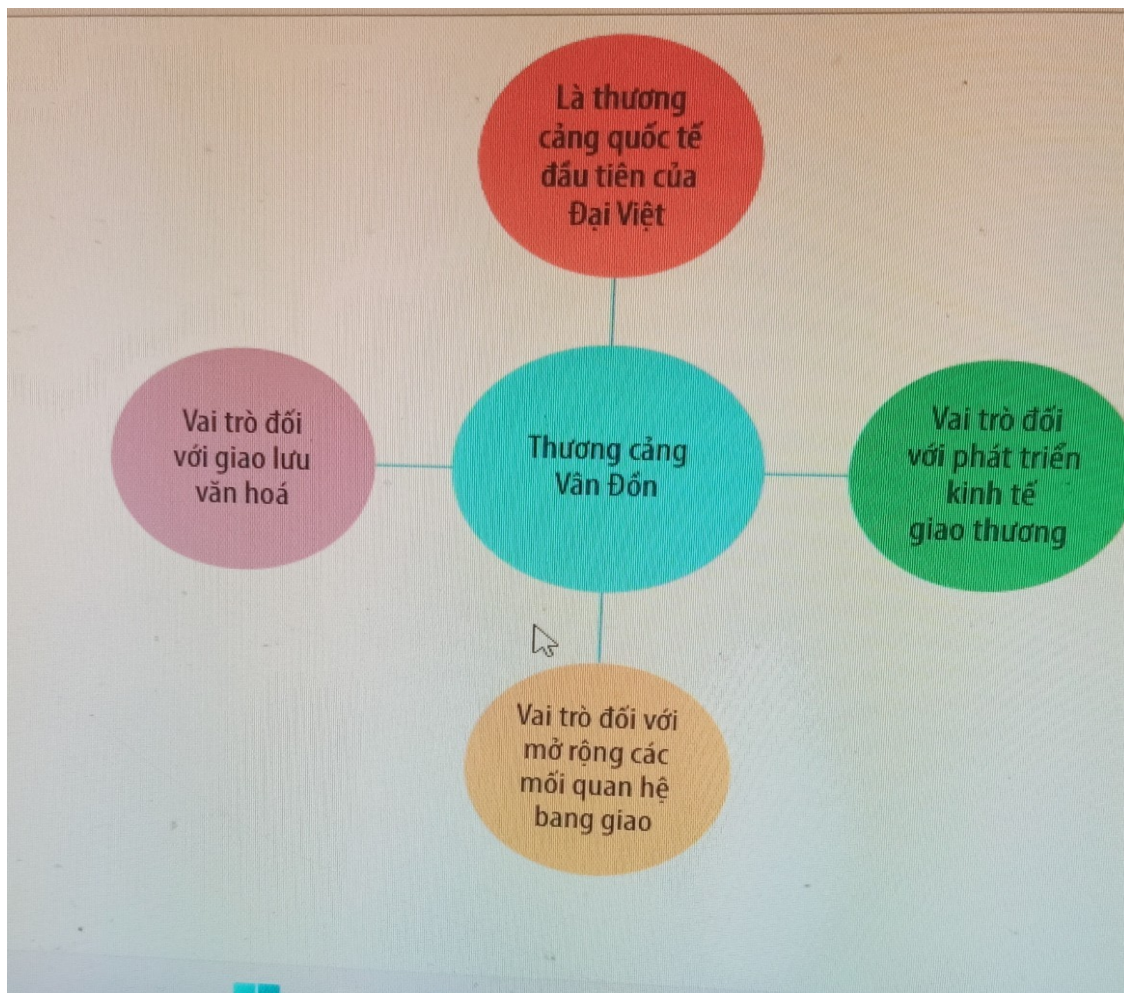
Nhóm 1-2: Phân tích những yếu tố để đưa đến việc thành lập thương cảng Vân Đồn ở triều Lý (năm 1149)



Nhóm 3-4: Hãy làm rõ 3 mốc thành lập, phát triển thịnh vượng và suy tàn của thương cảng Vân Đồn (XII - XVIII).



Nhóm 5-6: Thuyết trình vai trò cơ bản của thương cảng Vân Đồn trong lịch sử.



Hoạt động 4: Vận dụng.

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ

HS trả lời.

HS khác bổ sung

GV chốt kiến thức

c. Sản phẩm

Phần trình bày của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

GV nêu câu hỏi.

? Hãy viết một đoạn văn nói về vai trò thương cảng quốc tế Vân Đồn trong lịch sử và liên hệ với cảng hàng không quốc tế, cảng tàu quốc tế Ao Tiên Vân Đồn hiện nay.

HS: Thực hiện

GV mở rộng giới thiệu về sân bay và cảng tàu quốc tế Ao Tiên. Cho HS xem vi deo khái quát lại toàn bài.

GV giao phần chuẩn bị cho bài sau: Vịnh Hạ Long với giá trị văn hoá, lịch sử

BÀI 6: HOÀNG ĐẾ TRẦN NHÂN TÔNG VỚI QUẢNG NINH

Môn học: GDĐP. Lớp 7A3, 7A4

Thời lượng: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Trình bày được những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp của Hoàng đế Trần Nhân Tông.
- Giới thiệu được giá trị văn hóa lịch sử am Ngọa Vân trong Khu di tích Nhà Trần tại Đông Triều.

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao, tự nghiên cứu tìm hiểu kiến thức về Hoàng đế Trần Nhân Tông và chùa Am Ngọa Vân
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết đặt ra mục đích giao tiếp, trao đổi, hợp tác với bạn bè để tìm hiểu, trao đổi, rút ra kết luận nội dung các câu hỏi liên quan đến bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống có vấn đề trong học tập, biết thực hiện giải pháp giải quyết vấn đề một cách phù hợp.

*** Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tạo lập một bài thuyết trình, video giới thiệu đơn vị kiến thức có liên quan đến bài học.
- Năng lực vận dụng kiến thức đã học vào tình huống thực tế: Giới thiệu sơ lược được tiểu sử, cuộc đời, sự nghiệp của một nhân vật lịch sử hay một di tích lịch sử.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Thể hiện lòng tự hào dân tộc. Có ý thức tìm hiểu về các anh hùng dân tộc, các truyền thống của địa phương, tích cực học tập, rèn luyện để giữ gìn phát huy truyền thống tốt đẹp của địa phương
- Chăm chỉ: Học tập, nghiên cứu sâu tầm tài liệu về các anh hùng dân tộc, các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh nói riêng, cả nước nói chung.
- Trách nhiệm: Có ý thức bảo tồn các di tích lịch sử

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, loa, phiếu học tập.
- Ảnh, video về Phật Hoàng Trần Nhân Tông.
- Ảnh, video về am Ngọa Vân.

2. Học sinh:

Tìm hiểu trước thông tin liên quan đến nội dung bài học: Phật Hoàng Trần Nhân Tông, am Ngọa Vân.

3. Công cụ kiểm tra đánh giá: Câu hỏi, bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG: MỞ ĐẦU. Thời gian: 5 phút

a, Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b, Nội dung: GV nêu câu hỏi, tranh ảnh về hội nghị Bình Than và hoàng đế Trần Nhân Tông.

c, Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d, Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Gv chiếu ảnh và đặt câu hỏi: Hội nghị quân sự nào của các vương hầu, quan lại nhà Trần diễn ra vào năm 1282 họp bàn “kế sách đánh, phòng và chia quân đóng giữ nơi hiểm yếu” nhằm chống quân Nguyên xâm lược?



GV: Đọc thông tin phân khám phá trong tài liệu trang 39 và trả lời câu hỏi: Em có biết vị vua nào đã lãnh đạo nhân dân ta chiến thắng giặc Mông – Nguyên vào các năm 1285 và 1288?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS nghe, quan sát, trả lời

- Bước 3: Báo cáo sản phẩm

+ HS trình bày câu trả lời

- Bước 4: Kết luận, nhận định

+ GV nhận xét câu trả lời của HS và đưa ra kết luận, dẫn vào bài mới

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC. Thời gian: 50p

Hoạt động 2.1: Hoàng đế Trần Nhân Tông(1258-1308).

a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu tiểu sử, sự nghiệp, những đóng góp của Hoàng đế Trần Nhân Tông.

b) **Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc hiểu các đoạn tư liệu kết hợp quan sát hình ảnh, video và trả lời câu hỏi rút ra kết luận cần thiết.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS			DỰ KIẾN SẢN PHẨM		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc kĩ đoạn tư liệu trong tài liệu GDĐP kết hợp quan sát hình ảnh và video để hoàn thiện phiếu học tập. (Hình thức nhóm đôi. Thời gian 10p) PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 Hoàng đế Trần Nhân Tông			1. Hoàng đế Trần Nhân Tông(1258-1308)		
Tiểu sử - Đức vua Trần Nhân Tông, tên húy là Trần Khâm, sinh năm 1258. - Năm 1274, lên ngôi Hoàng Thái tử. - Năm 1278, được Vua Trần Thánh Tông truyền ngôi xưng là Hoàng đế, hiệu là Hiếu Hoàng. - Năm 1308, ông viên tịch.	Sự nghiệp - Năm 1282, Ngài chủ trì hội nghị Bình Than để lấy ý kiến của toàn quân, toàn dân Đại Việt đoàn kết chống giặc ngoại xâm. - Trực tiếp lãnh đạo quân dân Đại Việt, hai lần chiến thắng giặc Nguyên – Mông vào năm 1285 và 1288. - Năm 1293, ông nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông để lên làm Thái Thượng Hoàng. - Năm 1299, ông từ hành cung Vũ Lâm trở về kinh thành Thăng Long, rồi thăng tiến lên núi Yên Tử.	Những đóng góp - Lãnh đạo nhân dân đánh giặc ngoại xâm. - Sáng lập nên Phật giáo Trúc Lâm và dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử được các thế hệ nhân dân tôn xưng là Vua Phật Việt Nam	Tiểu sử		
Tiểu sử			Sự nghiệp		
Những đóng góp			Những đóng góp		
? Em có nhận xét gì về chính sách củng cố triều đình và chính sách hoà giải của hoàng đế Trần Nhân Tông? Từ đó em học tập được từ Ngài những đức tính gì? ? Dấu ấn nào trong cuộc đời hoàng đế Trần Nhân Tông để lại trong em ấn tượng sâu sắc nhất? ? Em có nhận xét chung gì về vị			*Nhận xét chung: ->Đức vua Phật hoàng Trần Nhân Tông người vừa có tâm vừa có tầm, là vị hoàng đế anh minh, lãnh tụ thiên tài, anh hùng dân tộc. Ngài là nhà văn hóa lớn, nhà tư tưởng lớn, đồng thời là nhà tu hành giác ngộ đã để lại hệ thống tư tưởng đặc sắc về Phật giáo. Người sáng lập nên Phật giáo Trúc Lâm và dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử được các thế hệ nhân dân ta tôn xưng là Vua Phật Việt Nam.		

Hoàng đế này? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc đoạn tư liệu kết hợp quan sát tranh để trả lời các câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trả lời . Các HS khác theo dõi, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, cho học sinh xem video giới thiệu về Hoàng đế Trần Nhân Tông và 1 số bài thơ của ngài như: Xuân Đình, Thiên Trường vãn vọng, Thiên Trường phủ, Cư trần lạc đạo phú... https://www.youtube.com/watch?v=9zGj-VH9IpA (Video về Hoàng đế Trần Nhân Tông)	
---	--

Hoạt động 2.2: Am Ngoạ Vân

- a) Mục tiêu:** Tìm hiểu những giá trị về văn hoá lịch sử am Ngoạ Vân trong Khu di tích Nhà Trần tại Đông Triều.
- b) Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc hiểu các đoạn tư liệu kết hợp quan sát ảnh, video và trả lời câu hỏi rút ra kết luận cần thiết.
- c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc tư liệu và trả lời câu hỏi: ? Nêu vị trí địa lí của am Ngoạ Vân và giải thích tên gọi? ? Em hãy nêu những giá trị về văn hoá lịch sử am Ngoạ Vân trong Khu di tích Nhà Trần tại Đông Triều? ? Ngoài am Ngoạ Vân em còn biết những di tích nào khác trong Khu di tích Nhà Trần tại Đông Triều? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc đoạn tư liệu trong SGK, quan sát tranh, video và trả lời các câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS đứng tại chỗ trả lời cá nhân. Các HS khác theo dõi, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang hoạt động luyện tập. https://www.youtube.com/watch?v=3EHza2GARag (video về am Ngoạ Vân)	2. Am Ngoạ Vân * Vị trí: Nằm trên núi Bảo Đài ở độ cao 600 m so với mực nước biển, thuộc vòng cung Đông Triều, thôn Tây Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. * Giá trị: -Văn hóa: + Là nơi thờ cúng Hoàng đế Trần Nhân Tông sau khi ông qua đời. + Lưu giữ được nhiều di vật từ thời Trần như hộp hoa sen bằng vàng mới được tìm thấy năm 2019 và được công nhận là bảo vật Quốc gia. -Lịch sử: Thời kì chống Pháp, du kích huyện Đông Triều và quân Đệ tứ chiến khu đã từng rút về hoạt động ở đây nên di tích kiến trúc này bị thực dân Pháp đánh phá hư hỏng nặng và đổ nát.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP. Thời gian: 20p

a. Mục tiêu: HS thực hành vận dụng kiến thức của bản thân để giới thiệu về Trần Nhân Tông và am Ngọa Vân.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS lựa chọn kiến thức để thực hành theo gợi ý.

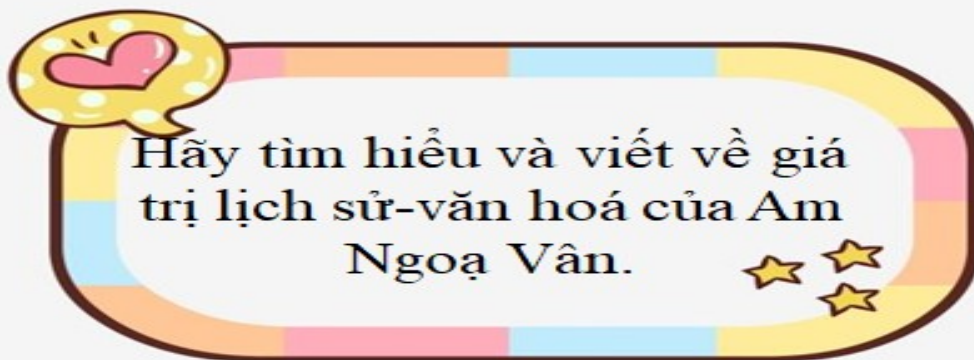
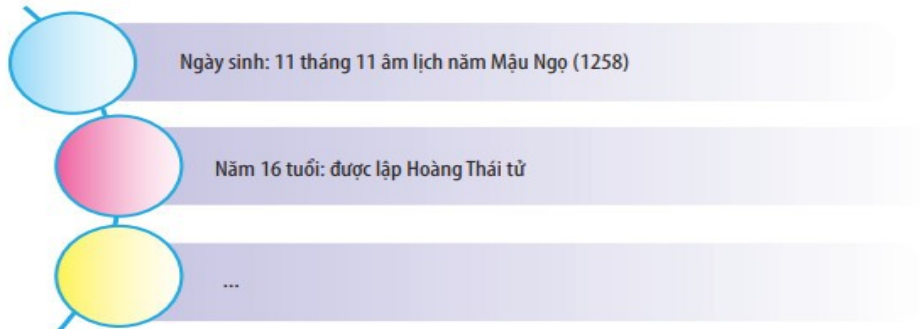
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ



3. Trình bày dưới dạng sơ đồ hoá một số sự kiện trong cuộc đời của Hoàng đế Trần Nhân Tông theo gợi ý sau:



Sản phẩm có thể là video, bài thuyết trình kèm hình ảnh minh họa (Hoạt động nhóm tổ)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem lại nội dung đã chuẩn bị ở nhà

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm đã chuẩn bị.

- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung bài và có thể phản hồi nếu có ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét bài trình bày của HS và chốt, bổ sung kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG. Thời gian: 15

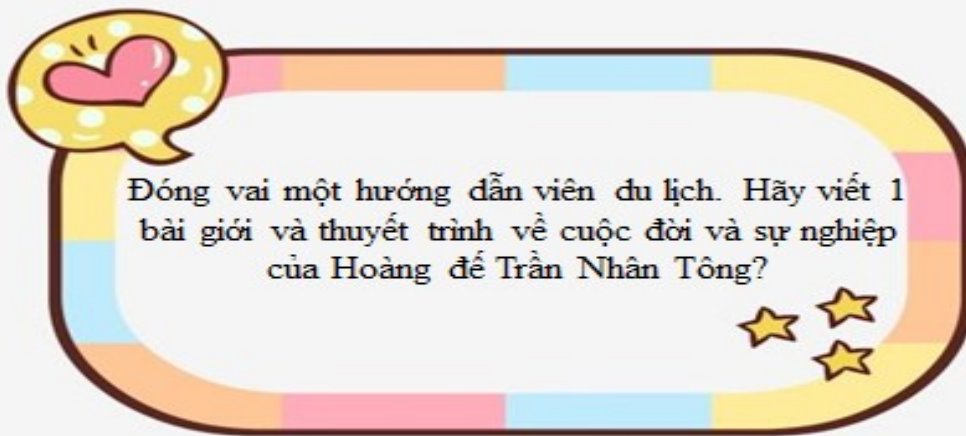
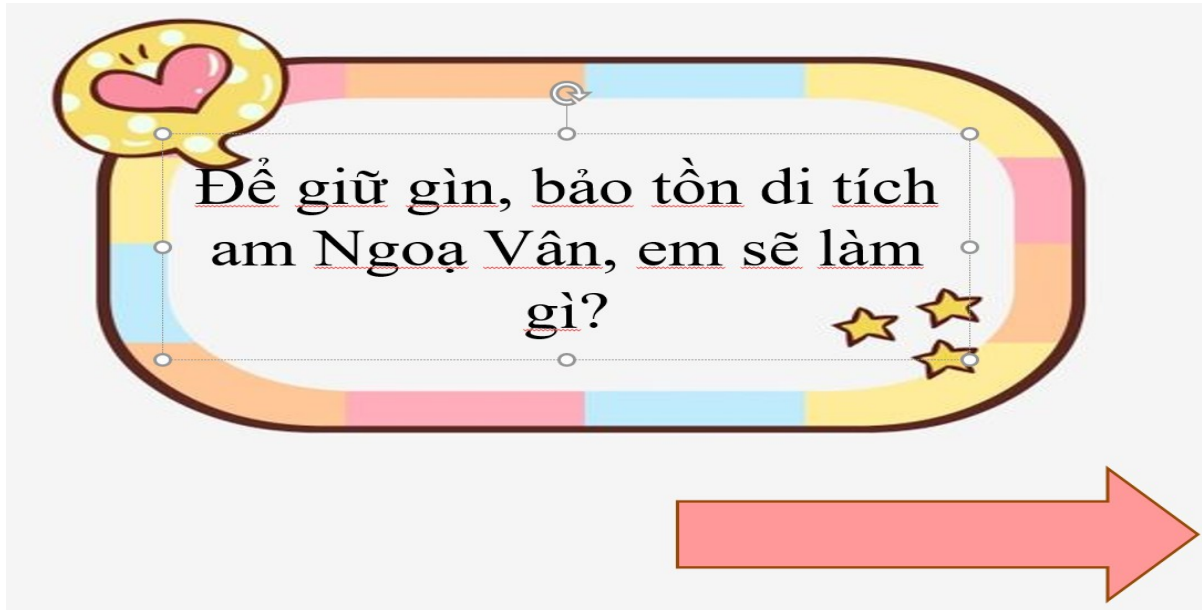
a. Mục tiêu: HS thực hành vận dụng kiến thức của bản thân để đóng vai hướng dẫn viên du lịch thuyết trình về cuộc đời sự nghiệp của Trần Nhân Tông.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS lựa chọn kiến thức để thực hành theo gợi ý.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ



Sản phẩm có thể là video, bài thuyết trình kèm hình ảnh minh họa (Hoạt động cá nhân)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem lại nội dung đã chuẩn bị ở nhà

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm đã chuẩn bị.
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung bài và có thể phản hồi nếu có ý kiến

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét bài trình bày của HS và chốt, bổ sung kiến thức

*** Hướng dẫn về nhà**

+ Học bài cũ:

- Học bài, hoàn thiện các bài tập
- Gửi các sản phẩm đã làm vào nhóm zalo lớp

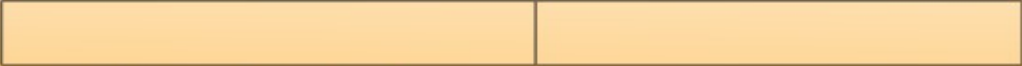
+ Chuẩn bị bài mới: Thực hành Lịch sử- Tái hiện lịch sử

Tìm hiểu về những chiếc cọc gỗ lim trưng bày tại bảo tàng Quảng Ninh, một di chỉ khảo cổ của nền văn hoá Hạ Long, một số bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh theo các phiếu học tập sau:

Nhóm 1+2

PHIẾU THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ NHỮNG CHIẾC CỌC GỖ LIM	
1. Thông tin chung	
– Tên hiện vật:	
– Năm khai quật:	
– Địa điểm khai quật:	
2. Mô tả hiện vật	
3. Cách bố trí bãi cọc	
4. Vai trò của bãi cọc trong trận chiến Bạch Đằng năm 1288	

Nhóm 3+ 4

PHIẾU THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ MỘT DI CHỈ KHẢO CỔ CỦA NỀN VĂN HOÁ HẠ LONG	
1. Thông tin chung	
– Tên di chỉ:	
– Năm khai quật:	
2. Hình ảnh hiện vật của di chỉ	
3. Mô tả hiện vật của di chỉ	
4. Giá trị của hiện vật	

Nhóm 5+6

PHIẾU THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ MỘT BẢO VẬT QUỐC GIA CỦA TỈNH QUẢNG NINH	
Tên bảo vật	
– Niên đại của bảo vật:	
– Mô tả bảo vật:	
– Giá trị của bảo vật:	

BÀI 5: VỊNH HẠ LONG VỚI GIÁ TRỊ VĂN HOÁ, LỊCH SỬ

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

Sau bài học này, HS sẽ:

- Trình bày được các di chỉ khảo cổ của nền văn hoá Hạ Long.
- Giới thiệu được một vài nét văn hoá của vùng đất, con người Hạ Long.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ nhằm hoàn thành nội dung bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, hợp tác với bạn trong nhóm hoàn thành nội dung bài học.

*** Năng lực chuyên biệt:**

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức, kĩ năng lịch sử để khai thác thông tin, tìm hiểu về giá trị của Vịnh Hạ Long.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có tinh thần tự học, chăm chỉ, nhiệt tình tham gia các hoạt động của bài học.
- Trách nhiệm: Có tinh thần trách nhiệm và trung thực trong hoạt động của nhóm.
- Yêu nước: Tự hào về giá trị của vịnh Hạ Long.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV GDĐP Quảng Ninh 7
- Máy tính, máy chiếu.
- Tranh ảnh, tư liệu về vịnh Hạ Long.

2. Đối với học sinh

- SGK GDĐP Quảng Ninh 7
- Đọc trước bài học trong SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích thích nhu cầu tìm hiểu về vịnh Hạ Long.

b. Nội dung: Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ : *Em hãy ghép những hình ảnh di vật khảo cổ với các giai đoạn văn hoá trên vùng đất Quảng Ninh sao cho tương ứng.*

Nền văn hoá	Hình ảnh di vật khảo cổ
a) Văn hoá Hạ Long	 Hình 5.1. Các mảnh vỏ sò và vỏ ốc môi trường nước ngọt được sử dụng làm thức ăn và công cụ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện yêu cầu.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, cho điểm HS.
- GV dẫn dắt HS vào bài học : Dựa vào các tài liệu khảo cổ học, dấu tích sớm nhất của con người có mặt trong khu vực vịnh Hạ Long là từ thời tiền sử cách ngày nay khoảng 18.000 đến 7.000 năm (thời kì đồ đá cũ). Hiện nay trên khu vực vịnh còn một số di chỉ thuộc văn hoá Soi Nhụ, Cái Bèo và chủ yếu là các di chỉ thuộc văn hoá Hạ Long (giai đoạn sớm và giai đoạn muộn).Việc nghiên cứu các di vật khảo cổ và đánh giá mức độ tiến hoá của công cụ sản xuất được phát hiện trên nhiều trong các địa điểm thuộc khu vực ven biển Quảng Yên, Hạ Long, Cẩm Phả, Vân Đồn và các hang động trên vịnh là căn cứ để phân chia giai đoạn văn hoá ở vịnh Hạ Long.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Các di chỉ khảo cổ thuộc nền văn hoá Hạ Long

- a. Mục tiêu:** Trình bày được thương cảng Vân Đồn là thương cảng quốc tế quan trọng của đất

nước.

b. Nội dung: thảo luận nhóm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV đặt câu hỏi: <i>Dựa vào lược đồ hình 5.4, hãy trình bày sự phân bố các di chỉ khảo cổ thuộc văn hoá Hạ Long.</i> - GV tiếp tục đặt câu hỏi: <i>Nêu hiểu biết của em về một di chỉ khảo cổ: người phát hiện, quá trình nghiên cứu di chỉ (nếu có), các di vật khảo cổ minh chứng cho giai đoạn lịch sử xuất hiện, giá trị văn hoá và lịch sử của di chỉ.</i>  Hình 5.4. Lược đồ một số di chỉ khảo cổ thuộc văn hoá Hạ Long  Hình 5.5. Mảnh xương cá hoá thạch và lưới câu	1. Các di chỉ khảo cổ thuộc nền văn hoá Hạ Long - Giai đoạn sớm: Công cụ sản xuất: rìu có vai, có nấc, hòn ghè và các công cụ mài; Vỏ sò, ốc sồi vỡ vụn và những mảnh gốm xốp, vụn, vỡ pha lẫn vỏ sò mang đặc điểm của gốm văn hoá Hạ Long. - Giai đoạn muộn: Công cụ sản xuất: công cụ ghè đẽo, rìu có vai, bôn có vai, có nấc, bàn mài rãnh chữ U, công cụ mũi nhọn mài, chì lưới,... Gốm xốp có hoa văn vằn thừng, đắp nổi... các trang sức vòng đá... - Các di chỉ khảo cổ cùng với các di vật khảo cổ khai quật được đã giúp các nhà nghiên cứu tái hiện lại các giai đoạn văn hoá diễn ra trên khu vực vịnh Hạ Long thời tiền sử. - Tuy nhiên, hiện nay do sự tác động của các yếu tố khách quan và chủ quan khiến một số di chỉ khảo cổ bị thu hẹp, xuống cấp, thậm chí biến mất.

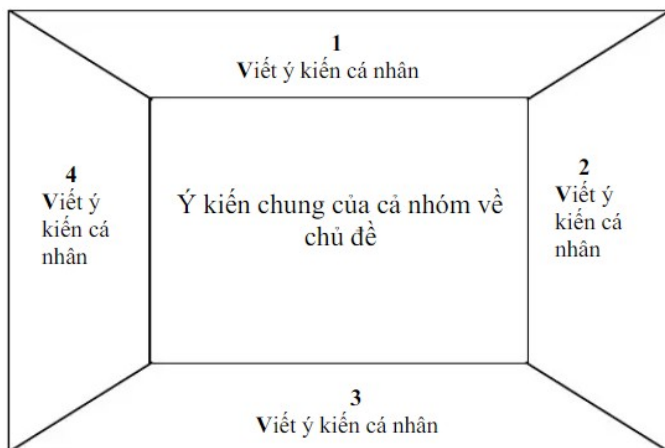


Hình 5.6. Mẫu vỏ động vật biển và ốc nước ngọt



Hình 5.7. Mẫu gốm thô sơ

- GV chia lớp thành các nhóm (4 HS/nhóm) thảo luận theo kỹ thuật khăn trải bàn, với nhiệm vụ: *Theo em, vì sao phải bảo tồn, gìn giữ các di chỉ khảo cổ, di sản văn hoá Hạ Long? Hãy đưa ra một vài giải pháp bảo tồn.*



Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

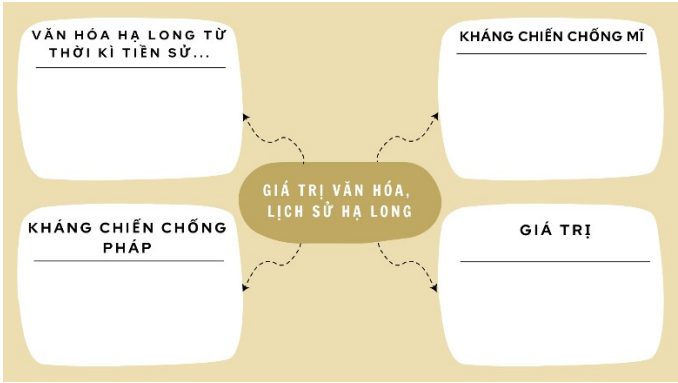
Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết

quả thảo luận: - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận. - GV chuyển sang nội dung mới.	
--	--

Hoạt động 2: Vài nét giá trị văn hoá, lịch sử của vùng đất và con người Hạ Long

- a. Mục tiêu:** Trình bày được thương cảng Vân Đồn là thương cảng quốc tế quan trọng của đất nước.
- b. Nội dung:** thảo luận nhóm.
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức hoạt động :**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm (4 HS/nhóm) và hoàn thành sơ đồ tư duy sau:  Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và	2. Vài nét giá trị văn hoá, lịch sử của vùng đất và con người Hạ Long 2.1. Giá trị văn hoá, lịch sử của vùng đất Hạ Long - Từ thời tiền sử đến nay: vừa mang nét chung giao thoa với nền văn hoá đồng bằng Bắc Bộ, vừa mang những nét riêng của cộng đồng người sinh sống trên vùng biển giàu tài nguyên. - Thời phong kiến: ông cha ta có ba lần chiến thắng trên sông Bạch Đằng. - Thời kì kháng chiến chống Pháp: là căn cứ của nghĩa quân Đề Hồng và cũng là nơi diễn ra những sự kiện quan trọng của cuộc kháng chiến. - Thời kì kháng chiến chống Mĩ: Hạ Long góp

thảo luận - GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận: - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận. - GV chuyển sang nội dung mới.	phần quan trọng vào chiến thắng vẻ vang của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành các nhóm thảo luận theo kỹ thuật mảnh ghép, với nhiệm vụ: Vòng 1 Nhóm chuyên gia: + Nhóm 1: Tìm hiểu về nghề nghiệp của con người Hạ Long. + Nhóm 2: Tìm hiểu về tín ngưỡng của con người Hạ Long. + Nhóm 3: Tìm hiểu về văn hóa của con người Hạ Long. Vòng 2 Nhóm mảnh ghép: Từ các nhóm chuyên gia, GV yêu cầu HS đổi vị trí, hình thành 3 nhóm mới là nhóm mảnh ghép, bằng cách: trong nhóm chuyên gia, các thành viên tự đếm số thứ tự, những HS có cùng số thứ tự sẽ về chung một nhóm mới. Lần lượt các thành viên trong nhóm mới chia sẻ nội dung đã tìm hiểu trong nhóm chuyên gia cho các bạn trong nhóm. Các thành viên trong nhóm mới thảo luận, phản biện và giải	2.2. Vài nét về con người Hạ Long a. Về nghề nghiệp - Từ xa xưa, con người Hạ Long phải tìm cách thích ứng với đời sống môi trường biển : <i>di chuyển, quy luật hải văn, lao động sản xuất...</i> b. Về tín ngưỡng và văn hoá - Tín ngưỡng : người Hạ Long cũng như người dân vùng miền khác : thờ cúng tổ tiên, thờ thần thánh với nhiều lễ hội truyền thống... - Văn hóa : hát giao duyên, hát đúm, hát chèo đường,... Mặc dù đời sống hiện đại nhưng văn hóa của người Hạ Long không bị mai một. => Con người Hạ Long trải qua những thăng trầm của lịch sử, đã tạo nên tính cách hiền hậu, hào sảng, cởi mở, hiếu khách và tinh thần đoàn kết.

quyết nhiệm vụ mới và thống nhất sản phẩm cuối cùng.



Hình 5.8. Lễ hội Đền Bà Men



Hình 5.9. Biểu diễn hát giao duyên trên vịnh Hạ Long

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận:
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.
- GV chuyển sang nội dung mới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để giải quyết các vấn đề tình huống, bài tập nhằm khắc sâu kiến thức bài học.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Luyện tập SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu nhiệm vụ:

1 Em cần làm gì để gìn giữ, phát huy những giá trị của văn hoá, lịch sử con người và vùng đất Hạ Long?

2. Đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch, hãy viết một bài giới thiệu nhằm quảng bá hình ảnh văn hoá và con người Hạ Long với bạn bè trong nước và quốc tế (bằng tiếng Việt, ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc).

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời:

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV mở rộng kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng vào bài học để giải quyết vấn đề thực tiễn cuộc sống, phát huy tính tư duy và khả năng sáng tạo.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Vận dụng SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu: Làm sản phẩm (thiết kế đồ họa thông tin - infographic, sổ tay giới thiệu, viết

truyện tranh, làm video...) về các di chỉ khảo cổ văn hoá Hạ Long hoặc các di tích lịch sử gắn liền với chiến thắng Bạch Đằng, các dấu ấn thời kì kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ của vùng đất Hạ Long.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, cho điểm HS.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

BÀI 6: HOÀNG ĐẾ TRẦN NHÂN TÔNG VỚI QUẢNG NINH

Môn học: GDĐP. Lớp 7A3, 7A4

Thời lượng: 2 tiết (Tiết 17, 18)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Trình bày được những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp của Hoàng đế Trần Nhân Tông.
- Giới thiệu được giá trị văn hóa lịch sử am Ngọa Vân trong Khu di tích Nhà Trần tại Đông Triều.

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao, tự nghiên cứu tìm hiểu kiến thức về Hoàng đế Trần Nhân Tông và chùa Am Ngọa Vân
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết đặt ra mục đích giao tiếp, trao đổi, hợp tác với bạn bè để tìm hiểu, trao đổi, rút ra kết luận nội dung các câu hỏi liên quan đến bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống có vấn đề trong học tập, biết thực hiện giải pháp giải quyết vấn đề một cách phù hợp.

*** Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tạo lập một bài thuyết trình, video giới thiệu đơn vị kiến thức có liên quan đến bài học.
- Năng lực vận dụng kiến thức đã học vào tình huống thực tế: Giới thiệu sơ lược được tiểu sử, cuộc đời, sự nghiệp của một nhân vật lịch sử hay một di tích lịch sử.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Thể hiện lòng tự hào dân tộc. Có ý thức tìm hiểu về các anh hùng dân tộc, các truyền thống của địa phương, tích cực học tập, rèn luyện để giữ gìn phát huy truyền thống tốt đẹp của địa phương
- Chăm chỉ: Học tập, nghiên cứu sâu tìm tài liệu về các anh hùng dân tộc, các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh nói riêng, cả nước nói chung.
- Trách nhiệm: Có ý thức bảo tồn các di tích lịch sử

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu, loa, phiếu học tập.
- Ảnh, video về Phật Hoàng Trần Nhân Tông.
- Ảnh, video về am Ngọa Vân.

2. Học sinh:

Tìm hiểu trước thông tin liên quan đến nội dung bài học: Phật Hoàng Trần Nhân Tông, am Ngọa Vân.

3. Công cụ kiểm tra đánh giá: Câu hỏi, bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG: MỞ ĐẦU. Thời gian: 5 phút

a, Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b, Nội dung: GV nêu câu hỏi, tranh ảnh về hội nghị Bình Than và hoàng đế Trần Nhân Tông.

c, Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d, Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Gv chiếu ảnh và đặt câu hỏi: Hội nghị quân sự nào của các vương hầu, quan lại nhà Trần diễn ra vào năm 1282 họp bàn “kế sách đánh, phòng và chia quân đóng giữ nơi hiểm yếu” nhằm chống quân Nguyên xâm lược?



GV: Đọc thông tin phần khám phá trong tài liệu trang 39 và trả lời câu hỏi: Em có biết vị vua nào đã lãnh đạo nhân dân ta chiến thắng giặc Mông – Nguyên vào các năm 1285 và 1288?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS nghe, quan sát, trả lời

- Bước 3: Báo cáo sản phẩm

+ HS trình bày câu trả lời

- Bước 4: Kết luận, nhận định

+ GV nhận xét câu trả lời của HS và đưa ra kết luận, dẫn vào bài mới

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC. Thời gian: 50p

Hoạt động 2.1: Hoàng đế Trần Nhân Tông(1258-1308).

a) Mục tiêu: Tìm hiểu tiểu sử, sự nghiệp, những đóng góp của Hoàng đế Trần Nhân Tông.

b) Nội dung: GV hướng dẫn HS đọc hiểu các đoạn tư liệu kết hợp quan sát hình ảnh, video và trả lời câu hỏi rút ra kết luận cần thiết.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc kĩ đoạn tư liệu trong tài liệu GDĐP kết hợp quan sát hình ảnh và video để hoàn thiện phiếu học tập. (Hình thức nhóm đôi. Thời	1. Hoàng đế Trần Nhân Tông(1258-1308)

gian 10p)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Hoàng đế Trần Nhân Tông

Tiểu sử	Sự nghiệp	Những đóng góp

Tiểu sử	Sự nghiệp	Những đóng góp
- Đức vua Trần Nhân Tông, tên húy là Trần Khâm, sinh năm 1258. - Năm 1274, lên ngôi Hoàng Thái tử. - Năm 1278, được Vua Trần Thánh Tông truyền ngôi xưng là Hoàng đế, hiệu là Hiếu Hoàng. - Năm 1308, ông viên tịch.	- Năm 1282, Ngài chủ trì hội nghị Bình Than để lấy ý kiến của toàn quân, toàn dân Đại Việt đoàn kết chống giặc ngoại xâm. - Trực tiếp lãnh đạo quân dân Đại Việt, hai lần chiến thắng giặc Nguyên - Mông vào năm 1285 và 1288. - Năm 1293, ông nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông để lên làm Thái Thượng Hoàng. - Năm 1299, ông từ hành cung Vũ Lâm trở về kinh thành Thăng Long, rồi thăng tiến lên núi Yên Tử.	- Lãnh đạo nhân dân đánh giặc ngoại xâm. - Sáng lập nên Phật giáo Trúc Lâm và dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử được các thế hệ nhân dân tôn xưng là Vua Phật Việt Nam

? Em có nhận xét gì về chính sách củng cố triều đình và chính sách hoà giải của hoàng đế Trần Nhân Tông? Từ đó em học tập được từ Ngài những đức tính gì?

? Dấu ấn nào trong cuộc đời hoàng đế Trần Nhân Tông để lại trong em ấn tượng sâu sắc nhất?

? Em có nhận xét chung gì về vị Hoàng đế này?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc đoạn tư liệu kết hợp quan sát tranh để trả lời các câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đại diện nhóm trả lời. Các HS khác theo dõi, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức, cho học sinh xem video giới thiệu về Hoàng đế Trần Nhân Tông và 1 số bài thơ của ngài như: Xuân Đình, Thiên Trường vãn vọng, Thiên Trường phủ, Cư trần lạc đạo phú...

<https://www.youtube.com/watch?v=9zGj-VH9IpA> (Video về Hoàng đế Trần Nhân Tông)

*Nhận xét chung:

->Đức vua Phật hoàng Trần Nhân Tông người vừa có tâm vừa có tầm, là vị hoàng đế anh minh, lãnh tụ thiên tài, anh hùng dân tộc. Ngài là nhà văn hóa lớn, nhà tư tưởng lớn, đồng thời là nhà tu hành giác ngộ đã để lại hệ thống tư tưởng đặc sắc về Phật giáo. Người sáng lập nên Phật giáo Trúc Lâm và dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử được các thế hệ nhân dân ta tôn xưng là Vua Phật Việt Nam.

Hoạt động 2.2: Am Ngọa Vân

a) Mục tiêu: Tìm hiểu những giá trị về văn hoá lịch sử am Ngọa Vân trong Khu di tích Nhà Trần tại Đông Triều.

b) Nội dung: GV hướng dẫn HS đọc hiểu các đoạn tư liệu kết hợp quan sát ảnh, video và trả lời câu hỏi rút ra kết luận cần thiết.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc tư liệu và trả lời câu	2. Am Ngọa Vân

hỏi:

? Nêu vị trí địa lí của am Ngoạ Vân và giải thích tên gọi?

? Em hãy nêu những giá trị về văn hoá lịch sử am Ngoạ Vân trong Khu di tích Nhà Trần tại Đông Triều?

? Ngoài am Ngoạ Vân em còn biết những di tích nào khác trong Khu di tích Nhà Trần tại Đông Triều?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc đoạn tư liệu trong SGK, quan sát tranh, video và trả lời các câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS đứng tại chỗ trả lời cá nhân. Các HS khác theo dõi, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang hoạt động luyện tập.

<https://www.youtube.com/watch?v=3EHza2GARag>

(video về am Ngoạ Vân)

*** Vị trí:** Nằm trên núi Bảo Đài ở độ cao 600 m so với mực nước biển, thuộc vòng cung Đông Triều, thôn Tây Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

*** Giá trị:**

-Văn hóa:

+ Là nơi thờ cúng Hoàng đế Trần Nhân Tông sau khi ông qua đời.
+ Lưu giữ được nhiều di vật từ thời Trần như hộp hoa sen bằng vàng mới được tìm thấy năm 2019 và được công nhận là bảo vật Quốc gia.

-Lịch sử:

Thời kì chống Pháp, du kích huyện Đông Triều và quân Đệ tứ chiến khu đã từng rút về hoạt động ở đây nên di tích kiến trúc này bị thực dân Pháp đánh phá hư hỏng nặng và đổ nát.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP. Thời gian: 20p

a. Mục tiêu: HS thực hành vận dụng kiến thức của bản thân để giới thiệu về Trần Nhân Tông và am Ngoạ Vân.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS lựa chọn kiến thức để thực hành theo gợi ý.

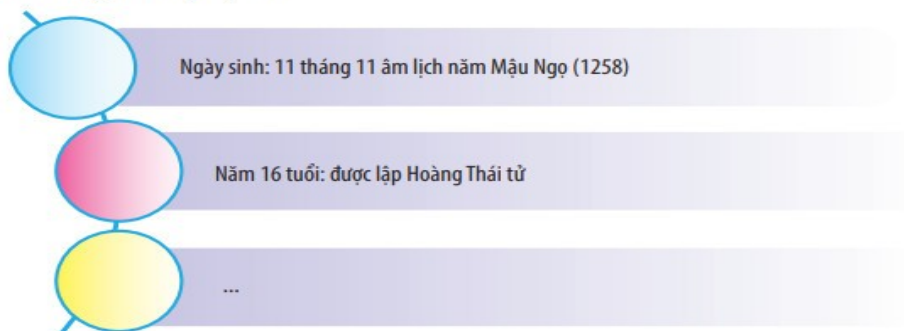
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

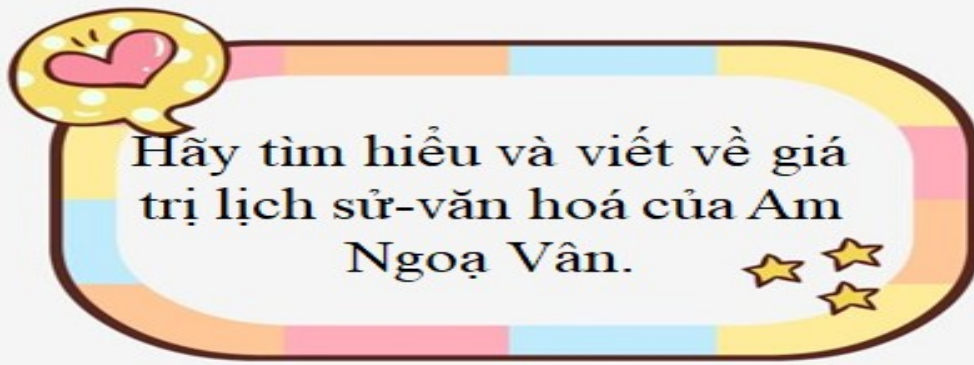
d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ



3. Trình bày dưới dạng sơ đồ hoá một số sự kiện trong cuộc đời của Hoàng đế Trần Nhân Tông theo gợi ý sau:





Sản phẩm có thể là video, bài thuyết trình kèm hình ảnh minh họa (Hoạt động nhóm tổ)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem lại nội dung đã chuẩn bị ở nhà

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm đã chuẩn bị.
- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung bài và có thể phản hồi nếu có ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét bài trình bày của HS và chốt, bổ sung kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG. Thời gian: 15

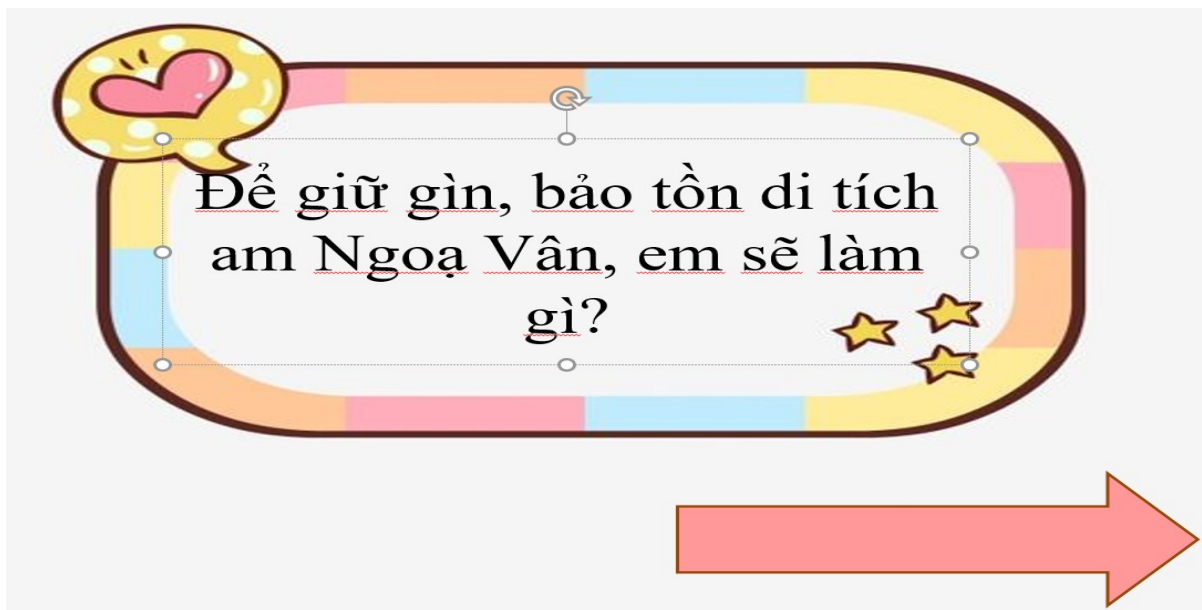
a. Mục tiêu: HS thực hành vận dụng kiến thức của bản thân để đóng vai hướng dẫn viên du lịch thuyết trình về cuộc đời sự nghiệp của Trần Nhân Tông.

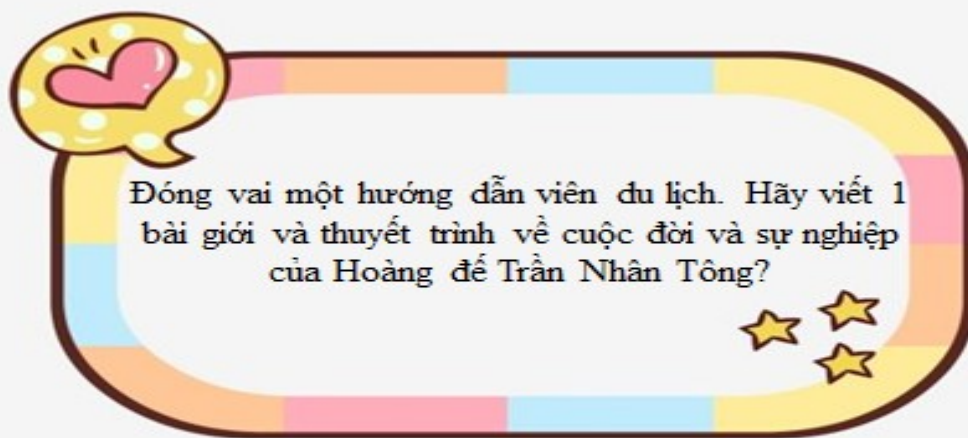
b. Nội dung: GV hướng dẫn HS lựa chọn kiến thức để thực hành theo gợi ý.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ





Sản phẩm có thể là video, bài thuyết trình kèm hình ảnh minh họa (Hoạt động cá nhân)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem lại nội dung đã chuẩn bị ở nhà

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm đã chuẩn bị.
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung bài và có thể phản hồi nếu có ý kiến

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét bài trình bày của HS và chốt, bổ sung kiến thức

*** Hướng dẫn về nhà**

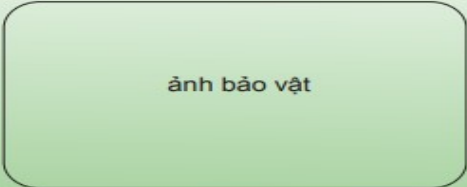
+ Học bài cũ:

- Học bài, hoàn thiện các bài tập
- Gửi các sản phẩm đã làm vào nhóm zalo lớp

+ Chuẩn bị bài mới: Thực hành Lịch sử- Tái hiện lịch sử

Tìm hiểu về những chiếc cọc gỗ lim trưng bày tại bảo tàng Quảng Ninh, một di chỉ khảo cổ của nền văn hoá Hạ Long, một số bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh theo các phiếu học tập sau:

Nhóm 1+2

PHIẾU THÔNG TIN	
GIỚI THIỆU VỀ NHỮNG CHIẾC CỌC GỖ LIM	
1. Thông tin chung	
– Tên hiện vật:	
– Năm khai quật:	
– Địa điểm khai quật:	
2. Mô tả hiện vật	
3. Cách bố trí bãi cọc	
4. Vai trò của bãi cọc trong trận chiến Bạch Đằng năm 1288	

Nhóm 3+ 4

**PHIẾU THÔNG TIN GIỚI THIỆU
VỀ MỘT DI CHỈ KHẢO CỔ CỦA NỀN VĂN HOÁ HẠ LONG**

1. Thông tin chung

- Tên di chỉ:
- Năm khai quật:

2. Hình ảnh hiện vật của di chỉ

--	--

3. Mô tả hiện vật của di chỉ

4. Giá trị của hiện vật

Nhóm 5+6

**PHIẾU THÔNG TIN GIỚI THIỆU
VỀ MỘT BẢO VẬT QUỐC GIA CỦA TỈNH QUẢNG NINH**

Tên bảo vật

- Niên đại của bảo vật:
- Mô tả bảo vật:
- Giá trị của bảo vật:

ảnh bảo vật

TÊN BÀI DẠY: THỰC HÀNH LỊCH SỬ- TÁI HIỆN LỊCH SỬ

Môn học/Hoạt động giáo dục: Giáo dục địa phương; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 3 tiết; Tiết theo PPCT: **2 tiết**

Tiết 19 - 7A3, 7A4:

Tiết 20 - 7A3, 7a4:

I.Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Giới thiệu được các hiện vật trưng bày tại viện bảo tàng Quảng Ninh như:
 - + Những chiếc cọc gỗ lim trong chiến thắng Bạch Đằng năm 938
 - + Các di chỉ khảo cổ của nền văn hóa Hạ Long
 - + Các bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh.

2. Năng lực

- Năng lực tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự giải quyết vấn đề, năng lực tìm hiểu, khám phá tri thức.
- Năng lực thuyết trình, giới thiệu sản phẩm học tập.

3. Phẩm chất:

- Thể hiện sự trân trọng quá trình lao động sáng tạo, có ý thức bảo vệ và phát huy những thành quả của con người trên vùng đất Quảng Ninh.

II. Thiết bị và học liệu:

- Ảnh, vi deo về viện Bảo Tàng Quảng Ninh
- Tranh, ảnh các hiện vật: bãi cọc ngầm, di chỉ khảo cổ, bảo vật Quốc gia của tỉnh.
- Phiếu học tập

- Máy tính, máy chiếu.

1. Lập kế hoạch

STT	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Yêu cầu sản phẩm
1	Nguyễn Văn A			

2. Phiếu thu thập thông tin

2.1. Giới thiệu về những chiếc cọc gỗ lim

1. Thông tin chung

- Tên hiện vật

- Năm khai quật

- Địa điểm khai quật

2. Mô tả hiện vật

3.Cách bố trí bãi cọc

4. Vai trò của bãi cọc trong trận chiến Bạch Đằng năm 1288

2.2. Giới thiệu về các di chỉ khảo cổ của nền văn hóa Hạ Long

1. Thông tin chung

- Tên các di chỉ

- Năm khai quật

2. Hình ảnh hiện vật của di chỉ

3. Mô tả hiện vật của các di chỉ

2.3. Giới thiệu về một số bảo vật quốc gia tỉnh Quảng Ninh

Tên bảo vật

Niên đại của bảo vật

Mô tả bảo vật

Ý nghĩa của bảo vật

3. Tiêu chí đánh giá

BẢNG ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM CỦA HỌC SINH				
Tiêu chí đánh giá		Điểm tối đa	Điểm của GV	Điểm của nhóm khác
NỘI DUNG	Thông tin trình bày đầy đủ, chính xác	20		
	- Có sự mô tả chi tiết hiện vật/ di chỉ/ bảo vật	10		

	Trả lời tốt các câu hỏi thảo luận thêm	10		
	Nêu được ý nghĩa của việc học tập về hiện vật/di chỉ/ bảo vật ở bảo tàng.	20		
	Điểm	60		
HÌNH THỨC C	Bố cục hợp lí rõ ràng, dễ theo dõi	10		
	Phong thái thuyết trình tự tin, cuốn hút người nghe	10		
	Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm	10		
	Thời gian thuyết trình vừa đủ	10		
	Điểm	40		
	Tổng điểm	100		
XẾP LOẠI				
Giỏi: 80- 100		Trung bình: 50- 64		
Khá 65- 79		Yếu dưới 50		

III. Tiến trình dạy học:

1. Hoạt động khởi động: Mở đầu (5 phút)

a, Mục tiêu: Tạo tình huống có vấn đề để HS huy động những kiến thức sẵn có vào giải quyết yêu cầu GV đưa ra. Từ đó khơi gợi sự hứng thú trong học tập cho HS.

b, Nội dung: GV đưa ra câu hỏi, HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi do GV đưa ra theo hình thức cá nhân.

c, Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi trước lớp

d, Tiến trình thực hiện:

B1: Giao nhiệm vụ: HS, xem và nghe vi deo ca nhạc bài hát: Dòng máu lạc Hồng

<https://www.youtube.com/watch?v=zVrysQeeETM>

? Hãy chia sẻ cảm xúc của em với các bạn sau khi nghe bài hát trên.

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ và trình bày cá nhân

B3: Báo cáo sản phẩm:

- Câu trả lời của HS

B4: Kết luận, nhận định:

- GV dẫn dắt

Dòng máu Lạc Hồng vẫn chảy suốt 4.000 năm, khi âm ỉ khi mãnh liệt nhưng luôn thôi thúc những thế hệ cháu con cống hiến sức lực, trí tuệ, máu xương để gìn giữ dải đất của quê hương, gìn giữ nền văn hiến của dân tộc. Tự hào về lịch sử cội nguồn dân tộc, cô cùng các em đến với tiết thực hành lịch sử để hiểu rõ hơn về điều này.

2. Hoạt động thực hành tái hiện lịch sử

? Bài học gồm mấy nội dung

- HS: 3 nội dung:

- + Những chiếc cọc gỗ lim trong chiến thắng Bạch Đằng năm 938
- + Các di chỉ khảo cổ của nền văn hóa Hạ Long
- + Các bảo vật quốc gia của tỉnh Quảng Ninh.

Giao nhiệm vụ: Tổ 1: Nội dung 1(3 nội dung nhỏ: những chiếc cọc trong viện bảo tàng; bãi cọc Yên Giang- Quảng Yên, bãi cọc Bạch Đằng Giang(Hải Phòng)

Tổ 2: Nội dung 2

Tổ 3: Nội dung 3

Các tổ trưởng giao nhiệm vụ cho thành viên lập kế hoạch, thực hiện các hoạt động theo hướng dẫn phiếu lập kế hoạch, phiếu thông tin

2.1. Hoạt động 1: Cọc gỗ lim trong chiến thắng Bạch Đằng (40 phút)

a, Mục tiêu: HS giới thiệu được cọc gỗ lim trưng bày trong viện bảo tàng

b, Nội dung: GV cho cả lớp chuẩn bị ở tiết trước. Tiết này giao nhiệm vụ cho tổ 1với 3 nội dung nhỏ. Mỗi nhóm giải quyết nhiệm vụ của nhóm mình trong thời gian 3 phút.

c, Sản phẩm: Các nhóm cử đại diện để thuyết trình về sản phẩm của nhóm mình.

*** Dự kiến sản phẩm: phần phụ lục**

B4: Đánh giá kết quả:

GV gọi HS nhóm khác nhận xét sản phẩm của nhóm bạn.

HS nhận xét, GV chốt ý.

BẢNG ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM CỦA HỌC SINH

Tiêu chí đánh giá		Điểm tối đa	Điểm của GV	Điểm của nhóm khác
NỘI DUNG	Thông tin trình bày đầy đủ, chính xác	20		
	- Có sự mô tả chi tiết hiện vật/ di chỉ/ bảo vật	10		
	Trả lời tốt các câu hỏi thảo luận thêm	10		
	Nêu được ý nghĩa của việc học tập về hiện vật/di chỉ/ bảo vật ở bảo tàng.	20		
	Điểm	60		
HÌNH THỨC	Bố cục hợp lí rõ ràng, dễ theo dõi	10		
	Phong thái thuyết trình tự tin, cuốn hút người nghe	10		
	Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm	10		
	Thời gian thuyết trình vừa đủ	10		
	Điểm	40		
	Tổng điểm	100		
XẾP LOẠI				
Giỏi: 80- 100		Trung bình: 50- 64		
Khá 65- 79		Yếu dưới 50		

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
GV nhận xét, chốt ý	1. Giới thiệu về cọc gỗ lim - Cọc gỗ lim là chứng tích của trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 938,

981 và 1288

- Cọc được tìm thấy ở các bãi Văn Giang, Đầm Muối- Quảng Yên, Sông Bạch Đằng(Hải Phòng)

2. Hoạt động 2. Giới thiệu các di chỉ khảo cổ(20')

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Gv yêu cầu tổ 2 chuẩn bị nhiệm vụ.

Tổ trưởng giao cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của phiếu thông tin theo hai nội dung

- 1: Quan sát và cho biết tên các di chỉ khảo cổ, năm được khai quật.
- 2: Mô tả hiện vật của các di chỉ.

PHIẾU THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ CÁC DI CHỈ KHẢO CỔ CỦA NỀN VĂN HÓA HẠ LONG

1. Thông tin chung

- Tên các di chỉ:
- Năm khai quật:

2. Hình ảnh hiện vật các di chỉ

--	--

3. Mô tả hiện vật của các di chỉ

4.

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ và thảo luận theo nhiệm vụ được tổ trưởng phân công.

GV quan sát và hỗ trợ HS khi gặp khó khăn. Khuyến khích HS thảo luận, đưa ra ý kiến đóng góp.

B3: Báo cáo sản phẩm:

Tổ cử đại diện báo cáo sản phẩm

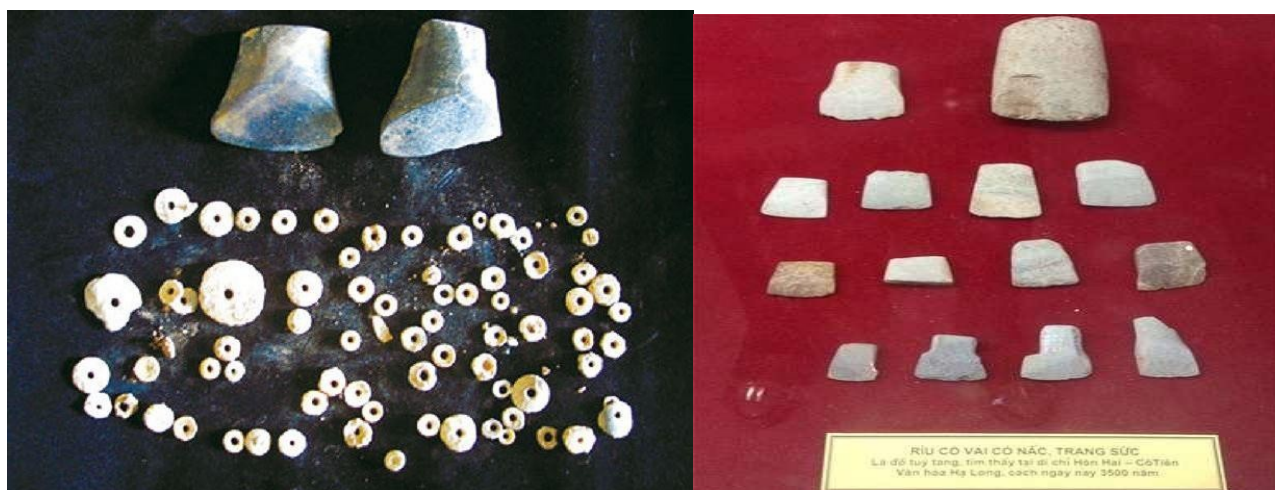
B4: Đánh giá kết quả:

GV gọi HS nhóm khác nhận xét sản phẩm của nhóm bạn.

HS nhận xét, GV chốt ý bằng cho HS chơi trò chơi: Lật mảnh ghép.

2. Giới thiệu các di chỉ khảo cổ:





- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên tổ chức trò chơi “Lật mảnh ghép” cho học sinh.

Có 6 câu hỏi trả lời ngắn, Học sinh lần lượt lật các mảnh ghép và trả lời câu hỏi.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu HS báo cáo kết quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả HS trình bày.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

- Động viên khen thưởng HS kịp thời

Hoạt động 3. Các bảo vật của tỉnh Quảng Ninh(17’)

a, Mục tiêu: HS nắm được một số bảo vật của tỉnh Quảng Ninh

b, Nội dung: GV cho HS suy nghĩ và giải quyết nhiệm vụ theo hình thức cá nhân.

c, Sản phẩm: HS trình bày sản phẩm của mình trước lớp

d, Tiến trình thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
B1: Giao nhiệm vụ: GV chiếu phiếu học tập 1. Xem ảnh bảo vật và gọi tên 2. Giới thiệu về bảo vật mà em nắm rõ nhất. (Lai lịch nguồn gốc, năm tìm thấy niên đại, giá trị văn hóa lịch sử).	3. Các bảo vật của tỉnh Quảng Ninh Bảo tàng Quảng Ninh có 9 bảo vật được trưng bày: - Thống đồng - Trống đồng

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và giải quyết nhiệm vụ. B3: Báo cáo sản phẩm: Sản phẩm của HS - Dự kiến sản phẩm - a. Tên gọi- hình ảnh	- Hộp vàng - Bình gốm Đầu Rằm - Mâm bông - Bình gốm hoa nâu Kinnari - Bình gốm hoa sen - Tượng phật hoàng: Trần Nhân Tông - Tháp Huệ Quang.
---	---

Bảo vật	Tên gọi
1. Hộp vàng Ngọa Vân Thống đồng	1. 
2. Bình gốm Đầu Rằm	2. 
3. Thống đồng	3. 
4. Trống Đồng	4. 
5. Mâm Bông	5. 

6 Bình gốm hoa nâu Kinari	6 
7. Bình gốm hoa sen	7. 
8. Tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông	8. 
9. Tháp Huệ Quang	9. 

b. Mô tả bảo vật

Gv có thể bổ sung thêm

Số	Tên bảo vật	Niên đại - nền văn hóa	Số	Tên bảo vật	Niên đại - nền văn hóa
1	Bình gốm đầu rồng	Văn hóa Phùng Nguyên muộn cách nay 3000-4000 năm ^[36]	2	Hộp vàng Ngọa Vân - Yên Tử	Thời Trần thế kỉ XIV ^[36]
3	Trống đồng Quảng Chính	Văn hóa Đông Sơn khoảng thế kỷ III - II TCN ^[37]	4	Thống đồng thời Trần	Thời Trần thế kỷ XIII - XIV ^[37]
5	Mâm bằng gốm men vẽ nhiều màu	Thời Lê sơ thế kỷ XV ^[37]	6	Bình gốm hoa nâu Kinnari	Thời Lý Thế kỷ XI - XII ^[38]
7	Bình gốm hoa sen	Thời Lý Thế kỷ XI - XII ^[38]	8	Thạp gốm hoa nâu	Thời Lý Thế kỷ XI - XII ^[38]
9	Thạp đồng văn hóa Đông Sơn	Văn hóa Đông Sơn khoảng thế kỷ III - II TCN ^[39]	10	Thống gốm hoa nâu An Sinh	Thời Trần thế kỷ XIII ^[39]
11	Thạp gốm hoa nâu thời Trần	Thời Trần thế kỷ XIII - XIV ^[39]	12	Bình gốm men vẽ nhiều màu	Thời Lê sơ thế kỷ XV ^[39]

B4: Đánh giá sản phẩm:

HS nhận xét câu trả lời của bạn, GV chốt kiến thức.

Tiêu chí đánh giá		Điểm tối đa	Điểm của GV	Điểm của nhóm khác
NỘI DUNG	Thông tin trình bày đầy đủ, chính xác	20		
	- Có sự mô tả chi tiết hiện vật/ di chỉ/ bảo vật	10		
	Trả lời tốt các câu hỏi thảo luận thêm	10		
	Nêu được ý nghĩa của việc học tập về hiện vật/di chỉ/ bảo vật ở bảo tàng.	20		
	Điểm	60		
HÌNH THỨC	Bố cục hợp lí rõ ràng, dễ theo dõi	10		
	Phong thái thuyết trình tự tin, cuốn hút người nghe	10		
	Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm	10		
	Thời gian thuyết trình vừa đủ	10		
	Điểm	40		
	Tổng điểm	100		
XẾP LOẠI				
Giỏi: 80- 100		Trung bình: 50- 64		
Khá 65- 79		Yếu dưới 50		

3. Hoạt động: Vận dụng.(5') HS làm ở nhà nộp sản phẩm (Gv có thể lấy làm bài Kiểm tra

thường xuyên)

a, Mục tiêu: Vận dụng các kiến thức đã học ở phần hình thành kiến thức, HS giải quyết các nhiệm vụ có liên quan đến bài học bằng các hình thức khác nhau. Thông qua đó giúp HS nắm chắc được nội dung bài học đồng thời rèn luyện các kỹ năng cho hs.

b, Nội dung: Vận dụng kiến thức đã học, tìm hiểu thêm về các di chỉ và bảo vật của Tỉnh

c, Sản phẩm: Bài viết, bộ sưu tập, mô hình ...

d, Tiến trình thực hiện:

B1: Giao nhiệm vụ:

Tổ 1:Viết bài thuyết trình có vi đeo hình ảnh minh họa về các di chỉ, bảo vật của Tỉnh

Tổ 2. Lập bộ sưu tập, làm mô hình về di chỉ, bảo vật của tỉnh Quảng Ninh

Tổ 3: làm mô hình về một số bảo vật của Tỉnh

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ và trao đổi với bạn làm ở nhà

- Thời gian 1 tuần

B3: Báo cáo sản phẩm:

- Nộp sản phẩm vào tiết học tuần sau
- Giáo viên chấm lấy điểm kiểm tra thường xuyên
- Tiêu chí chấm

Tiêu chí đánh giá		Điểm tối đa	Điểm của GV	Điểm của nhóm khác
NỘI DUNG	Thông tin trình bày đầy đủ, chính xác	2		
	- Có sự mô tả chi tiết hiện vật/ di chỉ/ bảo vật	2		
	Nêu được ý nghĩa của việc học tập về hiện vật/di chỉ/ bảo vật ở bảo tàng.	2		
	Điểm	6		
HÌNH THỨC	Bố cục hợp lí rõ ràng, dễ theo dõi	1		
	Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm	2		
	Nộp bài đúng thời gian	1		
	Điểm	4		
	Tổng điểm	10		
XẾP LOẠI				
Giỏi: 8- 10		Trung bình: 5,0- 6,4		
Khá 6,5- 7,9		Yếu dưới 5,0		

*** Hướng dẫn về nhà (3 phút)**

- Hoàn thành các bài tập được giao
- Đọc trước bài thể thao vùng mỏ
- Lập bảng thống kê các môn thể thao với thành tích tiêu biểu, vận động viên tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh

STT	MÔN THỂ THAO	THÀNH TÍCH	VẬN ĐỘNG VIÊN TIÊU BIỂU
1			

PHỤ LỤC

GIỚI THIỆU VỀ BÃI CỌC BẠCH ĐĂNG(TỔ 1)

Nhóm 1. Sông Bạch Đằng trong lịch sử chống giặc ngoại xâm

Sông Bạch Đằng ngày nay dài hơn 20 km, bắt đầu từ Phà Rừng giữa Hải Phòng và Quảng Ninh, nơi giao nhau của sông Giá, sông Chanh và sông Đá Bạc, kéo dài đến cửa biển Nam Triệu. Sông Bạch Đằng có đặc điểm đặc trưng do sự chênh lệch của thủy triều gây nên, tạo điều kiện cho một trận địa đánh giặc. Mặt nước có độ chênh lệch khi thủy triều dâng lên và hạ xuống là khoảng 4 mét. Nhờ các đặc điểm đó, khi triều lên, nước có khả năng che lấp hết toàn bộ bãi cọc, khi nước rút, các cọc nhọn nhô lên đến 2 mét, gây cản trở tàu thuyền của địch tháo chạy ra biển và quân đội Đại Việt có cơ hội phản công.

2. Lịch sử
Thời Ngô Quyền

Tương truyền, tướng Kiều Công Hãn được cho là người đã đưa ra sáng kiến đầu tiên dẫn đến việc Ngô Quyền cho đóng cọc chống quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng trong trận đánh năm 938. Theo đó, ông đã khuyên Ngô Quyền rằng: “Nam Hán là một đất nước nhỏ ở vùng duyên hải, nhân lúc nhà Đường tan rã mà nổi lên chiếm một vùng đất ở phía Đông Nam, dựng thành đất nước, quân đội mạnh về thủy chiến. Nếu sang nước ta, tất chúng sẽ lấy đường biển mà tiến, qua sông Bạch Đằng vào Đại La. Ta nên bày trận đánh ngay khi chúng mới vào cửa sông Bạch Đằng”. Ông đã cho xây dựng các bãi cọc gần cửa sông để chặn đường vào của giặc ngay tại cửa biển. Để bãi cọc hoạt động, công việc tiếp theo cần làm là phải dụ được giặc vào trong trận địa này. Nguyễn Tất Tố được nhận trọng trách này, ông giỏi bơi lội và là người hiểu rõ về sông Bạch Đằng.

Sách sử có chép một câu nói của ông rằng: “Vùng sông nước này tôi rất quen thuộc, biết được khi nào nước lên nước xuống. Nay muốn giặc vào bẫy, chỉ có cách là dùng thuyền nhỏ ra khiêu chiến, lựa đúng thời khắc thích hợp thì vờ thua rút chạy”. Ông cho một con thuyền nhỏ ra giữa sông khiêu chiến giặc.



Tranh giả đồng tái hiện trận Bạch Đằng 938

Mọi chuyện đã diễn ra như dự đoán, ngay khi Nguyễn Tất Tố rút lui, tướng địch là Lưu Hoảng Tháo đã ngay lập tức thúc cho quân nhanh chóng đuổi theo sau.

Vừa lúc địch đến cửa sông, quân Việt từ hai bên bờ lao ra tấn công quyết liệt, địch bỏ chạy. Vào đúng thời điểm này, thủy triều đang rút xuống nhanh, bãi cọc ngầm dưới sông Bạch Đằng

nhô lên, đâm thủng và làm vỡ thuyền Nam Hán. Quân Việt nhân cơ hội đó đánh dồn dập và giành chiến thắng.

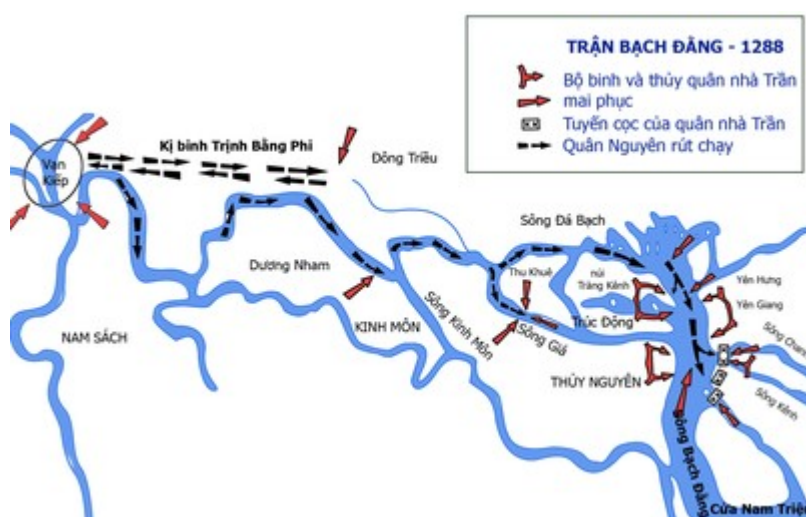
Đại Việt sử ký toàn thư có ghi chép: "Vua Nam Hán điều quân viện ứng đóng tại biên giới không kịp trở tay. Nghe được tin Lưu Hoảng Tháo tử trận, Nghiễm kinh hoàng, thương khóc thu gom quân còn lại rút lui, từ đó dứt bỏ mộng xâm lược nước ta".

Thời Tiền Lê

Dưới triều đại nhà Tiền Lê, vua Lê Đại Hành đã chỉ huy kháng chiến trên sông Bạch Đằng và một số sông khác để đối phó với thủy quân nhà Tống trong chiến tranh năm 981. Một số nghiên cứu cho thấy có thể đã có 2 trận thủy chiến sông Bạch Đằng trong năm 981. Trong đó có tranh cãi về kết quả của trận đánh đầu tiên cũng như sự tồn tại của trận đánh thứ hai. Theo Khâm định Việt sử Thông giám cương mục thì trận đầu tiên Đại Cồ Việt đã thất bại, trong khi đó, Đại cương lịch sử Việt Nam tập I thì lại chép rằng Đại Cồ Việt đã thắng và đạo thủy quân Tống bị đánh tan.

Thời Trần

Trong Chiến tranh Nguyên Mông–Đại Việt lần 3 năm 1288 dưới thời nhà Trần, cũng với kế đóng cọc này, quân dân Đại Việt đã thắng trên sông Bạch Đằng lần thứ ba trong lịch sử và được xem là trận thủy chiến lớn nhất trong lịch sử Việt Nam, và là thắng lợi tiêu biểu nhất của Đại Việt trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông. Có ý kiến cho rằng, ngay từ khi nhận chức Tiết chế ở Bình Than, Trần Quốc Tuấn đã theo kế của Ngô Quyền, muốn ngăn quân địch tiến vào bằng cọc nhọn ở sông Bạch Đằng. Số cọc nhọn làm năm 1288 chỉ là số bổ sung thêm.^[8]



Lược đồ trận địa và các bãi cọc trong chiến thắng quân Nguyên Mông của Quân đội Đại Việt năm 1288 trên sông Bạch Đằng. Trên lược đồ chỉ ghi nhận các bãi cọc được biết đến trước năm 2010.

Nhóm 2. Giới thiệu những chiếc cọc gỗ lim được trưng bày trong bảo tàng

Vùng cửa sông Bạch Đằng thông sang sông Chanh, sông Rút, sông Kênh rất rộng. Vì thế, để chặn cửa mấy con sông ấy, phải có nhiều trận địa cọc, bố trí ở nhiều nơi. Kết quả khai quật đầu tiên vào năm 1958 và nhiều lần sau đó vào các năm 1969, 1976, 1984, 1988... với di tích bãi cọc Yên Giang thuộc phường Yên Giang (thị xã Quảng Yên, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh) nằm ở cửa sông Chanh, bãi cọc Đồng Vạn Muối nằm ở cửa sông Rút và bãi cọc Đồng Má Ngựa nằm ở cửa sông Kênh thuộc phường Nam Hòa (thị xã Quảng Yên, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh) hàng trăm chiếc cọc được phát hiện. Những chiếc cọc gỗ trưng bày ở

Bảo tàng Quảng Ninh là kết quả cuộc khai quật năm 1976 thuộc di tích bãi cọc Yên Giang (thị xã Quảng Yên, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh).

Cọc ở đây chủ yếu là gỗ lim, táu được khai thác từ cánh rừng Yên Hưng (Quảng Ninh). Cọc dài khoảng 1,5m - 3m, đường kính 20cm - 30cm, màu nâu đen, một đầu thuôn mịn để cắm xuống lòng sông, một đầu nhọn có nhiều rãnh nứt song song do nước bào mòn. Trong khi đóng ở trận địa, khoảng cách trung bình giữa các cọc từ 0,9m - 1,2m để thuyền nhỏ của ta có thể lách qua. Ngoài những cọc cắm thẳng đứng, còn có một số cọc cắm nghiêng 45 độ nhằm mục đích đánh vào thuyền giặc sát bờ. Cọc được cắm ngược chiều với hướng nước chảy để khi thuyền chiến của giặc rút lui, trôi xuôi theo dòng nước, thì sẽ bị cọc đâm ngược vào đáy thuyền. Lực xuyên sẽ mạnh hơn, dễ bị xô thẳng hơn. Nếu cọc nghiêng cùng chiều với dòng nước lực đâm của cọc sẽ yếu hơn, thậm chí có thể bị trượt trên mặt đáy thuyền.

Về cách đóng cọc nhọn trên sông Bạch Đằng hiện nay có rất nhiều giả thuyết cho rằng: ông cha ta ngày xưa đã lợi dụng nước thủy triều xuống thấp nhất, dùng thuyền chở cọc đã được đẽo nhọn đến địa điểm đóng cọc. Một đầu cọc được nhấn chìm một phần xuống mặt bùn vào vị trí đã định, thân cọc được dựng theo phương thẳng đứng với mặt nước. Dùng một đoạn tre dài 40 cm - 50cm, buộc ngang thân cọc, cách mặt bùn khoảng 1m làm sao để trèo lên dễ dàng. Hai người trèo lên cọc, hai tay giữ chắc cọc, trong khi ba bốn người đứng ngập chân trong bùn đất vẫn giữ cho cọc đứng thẳng hoặc hai chiếc thuyền nan giữ cho cọc đứng yên (ở chỗ nước ngập đầu người). Hai người đứng trên cọc tre cùng lắc theo nhịp, nhấn cọc chìm sâu dần. Khi cọc không xuyên xuống được nữa, thì tháo đoạn tre ra, buộc lên cao hơn và buộc thêm một đoạn tre nữa để không chỉ hai mà bốn người cùng lắc theo nhịp bao giờ cọc chìm dưới mặt nước triều một mức nào đó theo tính toán của các bô lão mới thôi. Nếu ở những luồng nước sâu, khi cọc sắp chìm xuống mặt nước thì ta đặt nổi vào một đoạn cọc khác bằng cách ốp 4 nửa đoạn cây tre dài cỡ cái đòn gánh, lấy dây mây buộc thắt lại để cho người trèo lên lắc tiếp. Cho đến khi cọc đủ đứng chắc chân trong nền đất dưới đáy sông mới cởi dây mây ra, tháo đoạn cọc gá tạm đi, lắp nón sắt vào cọc trả lại mặt sông hiền hòa trôi. Qua cách đóng cọc trên sông Bạch Đằng cho thấy, sự sáng tạo trong phương pháp đóng cọc của quân dân ta cũng như việc huy động lực lượng quân dân rất lớn dưới thời Trần để tập trung cho trận địa cọc chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ ba (năm 1288) giành thắng lợi.

Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 là tổng hợp sức mạnh của toàn dân tộc, thắng lợi đó là mẫu mực của tinh thần “cả nước đồng lòng”, của sức mạnh toàn dân, của những hoàng đế anh hùng như Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, của những quý tộc anh hùng như Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư..., của những bình dân anh hùng như Phạm Ngũ Lão, Dã Tượng, Yết Kiêu... và của đông đảo những người lính anh hùng khắc trên cánh tay hai chữ “Sát Thát”. Đặc biệt là thiên tài quân sự Trần Quốc Tuấn, với việc áp dụng chiến thuật dùng cọc nhọn đâm thuyền địch, Trần Quốc Tuấn đã biết kết hợp linh hoạt hai yếu tố: Thứ nhất: phải dụ địch đến đúng bãi cọc diễn ra trận chiến khi thủy triều đang lên cao, bãi cọc chưa bị phát lộ; Thứ hai: phải nắm vững quy luật thủy triều theo từng giờ và tính toán đúng thời điểm để khi quân địch tới bãi cọc rồi, thủy triều mới rút, có như vậy thuyền địch mới bị mắc cạn và bị cọc đâm thủng. Sự kết hợp kì diệu hai yếu tố đó đã tạo nên một chiến công lừng lẫy. Điều đó cho thấy, Trần Quốc Tuấn đã rất thành công bởi kế sách độc đáo cũng như sáng tạo trong việc lợi dụng địa hình, địa thế tự nhiên, tính toán chính xác sự lên xuống của con nước. Chiến thắng Bạch Đằng (năm 1288) là dấu son chói lọi trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Một số cọc đã được lấy lên và những cọc còn lại được bảo tồn trong hồ trưng bày tại

chỗ. Tuy nhiên, những cọc Bạch Đằng ở di tích này đa số phần đầu cọc nhô lên đã bị mục gãy, phần thân cọc vẫn cắm dưới bùn đất nhưng đây lại là chứng tích vô cùng quan trọng của trận chiến lịch sử trên dòng sông Bạch Đằng năm 1288. Với những giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học đặc biệt của Khu di tích, ngày 27/9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định xếp hạng Khu di tích lịch sử Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 là Di tích Quốc gia đặc biệt.

Những chiếc cọc Bạch Đằng trưng bày ở Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh là hiện vật quý hiếm còn lại đến ngày nay, là chứng tích về truyền thống hào hùng chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Trận địa cọc không chỉ như một loại vũ khí độc đáo trong trận chiến Bạch Đằng năm 1288 mà còn thể hiện phương pháp tác chiến độc đáo, sự sáng tạo tuyệt vời trong nghệ thuật quân sự của quân dân Đại Việt dưới thời Trần.



Bức tranh trận chiến Bạch Đằng, năm 1288.



Cọc gỗ, dùng trong trận chiến trận chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông

Nhóm 3. Bãi cọc Bạch Đằng

Hiện nay có ít nhất ba cụm/bãi cọc đã được phát hiện ở vùng Đông Bắc Việt Nam thuộc tỉnh Quảng Ninh và 2 bãi cọc ở Hải Phòng. Bãi cọc đầu tiên được phát hiện vào năm 1953 và bãi cọc gần đây nhất là vào tháng 2 năm 2020, ở Hải Phòng.

Các bãi cọc ở thị xã Quảng Yên

Cọc gỗ được tìm thấy ở bãi cọc Yên Giang thuộc thị xã Quảng Yên, được mang đến lưu giữ tại Khu di tích Tràng Kênh.

Có 3 bãi cọc ở thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh đã được phát hiện, bao gồm: Bãi cọc đầm Nhữ, Yên Giang (phát hiện từ năm 1953 đến năm 1958), Bãi cọc đồng Vạn Muối (phát hiện năm 2005) và Bãi cọc đồng Má Ngựa (phát hiện năm 2009)

Bãi cọc Yên Giang (bãi cọc đầm Nhữ)

Tọa độ:  20°56'07"B 106°47'01"Đ, diện tích khoảng 3.000m²

Bãi cọc này nằm trong một đầm nước giáp đê sông Chanh, gần ngã ba với sông Đá Bạch có tên là đầm Nhữ nên đôi khi bãi cọc cũng được gọi là "bãi cọc đầm Nhữ", nằm ở phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh. Bãi cọc này có diện tích khoảng 120 m². Hiện nay đã có khoảng 300 cọc đã được tìm thấy tại đây và đang nằm trong khu vực được bảo vệ rộng 7,5 ha.

Khoảng năm 1953–1954, bãi cọc này dần được biết đến khi người dân địa phương ở xã Yên Giang phát hiện vài cọc gỗ lộ ra trên mặt đất ở một đầm nước nhỏ, cách ngã ba sông Chanh với sông Bạch Đằng khoảng 400 mét về phía đông. Vị trí này nằm cách trung tâm thị xã Quảng Yên 2 km về phía tây. Lúc đó, người dân do thấy có cọc gỗ lim còn tốt nên đã đào và đem về nhà sử dụng. Đã có khoảng 200 cọc được nhổ lên trong 50 hố đào. Câu chuyện sau đó dần được báo cáo lên cấp trên và Nhà nước bắt đầu quan tâm. Ngày 26 tháng 11 năm 1958, Vụ Bảo tồn bảo tàng với các chuyên gia như Hoàng Minh Giám, Đào Duy Anh, Nguyễn Lân, đã đến đây ghi nhận thông tin từ người địa phương và tiến hành khảo sát, khai quật.^[12] Sau đó tiếp tục được tiến hành nhiều cuộc khảo sát và khai quật nữa vào các năm 1969, 1976, 1984 và 1988. Các cuộc nghiên cứu cho thấy các cọc ở đây đa phần được làm từ gỗ lim, thân dài từ 2,6 đến 2,8 mét và có đường kính khoảng 20 đến 30 cm. Phần đầu cọc được đẽo nhọn để cắm xuống đáy sông dài từ 0,5 đến 1 mét và khoảng cách trung bình giữa các cọc khoảng 1 mét.^{[13][14]} Gần bãi cọc có một tấm bia được dựng lên để đánh dấu và ghi nhận khu di tích.^[13]

Bãi cọc đồng Vạn Muối

Tọa độ:  20°55'29"B 106°47'31"Đ (không chính xác) diện tích khoảng 6.000m²

Cách bãi cọc ở Yên Giang vài kilomet là bãi cọc đồng Vạn Muối, nằm gần cửa sông Rút, phường Nam Hòa, được người dân thị xã Quảng Yên phát hiện trong khi đang đào ao. Sau lần kiểm tra vào năm 2005, các chuyên gia đã báo cáo rằng những cọc gỗ ở đây được cắm dựng đứng và một số khác cắm xiên trong vùng đồng Vạn Muối. Các cây cọc được làm từ nhiều loại gỗ, bao gồm cả thân và cành cây. Đường kính mỗi cọc khoảng từ 10 đến 30 cm, phần mũi cọc được vạt nhọn đầu, chiều dài cọc khoảng 1.5 m đến 3.0 m. Tuy nhiên, mật độ cọc ở khu vực rất dày đặc, khoảng cách chủ yếu giữa các cọc khoảng 40 đến 60 cm, một số cọc cách nhau rất

gần, khoảng 10 đến 30 cm. Bãi cọc này được khai quật lần đầu vào năm 2009 và sau đó một năm thêm một cuộc khai quật lần hai. Bãi cọc có chiều rộng 100 m và chiều dài 300 m, trải thành dải như một lớp thành lũy.

Bãi cọc đồng Má Ngựa

Diện tích khoảng 2.100m²), cũng nằm trong phường Nam Hòa của thị xã Quảng Yên, một bãi cọc khác được gọi là bãi cọc đồng Má Ngựa đã được tiến hành khai quật trong năm 2010. Đây là bãi cọc thứ ba được tìm thấy nằm trong cụm các bãi cọc trên hệ sông Bạch Đằng xưa ở ven bờ cửa sông Kênh, nằm cách bãi cọc đồng Vạn Muối về hướng nam khoảng một kilomet.^[17]

Các bãi cọc này được các chuyên gia cho rằng liên quan đến trận kháng chiến trên sông Bạch Đằng vào năm 1288 do Trần Hưng Đạo lãnh đạo chống quân Nguyên Mông.

Các bãi cọc ở Hải Phòng

Bãi cọc Cao Quỳ

Tọa độ:  21°00'48"B 106°39'19"Đ



Bãi cọc Cao Quỳ vào tháng 12 năm 2019.

Bãi cọc được phát hiện lần đầu vào ngày 1 tháng 10 năm 2019 bởi một người dân đang canh tác. Đến cuối tháng 11 và tháng 12 năm 2019, các chuyên gia của Viện Khảo cổ học và Bảo tàng Hải Phòng đã tiến hành khai quật một bãi cọc trên cánh đồng Cao Quỳ, thuộc xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.^{[19][20]} Tại địa điểm này, người ta đã tìm thấy 27 chiếc cọc gỗ ở 3 hố đào trong diện tích 950 m².^[21] Các cọc này đo được có đường kính khoảng từ 20 đến 56 cm, được chôn cách nhau 5 đến 7 mét.^[19] Kết quả xác định niên đại bằng cacbon-14 cho thấy hai trong số các cọc gỗ có niên đại khoảng 1270 đến 1430 năm. Bước đầu các chuyên gia của Viện Khảo cổ học dự đoán, bãi cọc ở cánh đồng Cao Quỳ có thể là một phần của trận Bạch Đằng năm 1288, để chặn đường quân Nguyên Mông không tiến vào khu vực sông Giá và trung tâm chỉ huy của Trần Hưng Đạo, buộc quân địch phải đi theo sông Đá Bạc để tiến vào sông Bạch Đằng.

Theo các nhà nghiên cứu, bãi cọc gỗ mới được phát hiện này có thể làm thay đổi những hiểu biết về Trận Bạch Đằng năm 1288 của nhà Trần trước quân Nguyên Mông. Đầu tháng 1 năm 2020, các cọc gỗ ở bãi cọc Cao Quỳ đã được san lấp để bảo quản. Trước đó, bãi cọc đã được quét ba chiều, dựng lại bình đồ dành cho các nghiên cứu về sau.^[26]

Bãi cọc Đầm Thượng

Tọa độ:  21°01'06"B 106°36'38"Đ

Ngày 9 tháng 2 năm 2020, 13 cọc gỗ được phát hiện tại khu Đầm Thượng, thôn 11, xã Lai Xuân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Các cọc này nằm trong một ao cá và được tìm thấy trong quá trình nuôi trồng của người dân địa phương. Một số cọc được cho là đã bị hư hại và nghi ngờ liên quan đến các sự kiện Bạch Đằng. Viện Khảo cổ học dự kiến sẽ tiến hành khai quật khu vực rộng khoảng 400 m² tại đây để phục vụ nghiên cứu. Công việc khai quật bãi cọc này đang được diễn ra, bắt đầu từ ngày 18 tháng 2 và dự kiến sẽ kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2020. Tính đến ngày 24 tháng 2, đã có thêm 2 cọc gỗ mới được phát hiện, nâng tổng số cọc lên 15 và 50 trên 400 m² của khu bãi cọc đã được khai quật.

Ngày soạn: 20/2/2023

Ngày giảng: tiết 23: 22/2/2023; 24: /2/2023

BÀI 9: VĂN HOÁ ỨNG XỬ TRONG TRƯỜNG HỌC Ở QUẢNG NINH

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

- Liệt kê, giải thích được các biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nhà trường ở tỉnh Quảng Ninh.
- Biết thực hành ứng xử văn hoá trong nhà trường.

2. Năng lực

2.1. Về năng lực đặc thù

- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học tập: Sử dụng được một số phần mềm/web/ứng dụng để tương tác trong quá trình học tập.

2.2. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện khác để trình bày và thảo luận liệt kê, giải thích được các biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nhà trường ở Quảng Ninh.

3. Phẩm chất

Yêu nước, trách nhiệm: Có ý thức tìm hiểu về các biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nhà trường ở Quảng Ninh nói chung và Uông Bí nói riêng; thể hiện mong muốn học tập, rèn luyện tốt, thực hiện văn hoá ứng xử trong nhà trường ở Quảng Ninh nói chung, ngôi trường em đang theo học nói riêng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Một số hình ảnh thực tế về các biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nhà trường ở Quảng Ninh.
- Phiếu học tập; Rubric/Bảng kiểm; Giấy A1, bút dạ, bút màu,.
- Máy tính, MTB kết nối internet, ứng dụng bản đồ của Google (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG) – 5 phút

a) Mục tiêu: HS xác định được vấn đề cần giải quyết liên quan đến bài học (các thông tin cơ bản để liệt kê, giải thích được các biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nhà trường ở Quảng Ninh) và tạo hứng thú trong học tập cho HS.

b) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (01 phút):

+ GV tổ chức cho HS trò chơi: **Ai hiểu biết hơn**

+ GV chọn 2 đội chơi.

+ Mỗi đội được chọn lần lượt 2 ô số chứa bức tranh bí mật. Sau đó, HS quan sát từng bức tranh và cho biết đó là bộ quy tắc ứng xử nào trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

+ Mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm, sai không được điểm. Sau 2 lượt chơi. Đội nào nhiều điểm hơn sẽ chiến thắng. Nếu 2 đội bằng điểm, GV đưa ra câu hỏi phụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (02 phút):

+ HS tham gia trò chơi





- Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ Giáo viên hiển thị đáp án sau mỗi câu trả lời của các đội chơi, nhận xét về số câu trả lời của các đội chơi.

- Bước 4: Kết luận, nhận định

+ GV đánh giá kết quả của hai đội chơi, trao phần thưởng (thưởng sao). Trên cơ sở trò chơi dẫn dắt HS vào bài học mới.

Bộ quy tắc ứng xử 5 T:

- + Thượng tôn pháp luật
- + Tôn trọng bản thân và người khác
- + Tôn trọng và bảo vệ môi trường
- + Thân thiện, văn minh, hào sảng
- + Trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.

Chốt: Bộ quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nhằm xây dựng, hình thành những chuẩn mực văn hoá cho con người; xây dựng tỉnh Quảng Ninh văn minh, thân thiện, hiện đại và đáng sống.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu truyện đọc “Bùi Hương Giang – Bông hoa đẹp chăm ngoan, học giỏi”.

... phút

a) Mục tiêu: HS trình bày được những hiểu biết về tấm gương học sinh Bùi Hương Giang, việc học tập và làm theo tấm gương sáng của các bạn.

b) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (01 phút):

- + GV yêu cầu HS đọc đoạn truyện đọc.
- + GV yêu cầu HS làm việc cá nhân tìm hiểu và trả lời các câu hỏi:
 - ? Vì sao bạn Bùi Hương Giang lại được mệnh danh là bông hoa đẹp “chăm ngoan, học giỏi”?
 - ? Em thấy bạn Hương Giang có trách nhiệm với bản thân; thái độ ứng xử văn hoá của bạn với thầy cô, bạn bè, cha mẹ, cộng đồng như thế nào?
 - ? Theo em, để trở thành con ngoan, học trò giỏi, người bạn thân thiện, chúng ta cần làm gì?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (6 phút):

+ HS làm việc cá nhân.

+ GV quan sát.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận (4 phút):

+ GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.

- Bước 4: Kết luận, nhận định (1 phút):

+ GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.

+ GV chốt kiến thức:

- Bạn Bùi Hương Giang trường THCS Trọng Điểm- Hạ Long là tấm gương chăm ngoan, học giỏi, có bảng thành tích học tập cao tại trường, các cuộc thi của thành phố.

- Ngoài những giờ học ở trường, tự học ở nhà, bạn còn dành thời gian phụ giúp việc gia đình.

Là người con ngoan ngoãn, hiếu thảo, kính trọng ông bà, cha mẹ, được xóm phố yêu quý.

Hương Giang là một học sinh gương mẫu, là tấm gương sáng để cho tôi và các bạn cùng lớp noi theo.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu các biểu hiện của văn hoá nhà trường trong ứng xử.

... phút

a) Mục tiêu: HS tìm hiểu được những biểu hiện của văn hoá nhà trường trong ứng xử.

b) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

+ Xác định các biểu hiện của văn hoá nhà trường trong ứng xử.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh điền các biểu hiện ứng xử văn hoá của người học trong nhà trường:

+ Đối với bản thân

+ Đối với gia đình, người thân

+ Đối với bạn bè

+ Đối với cộng đồng

Đối với bản thân		Đối với gia đình, người thân
Đối với bạn bè		Đối với cộng đồng
Ứng xử văn hoá		

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt kiến thức có liên quan.

+ Đối với bản thân: Tự học, tự quản, tự trọng, trung thực, trách nhiệm, sáng tạo...

+ Đối với bạn bè: Đoàn kết, hợp tác, tôn trọng, giúp đỡ, thân thiện...

+ Đối với gia đình, người thân: Kính trọng, biết ơn, chia sẻ, yêu thương...

+ Đối với cộng đồng: Biết xếp hàng nơi công cộng, biết nhường và giúp đỡ người già, trẻ em; thực hiện các quy định nơi công cộng...

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (... phút)

Bài tập mục 3 TLĐP 7 trang 58

a) Mục tiêu: xác định được cách ứng xử trong các mối quan hệ giáo viên – học sinh nơi trường học.

b) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS sắm vai để thực hiện tình huống đã chuẩn bị từ trước đó:

Trong giờ ra chơi, các bạn đang chơi rất vui vẻ, bỗng cô Lan - cô giáo Tiếng Anh đi qua (hiện cô đang dạy khối 6). Mai thấy cô lập tức đứng nghiêm túc: “*Em chào cô ạ!*”. Cô Lan tươi cười gật đầu chào lại Mai. Thuý thấy thế giật giật áo Mai nói nhỏ “*Sao phải chào, cô ấy có dạy mình đâu? Mà nghe nói cô này dạy khó tính lắm*”.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ Học sinh làm việc cá nhân để xác định trang phục của các dân tộc và đưa ra nhận xét khái quát.

+ GV hỗ trợ trong thời gian HS làm việc

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ GV gọi ngẫu nhiên HS trả lời

+ GV mời các HS khác nhận xét, sửa chữa (nếu cần).

- Trong tình huống trên, em đồng ý với cách ứng xử của bạn nào? Vì sao?

- Nếu em là Mai, em sẽ khuyên bạn điều gì?

- Em cần làm gì để rèn luyện cách ứng xử có văn hoá trong trường học?

- **Bước 4: Kết luận, nhận định** GV đánh giá kết quả của HS, chốt kiến thức có liên quan.

Gợi ý trả lời:

Em đồng ý với cách ứng xử của bạn Mai vì với thầy cô luôn phải kính trọng, dù không trực tiếp dạy mình.

Nếu là Mai, em cần khuyên bạn nhận thức về sự tôn trọng người lớn, đặc biệt là thầy cô giáo trong nhà trường. Bạn phải có thái độ tôn trọng, lễ phép, chào hỏi thầy cô, dù thấy cô đó có dạy mình hay không. Đó là giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc: Tôn sư trọng đạo.

Việc rèn luyện cách ứng xử có văn hoá trong trường học: thực hiện từ khi còn nhỏ, trong bất cứ môi trường nào, kể cả bậc Mầm non. Thể hiện qua nhận thức, lời nói, hành động, việc làm thể hiện sự tôn trọng, lễ phép, biết ơn,...

Bài tập mục 4 TLĐP 7 trang 58

a) Mục tiêu: luyện tập, củng cố kiến thức về những biểu hiện của văn hoá nhà trường trong ứng xử.

b) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** HS thảo luận và thực hiện yêu cầu: HS làm việc nhóm (cả lớp 6 nhóm): xây dựng một tình huống và sân khấu hoá tình huống văn hoá ứng xử trong nhà trường mà em thấy tâm đắc nhất.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

GV mời các nhóm trình bày ý tưởng và các nhóm khác góp ý.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Giáo viên chia sẻ kết quả trả lời của học sinh thông qua các phần mềm hỗ trợ học tập.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt kiến thức có liên quan.

Gợi ý:

Tình huống sân khấu hoá: nội dung về cách ứng xử của giáo viên- học sinh, học sinh- học sinh, học sinh – nhân viên nhà trường (bác bảo vệ, lao công,...)

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (02 phút)

a) Mục tiêu: HS về nhà, vận dụng hoặc liên hệ kiến thức đã học để hoàn thành bài tập 5 TLĐP 7 trang 58.

b) Tổ chức thực hiện: Hãy thiết kế sổ tay văn hoá ứng xử trong trường học ở tỉnh Quảng Ninh.

Gợi ý:

Sổ tay văn hoá ứng xử trong nhà trường: có thể là sổ ghi chép hàng ngày, sổ điện tử. Còn sáng tạo hơn là lập trang Web tuyên truyền, quảng bá về các hình ảnh đẹp, thể hiện lối ứng xử văn hoá trong nhà trường.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ (03 phút)**

- **Học bài:**

+ Nắm được các dân tộc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

+ Hoàn thiện dự án (sau khi đã được nhận xét, góp ý).

- **Chuẩn bị bài: Bài 10: Địa lí địa phương: Đặc điểm dân cư tỉnh Quảng Ninh.**

|+ Trình bày được đặc điểm dân số (quy mô, gia tăng, cơ cấu), dân tộc, phân bố dân cư của tỉnh. Tìm hiểu về một số dân tộc có dân số đông ở Quảng Ninh.(Tranh ảnh in ra hoặc gửi qua gmail cho giáo viên bộ môn. (theo nhóm)

+ Đọc được biểu đồ quy mô dân số. Xác định được trên bản đồ một số đô thị. Tìm hiểu về thực trạng và nguyên nhân, hậu quả của việc mất cân bằng giới tính.

+ Biết cách sưu tầm tư liệu và viết báo cáo về một trong các đặc điểm dân cư của tỉnh Quảng Ninh.

Ngày soạn:20/2/2023

Ngày giảng:tiết 23: 22/2/2023; 24: /2/2023

BÀI 9: VĂN HOÁ ỨNG XỬ TRONG TRƯỜNG HỌC Ở QUẢNG NINH

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

- Liệt kê, giải thích được các biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nhà trường ở tỉnh Quảng Ninh.
- Biết thực hành ứng xử văn hoá trong nhà trường.

2. Năng lực

2.1. Về năng lực đặc thù

- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học tập: Sử dụng được một số phần mềm/web/ứng dụng để tương tác trong quá trình học tập.

2.2. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện khác để trình bày và thảo luận liệt kê, giải thích được các biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nhà trường ở Quảng Ninh.

3. Phẩm chất

Yêu nước, trách nhiệm: Có ý thức tìm hiểu về các biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nhà trường ở Quảng Ninh nói chung và Uông Bí nói riêng; thể hiện mong muốn học tập, rèn luyện tốt, thực hiện văn hoá ứng xử trong nhà trường ở Quảng Ninh nói chung, ngôi trường em đang theo học nói riêng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Một số hình ảnh thực tế về các biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nhà trường ở Quảng Ninh.
- Phiếu học tập; Rubric/Bảng kiểm; Giấy A1, bút dạ, bút màu,.
- Máy tính, MTB kết nối internet, ứng dụng bản đồ của Google (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG) – 5 phút

a) Mục tiêu: HS xác định được vấn đề cần giải quyết liên quan đến bài học (các thông tin cơ bản để liệt kê, giải thích được các biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nhà trường ở Quảng Ninh) và tạo hứng thú trong học tập cho HS.

b) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (01 phút):

+ GV tổ chức cho HS trò chơi: **Ai hiểu biết hơn**

+ GV chọn 2 đội chơi.

+ Mỗi đội được chọn lần lượt 2 ô số chứa bức tranh bí mật. Sau đó, HS quan sát từng bức tranh và cho biết đó là bộ quy tắc ứng xử nào trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

+ Mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm, sai không được điểm. Sau 2 lượt chơi. Đội nào nhiều điểm hơn sẽ chiến thắng. Nếu 2 đội bằng điểm, GV đưa ra câu hỏi phụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (02 phút):

+ HS tham gia trò chơi



- Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ Giáo viên hiển thị đáp án sau mỗi câu trả lời của các đội chơi, nhận xét về số câu trả lời của các đội chơi.

- Bước 4: Kết luận, nhận định

+ GV đánh giá kết quả của hai đội chơi, trao phần thưởng (thưởng sao). Trên cơ sở trò chơi dẫn dắt HS vào bài học mới.

Bộ quy tắc ứng xử 5 T:

- + Thượng tôn pháp luật
- + Tôn trọng bản thân và người khác
- + Tôn trọng và bảo vệ môi trường

- + Thân thiện, văn minh, hào sảng
- + Trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.

Chốt: Bộ quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nhằm xây dựng, hình thành những chuẩn mực văn hoá cho con người; xây dựng tỉnh Quảng Ninh văn minh, thân thiện, hiện đại và đáng sống.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu truyện đọc “Bùi Hương Giang – Bông hoa đẹp chăm ngoan, học giỏi”.

... phút

a) Mục tiêu: HS trình bày được những hiểu biết về tấm gương học sinh Bùi Hương Giang, việc học tập và làm theo tấm gương sáng của các bạn.

b) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (01 phút):

+ GV yêu cầu HS đọc đoạn truyện đọc.

+ GV yêu cầu HS làm việc cá nhân tìm hiểu và trả lời các câu hỏi:

? Vì sao bạn Bùi Hương Giang lại được mệnh danh là bông hoa đẹp “chăm ngoan, học giỏi”?

? Em thấy bạn Hương Giang có trách nhiệm với bản thân; thái độ ứng xử văn hoá của bạn với thầy cô, bạn bè, cha mẹ, cộng đồng như thế nào?

? Theo em, để trở thành con ngoan, học trò giỏi, người bạn thân thiện, chúng ta cần làm gì?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (6 phút):

+ HS làm việc cá nhân.

+ GV quan sát.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận (4 phút):

+ GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.

- Bước 4: Kết luận, nhận định (1 phút):

+ GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.

+ GV chốt kiến thức:

- Bạn Bùi Hương Giang trường THCS Trọng Điểm- Hạ Long là tấm gương chăm ngoan, học giỏi, có bảng thành tích học tập cao tại trường, các cuộc thi của thành phố.

- Ngoài những giờ học ở trường, tự học ở nhà, bạn còn dành thời gian phụ giúp việc gia đình.

Là người con ngoan ngoãn, hiếu thảo, kính trọng ông bà, cha mẹ, được xóm phố yêu quý.

Hương Giang là một học sinh gương mẫu, là tấm gương sáng để cho tôi và các bạn cùng lớp noi theo.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu các biểu hiện của văn hoá nhà trường trong ứng xử.

... phút

a) Mục tiêu: HS tìm hiểu được những biểu hiện của văn hoá nhà trường trong ứng xử.

b) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

+ Xác định các biểu hiện của văn hoá nhà trường trong ứng xử.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh điền các biểu hiện ứng xử văn hoá của người học trong nhà trường:

- + Đối với bản thân
- + Đối với gia đình, người thân
- + Đối với bạn bè
- + Đối với cộng đồng

Đối với bản thân		Đối với gia đình, người thân
Đối với bạn bè		Đối với cộng đồng
Ứng xử văn hoá		

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt kiến thức có liên quan.

- + Đối với bản thân: Tự học, tự quản, tự trọng, trung thực, trách nhiệm, sáng tạo...
- + Đối với bạn bè: Đoàn kết, hợp tác, tôn trọng, giúp đỡ, thân thiện...
- + Đối với gia đình, người thân: Kính trọng, biết ơn, chia sẻ, yêu thương...
- + Đối với cộng đồng: Biết xếp hàng nơi công cộng, biết nhường và giúp đỡ người già, trẻ em; thực hiện các quy định nơi công cộng...

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (... phút)

Bài tập mục 3 TLĐP 7 trang 58

a) Mục tiêu: xác định được cách ứng xử trong các mối quan hệ giáo viên – học sinh nơi trường học.

b) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS sắm vai để thực hiện tình huống đã chuẩn bị từ trước đó:

Trong giờ ra chơi, các bạn đang chơi rất vui vẻ, bỗng cô Lan - cô giáo Tiếng Anh đi qua (hiện cô đang dạy khối 6). Mai thấy cô lập tức đứng nghiêm túc: “Em chào cô ạ!”. Cô Lan tươi cười gật đầu chào lại Mai. Thuý thấy thế giật giật áo Mai nói nhỏ “Sao phải chào, cô ấy có dạy mình đâu? Mà nghe nói cô này dạy khó tính lắm”.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- + Học sinh làm việc cá nhân để xác định trang phục của các dân tộc và đưa ra nhận xét khái

quát.

+ GV hỗ trợ trong thời gian HS làm việc

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ GV gọi ngẫu nhiên HS trả lời

+ GV mời các HS khác nhận xét, sửa chữa (nếu cần).

- Trong tình huống trên, em đồng ý với cách ứng xử của bạn nào? Vì sao?

- Nếu em là Mai, em sẽ khuyên bạn điều gì?

- Em cần làm gì để rèn luyện cách ứng xử có văn hoá trong trường học?

- Bước 4: Kết luận, nhận định GV đánh giá kết quả của HS, chốt kiến thức có liên quan.

Gợi ý trả lời:

Em đồng ý với cách ứng xử của bạn Mai vì với thầy cô luôn phải kính trọng, dù không trực tiếp dạy mình.

Nếu là Mai, em cần khuyên bạn nhận thức về sự tôn trọng người lớn, đặc biệt là thầy cô giáo trong nhà trường. Bạn phải có thái độ tôn trọng, lễ phép, chào hỏi thầy cô, dù thấy cô đó có dạy mình hay không. Đó là giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc: Tôn sư trọng đạo.

Việc rèn luyện cách ứng xử có văn hoá trong trường học: thực hiện từ khi còn nhỏ, trong bất cứ môi trường nào, kể cả bậc Mầm non. Thể hiện qua nhận thức, lời nói, hành động, việc làm thể hiện sự tôn trọng, lễ phép, biết ơn,...

Bài tập mục 4 TLĐP 7 trang 58

a) Mục tiêu: *luyện tập, củng cố kiến thức về những biểu hiện của văn hoá nhà trường trong ứng xử.*

b) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HS thảo luận và thực hiện yêu cầu: HS làm việc nhóm (cả lớp 6 nhóm): xây dựng một tình huống và sân khấu hoá tình huống văn hoá ứng xử trong nhà trường mà em thấy tâm đắc nhất.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV mời các nhóm trình bày ý tưởng và các nhóm khác góp ý.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Giáo viên chia sẻ kết quả trả lời của học sinh thông qua các phần mềm hỗ trợ học tập.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, chốt kiến thức có liên quan.

Gợi ý:

Tình huống sân khấu hoá: nội dung về cách ứng xử của giáo viên- học sinh, học sinh- học sinh, học sinh – nhân viên nhà trường (bác bảo vệ, lao công,...)

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (02 phút)

a) Mục tiêu: HS về nhà, vận dụng hoặc liên hệ kiến thức đã học để hoàn thành bài tập 5 TLĐP 7 trang 58.

b) Tổ chức thực hiện: Hãy thiết kế sổ tay văn hoá ứng xử trong trường học ở tỉnh Quảng Ninh.

Gợi ý:

Sổ tay văn hoá ứng xử trong nhà trường: có thể là sổ ghi chép hàng ngày, sổ điện tử. Còn sáng tạo hơn là lập trang Web tuyên truyền, quảng bá về các hình ảnh đẹp, thể hiện lối ứng xử văn

hoá trong nhà trường.

* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ (03 phút)

- Học bài:

- + Nắm được các dân tộc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
- + Hoàn thiện dự án (sau khi đã được nhận xét, góp ý).

- Chuẩn bị bài: Bài 10: Địa lí địa phương: Đặc điểm dân cư tỉnh Quảng Ninh.

- |+ Trình bày được đặc điểm dân số (quy mô, gia tăng, cơ cấu), dân tộc, phân bố dân cư của tỉnh. Tìm hiểu về một số dân tộc có dân số đông ở Quảng Ninh. (Tranh ảnh in ra hoặc gửi qua gmail cho giáo viên bộ môn. (theo nhóm)
- + Đọc được biểu đồ quy mô dân số. Xác định được trên bản đồ một số đô thị. Tìm hiểu về thực trạng và nguyên nhân, hậu quả của việc mất cân bằng giới tính.
- + Biết cách sưu tầm tư liệu và viết báo cáo về một trong các đặc điểm dân cư của tỉnh Quảng Ninh.

Ngày soạn: 25/2/2023

Ngày giảng: 28/3/2023

TÊN BÀI DẠY: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Nội dung Hoạt động giáo dục: GDDP

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức: Ôn tập các kiến thức cơ bản về

- Vai trò của thể thao đối với đời sống của người dân Quảng Ninh và Một số môn thể thao có thành tích cao của Quảng Ninh.
- Văn hóa ứng xử trong trường học ở Quảng Ninh.

2. Năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

* Năng lực đặc thù

- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học tập: Sử dụng được một số phần mềm/web/ứng dụng để tương tác trong quá trình học tập.

3. Phẩm chất

- Yêu nước, trách nhiệm: Có ý thức tìm hiểu về các biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nhà trường ở Quảng Ninh nói chung và Uông Bí nói riêng; thể hiện mong muốn học tập, rèn luyện tốt, thực hiện văn hoá ứng xử trong nhà trường ở Quảng Ninh nói chung, ngôi trường em đang theo học nói riêng.
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.
- Chăm chỉ: có ý thức tự giác trong học tập, ôn luyện kiến thức đã học chuẩn bị tốt cho kiểm tra giữa kì II.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị

Máy tính,máy chiếu..:

2. **Học liệu:** tài liệu gddp 7.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: GV cho HS khái quát lại nội dung đã học từ đầu học kì II đến nay. GV chiếu hình ảnh một số vận động viên và huấn luyện viên tiêu biểu của Quảng Ninh cho học sinh nhận diện và nêu thành tích của họ.	1. Trần Thị Yến- bóng chuyền 2. Cờ vua- Nguyễn Anh Dũng 3. HLV bóng đá Đoàn Minh Hải 4. HLV đua thuyền Đỗ Văn Hiệu
1.Trần Thị Yến – Bóng chuyền  2. Cờ vua- Nguyễn Anh Dũng 	
3- HLV bóng đá Đoàn Minh Hải  4. HLV đua thuyền Đỗ Văn Hiệu 	
HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào ôn tập	

Hoạt động 2. Ôn tập

Hoạt động 2.1: học sinh làm các bài tập để củng cố kiến thức

- a. Mục đích: HS hoàn thành nội dung các bảng nhằm ôn lại kiến thức
- b. Nội dung: Tìm hiểu về Hệ thống kiến thức bằng hệ thống bảng
- c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
- d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS làm việc theo nhóm hoàn thành phiếu bài tập sau

Nhóm 1:



① Hãy nêu vai trò của thể thao đối với đời sống của người dân Quảng Ninh?

② Vì sao Quảng Ninh lại phát triển thể thao gắn với hoạt động du lịch?

Nhóm

2:

5. Lập bảng thống kê các môn thể thao với thành tích tiêu biểu, vận động viên tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh.

STT	Môn thể thao	Thành tích	Vận động viên tiêu biểu
?	?	?	?

Nhóm 3:

② Hãy hệ thống lại những biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nhà trường dựa theo sơ đồ sau:

Ứng xử văn hoá trong nhà trường của học sinh

Ứng xử với giáo viên, cán bộ, nhân viên nhà trường

Ứng xử với bạn học

Ứng xử với cha mẹ và người thân

Ứng xử với khách đến trường

Ứng xử với mạng xã hội

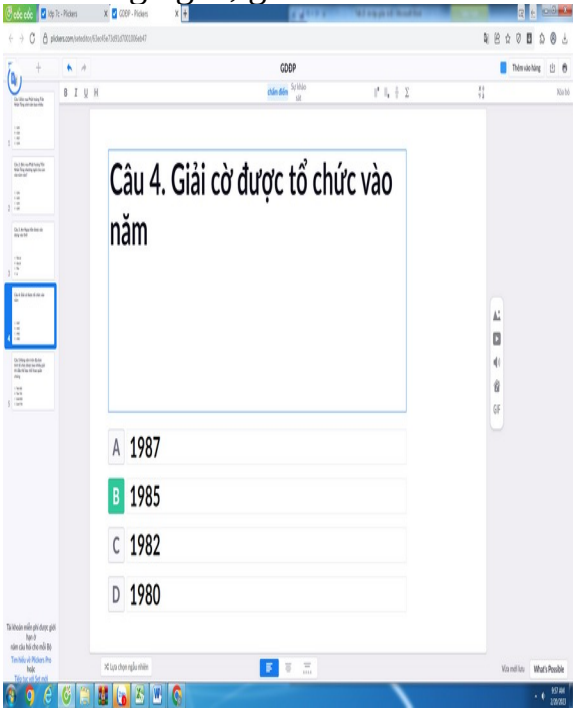
Nhóm 4:

6. Xây dựng một tình huống văn hoá ứng xử trong nhà trường (trình bày rõ nguyên nhân và cách xử lí tình huống).

Hoạt động 2.2: Luyện tập HS làm 1 số câu hỏi trắc nghiệm

- a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
- HS hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm
- b. Nội dung: sử dụng phần mềm plicker cho HS làm 1 số câu hỏi trắc nghiệm, học sinh làm tốt lấy điểm.
- c. Sản phẩm: câu trả lời, bài làm của học sinh
- d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV : Sử dụng phần mềm plicker, in mã thẻ phát trước cho HS,	2/ HS làm 1 số câu hỏi trắc nghiệm: Lựa chọn đáp án đúng.

-HS lần lượt học sinh hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm trên hệ thống Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS: Suy nghĩ, trả lời bằng cách giơ thẻ GV: quét mã thẻ, công bố kết quả Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: công bố kết quả, nhận xét và bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài 		
---	--	--

GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học	
---	--

Hoạt động 4. Vận dụng a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay b. Nội dung: Vận dụng kiến thức c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh d. Cách thực hiện.	
Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Đưa tình huống để học sinh giải quyết.	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: thảo luận nhóm cặp đôi	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả ,phản bác, góp ý. GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập	

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KỲ 2

Môn: Giáo dục địa phương lớp 7

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

Bài 7: Thể thao vùng mỏ.

- Nắm được vai trò của thể thao đối với đời sống người dân Quảng Ninh
- Giới thiệu được một số môn thể thao có thành tích cao của tỉnh.
- Kể được tên một số vận động viên tiêu biểu của Quảng Ninh.

Bài 8: Văn hóa ứng xử trong trường học ở Quảng Ninh

- Biết được cách ứng xử chuẩn mực của cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường.
- Nắm vững được cách ứng xử đúng của bản thân học sinh trong môi trường học đường.

B. LUYỆN TẬP

I. Trắc nghiệm:

Câu 1: Vai trò của thể thao đối với đời sống người dân Quảng Ninh được thể hiện ở những phương diện nào?

Câu 2: Đội bóng đá nam than Quảng Ninh có truyền thống tiền thân từ đội nào?

Câu 3: Vận động viên Nguyễn Anh Dũng của Quảng Ninh đã giành được thành tích xuất sắc ở bộ môn thể thao nào?

Câu 4: Đội bóng chuyền nữ Quảng Ninh đã mấy lần vô địch quốc gia?

Câu 5: Đặng Thị Nhàn là huấn luyện viên của bộ môn nào?

Câu 6: Vận động viên nào có quê hương tại thành phố Uông Bí?

Câu 7: Cán bộ giáo viên và nhân viên trong nhà trường cần ứng xử như thế nào với người học?

Câu 8: Học sinh cần ứng xử như thế nào với cha mẹ và người thân?

Câu 9: Khi giao tiếp luôn chú ý xưng hô thân thiện là cách ứng xử của học sinh dành cho?

Câu 10: Văn hóa nhà trường là gì?

II. Luyện tập:

Câu 1 Hãy phân tích vai trò của thể thao đối với việc nâng cao sức khỏe, gắn với học tập, lao động, bảo vệ tổ quốc?

Câu 2: Hãy phân tích vai trò của thể thao đối với việc phát triển du lịch?

Câu 3 Trình bày cách ứng xử của học sinh đối với thầy cô giáo, cán bộ và nhân viên nhà trường?

Câu 4: Trình bày cách ứng xử của học sinh đối với bạn học, cha mẹ và người thân?

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2

- Môn: Giáo dục địa phương; Lớp: 7

- Năm học 2022 - 2023

Mức độ Chủ đề	Nhận biết TN	Thông hiểu TL	Vận dụng TL	Tổng g
- Thể thao vùng mỏ. - Văn hóa ứng xử trong trường học ở Quảng Ninh.	- Trình bày được vai trò của thể thao với đời sống của người dân Quảng Ninh. - Kể tên/ giới thiệu được một số môn thể thao có thành tích cao và vận động viên, huấn luyện viên tiêu biểu của Quảng Ninh. - Liệt kê, giải thích được các biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nhà trường ở tỉnh Quảng Ninh. - Biết thực hành ứng xử văn hoá trong nhà trường.	- Nhận thức giá trị về thể chất, thẩm mỹ. - Nhận thức được sở thích, khả năng thể thao của bản thân. Có khả năng diễn đạt về nội dung cần trình bày. - Đánh giá được tác dụng và tác hại của thái độ, hành vi đạo đức đối với bản thân và người khác trong học tập và sinh hoạt.	- Từ việc hiểu rõ hơn lợi ích của rèn luyện thân thể, tự hào về thành tích thể thao của tỉnh Quảng Ninh, sẵn sàng lựa chọn môn thể thao yêu thích. - Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi. - Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống; không đua đòi, ăn diện, lãng phí, nghịch ngợm, càn quấy; không cổ vũ hoặc làm những việc xấu.	
Số câu	8	1	1	10
Số điểm	4,0	4,0	2,0	10
Tỉ lệ %	40%	40%	20%	100 %

II. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2

- Môn: Giáo dục địa phương; Lớp: 7

- Năm học 2022 - 2023

Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)

ĐỀ 1

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Câu 1. (0,5 điểm) Vai trò của thể thao đối với đời sống người dân Quảng Ninh được thể hiện ở những phương diện nào?

- A. Nâng cao sức khỏe, gắn với học tập, lao động và bảo vệ tổ quốc; Cải thiện đời sống văn hóa tinh thần; gắn với phát triển du lịch và thúc đẩy giao lưu đối ngoại.
- B. Nâng cao sức khỏe, gắn với học tập, lao động và bảo vệ tổ quốc; Cải thiện đời sống tâm linh; gắn với phát triển du lịch và thúc đẩy giao lưu đối ngoại.
- C. Nâng cao sức khỏe, gắn với học tập, lao động và bảo vệ tổ quốc; Cải thiện đời sống tâm linh; gắn với phát triển du lịch và thúc đẩy giao lưu thương nghiệp.
- D. Gắn với học tập, lao động và bảo vệ tổ quốc; Cải thiện đời sống văn hóa tinh thần; gắn với phát triển du lịch và thúc đẩy giao lưu đối ngoại.

Câu 2: Đội bóng đá nam than Quảng Ninh có truyền thống tiền thân từ đội:

- A. Hồng Hà
- B. Hồng Gai
- C. Hồng Quảng
- D. Hà Lâm

Câu 3: Vận động viên Nguyễn Anh Dũng của Quảng Ninh đã giành được thành tích xuất sắc ở bộ môn thể thao nào?

- A. Bộ môn bóng đá
- B. Bộ môn bơi- lặn.
- C. Bơi.
- D. Cờ vua.

Câu 4: Cán bộ giáo viên và nhân viên trong nhà trường cần ứng xử như thế nào với người học?

- A. Ngôn ngữ chuẩn mực, thái độ và hành vi nghiêm túc; thể hiện yêu quý, bao dung; tôn trọng sự khác biệt, đối xử công bằng, lắng nghe, động viên, khích lệ người học.
- B. Ngôn ngữ chuẩn mực, thái độ và hành vi nghiêm túc; thể hiện sự yêu thương, trách nhiệm, bao dung; tôn trọng sự khác biệt, đối xử công bằng, lắng nghe, động viên, khích lệ người học; không xúc phạm, ép buộc, trù dập, bạo hành.
- B. Ngôn ngữ chuẩn mực, thái độ và hành vi nghiêm túc; thể hiện yêu quý, bao dung; tôn trọng sự khác biệt, đối xử công bằng, lắng nghe, động viên, khích lệ người học; không xúc phạm, ép buộc, trù dập, bạo hành
- D. Ngôn ngữ chuẩn mực, thái độ và hành vi nghiêm túc; thể hiện sự yêu thương, trách nhiệm, bao dung; đối xử công bằng, lắng nghe, động viên, khích lệ người học; không xúc phạm, ép buộc, trù dập, bạo hành.

Câu 5: Học sinh cần ứng xử như thế nào với cha mẹ và người thân?

- A. Kính trọng, lễ phép, trung thực, yêu thương
- B. Yêu quý, biết ơn, trung thực
- C. Ngoan ngoan, nghe lời, trung thực
- D. Kính trọng, nghe lời, biết ơn

Câu 6: Khi giao tiếp luôn chú ý xưng hô thân thiện là cách ứng xử của học sinh dành cho:

- A. Thầy cô giáo, cán bộ, nhân viên trong nhà trường.
- B. Cha mẹ
- C. Khách đến trường
- D. Bạn học

Câu 7: Đội bóng chuyền nữ Quảng Ninh đã mấy lần vô địch quốc gia?

- A. 3 lần
- B. 4 lần
- C. 5 lần.
- D. 6 lần.

Câu 8: Đặng Thị Nhàn là huấn luyện viên của bộ môn nào?

- A. Đua thuyền
- B. Bắn cung
- C. Pencak Silat
- D. Bóng đá

PHẦN 2: TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 9. (4,0 điểm) Hãy phân tích vai trò của thể thao đối với việc nâng cao sức khỏe, gắn với học tập, lao động, bảo vệ tổ quốc?

Câu 10. (2,0 điểm) Trình bày cách ứng xử của học sinh đối với thầy cô giáo, cán bộ và nhân viên nhà trường?

----- Hết -----

PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ UÔNG
BÍ
TRƯỜNG THCS PHƯƠNG NAM

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA
GIỮA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2022–
2023
MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG 7

Phần	Một số gợi ý chính									Điểm
Trắc nghiệm (4,0 điểm)	Từ câu 1 đến câu 8, mỗi lựa chọn đúng cho 0,5 điểm									4,0
	Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	
	Đáp án	A	C	D	B	A	D	C	B	
Tự luận (6,0 điểm)	Câu 9. (4 điểm) HS nêu được những vai trò của thể thao đối với việc nâng cao sức khỏe, gắn với học tập, lao động, bảo vệ tổ quốc									1,0
	- Thể thao nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực, giáo dục đạo đức rèn luyện ý chí, góp phần hoàn thiện nhân cách con người.									
	- Quảng Ninh luôn chủ động nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”									1,0
	- Các khu dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học triển khai phong trào “Khỏe để học tập, lao động, xây dựng và bảo vệ tổ quốc”.									1,0
	- Tỷ lệ người tham gia luyện tập thể dục thể thao ở Quảng Ninh khá cao (26%). Hằng năm trên địa bàn tỉnh tổ chức nhiều giải thi đấu thể dục thể thao quần chúng từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh (trên 800 giải).									1,0
	Câu 10. (2 điểm) HS nêu được cách ứng xử của học sinh đối với thầy cô giáo, cán bộ và nhân viên nhà trường như sau:									0,5
	- Trong lời nói giao tiếp luôn thể hiện sự kính trọng lễ phép.									0,5
	- Không bịa đặt thông tin; trung thực trong các thông tin phản hồi, chia sẻ tâm sự cởi mở cùng thầy cô để hướng tới những điều tốt đẹp.									0,5
	- Nghiêm túc chấp hành các quy định của trường lớp.									0,5
	- Không xúc phạm tinh thần, danh dự, nhân phẩm, bạo lực.									
	Tổng									10,0

Ngày soạn: 15/03/2023

Ngày giảng: 20/03/2023

BÀI 10

ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ TỈNH QUẢNG NINH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm dân số (quy mô, gia tăng, cơ cấu), dân tộc, phân bố dân cư của tỉnh.
- Đọc được biểu đồ quy mô dân số. Xác định được trên bản đồ một số đô thị. Biết cách sưu tầm tư liệu và viết báo cáo về một trong các đặc điểm dân cư của tỉnh.

2. Năng lực

* Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:
 - + Mô tả sự phân bố dân cư, dân tộc trên địa bàn tỉnh
 - + Giải thích các nhân tố ảnh hưởng tới sự phân bố dân cư trên địa bàn tỉnh.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Dựa vào biểu đồ tính toán số liệu về sự gia tăng dân số, nhận xét quy mô dân số.
 - + Khai thác thông tin từ internet để cập nhật các số liệu mới về dân số, đặc điểm phân bố dân cư, dân tộc.
 - + Phân tích tháp dân số, nhận xét cơ cấu dân số theo tuổi, theo giới tính.
 - + Xác định được trên bản đồ 4 thành phố của tỉnh QN.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Có ý thức tìm hiểu truyền thống của địa phương, tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của địa phương
- Chăm chỉ: Học tập, nghiên cứu sưu tầm số liệu mới về dân số, phân bố dân cư và dân tộc trên địa bàn Tỉnh.

4. Nội dung tích hợp lồng ghép:

5. Giáo dục học sinh khuyết tật:

HS biết lắng nghe, hòa nhập cùng các bạn

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Hình 10.1. Biểu đồ dân số và tỉ lệ gia tăng tự nhiên của Quảng Ninh qua các năm
- Hình 10.2. Tháp dân số Quảng Ninh năm 1999 và năm 2019 (theo giới tính và độ tuổi)
- Hình 10.5. Lược đồ phân bố dân cư và đô thị tỉnh Quảng Ninh năm 2019
- Hình ảnh, video về sinh hoạt, trang phục của các dân tộc trong địa bàn tỉnh
- Phiếu học tập
- Máy tính, BTM...

2. Học sinh:

- SGK, vở ghi.

- Tìm hiểu trước thông tin liên quan đến nội dung bài học: Số dân, kết cấu dân số, phân bố dân cư, quần cư, tìm hiểu các dân tộc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5 phút)

a) Mục tiêu: HS xác định được vấn đề cần giải quyết liên quan đến bài học tạo hứng thú trong học tập cho HS.

b. Nội dung: Gv cho học sinh tham gia trò chơi nhìn hình đoán tên các dân tộc trên địa bàn tỉnh

c. Sản phẩm

- HS quan sát hình và đoán được tên

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS tham gia trò chơi “ Nhìn hình - đoán tên” . HS thực hiện trò chơi đoán tên các dân tộc trên địa bàn tỉnh trong thời gian 2 phút.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS quan sát hình ảnh và trả lời.

- GV gợi mở nếu HS gặp khó khăn

Bước 3: Báo cáo kết quả:

- HS trả lời ý kiến cá nhân của mình

- HS khác nhận xét, bổ sung.

* Dự kiến sản phẩm:



Người Dao Thanh Phán



Người Tày



Người Sán Dìu



Dao Thanh Phán

Bước 4: Giáo viên nhận xét, dẫn dắt vào bài mới

Quảng Ninh là tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống và định cư lâu đời, bản sắc văn hoá đa

dạng. Với quy mô dân số vào loại trung bình ở nước ta và cơ cấu dân số đang có sự thay đổi, đặc điểm dân số đó có ảnh hưởng như thế nào đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (70 phút)

1. Tìm hiểu đặc điểm dân số (30 phút)

a. Mục tiêu: Trình bày được số dân, quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số của Quảng Ninh.

b. Nội dung:

GV hướng dẫn HS khai thác kiến thức từ biểu đồ, tháp tuổi và bảng số liệu để thu thập thông tin về số dân, gia tăng dân số, kết cấu dân số của tỉnh.

c. Sản phẩm: PHT của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động thầy và trò	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Nhiệm vụ 1 Cá nhân: Tìm hiểu về quy mô dân số + Nghiên cứu thông tin SGK cho biết số dân tỉnh ta hiện nay là bao nhiêu? Đứng thứ bn cả nước? Chiếm bao nhiêu % dân số cả nước? + Nhận xét về quy mô dân số của tỉnh? <i>Nhiệm vụ 2 : nhóm</i> <i>Giáo viên chia lớp thành 8 nhóm lớn</i> <i>Thời gian:5 phút</i> <i>Nhóm 1,3,5: Tìm hiểu về Gia tăng dân số (hoàn thành PHT 1)</i> <i>Nhóm 2, 4, 6: Tìm hiểu về Cơ cấu dân số theo tuổi, hoàn thành PHT 2.</i> <i>Nhóm 7, 8: Tìm hiểu về Cơ cấu dân sốtheo giới tính hoàn thành PHT số 3.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ NV 1: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân NV 2: HS hoạt động nhóm hoàn thành PHT GV: Theo dõi, quan sát, định hướng đúng cho HS nếu gặp khó khăn. Bước 3: Báo cáo kết quả - GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày - Nhóm khác lắng nghe, theo dõi - Nhận xét phần báo cáo của nhóm khác theo kỹ thuật 3-2-1 * Dự kiến sản phẩm - Số dân: 1.320.324 người (2019) đứng thứ 23/63 tỉnh TP, chiếm 1,37% DS cả nước, có	1. Đặc điểm dân số: 1.1 Quy mô dân số - Số dân: 1.320.324 người (2019) đứng thứ 23/63 tỉnh TP, chiếm 1,37% DS cả nước, có quy mô dân số trung bình. 1.2 Gia tăng dân số - Tỷ lệ gia tăng tự nhiên 1,07 % (2019) có xu hướng giảm 1.3 Cơ cấu dân số. - Cơ cấu theo độ tuổi: dân số trẻ, đang có xu hướng già hóa - Cơ cấu giới tính: Mất cân bằng giới tính: Nam lớn hơn nữ

quy mô dân số trung bình.

- Tỷ lệ gia tăng tự nhiên 1,07 % (2019) có xu hướng giảm.
- Cơ cấu theo độ tuổi: dân số trẻ, đang có xu hướng già hóa
- Cơ cấu giới tính: Nam lớn hơn nữ

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét hoạt động nhóm của HS, chuẩn hoá kiến thức cho HS

Hoạt động 2. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư (25 phút)

a. Mục tiêu: Trình bày được sự phân bố dân cư và đặc điểm các loại hình quần cư của Quảng Ninh

b, Nội dung: HS dựa vào lược đồ phân bố dân cư và thông tin SGK để xác định sự phân bố dân cư và đặc điểm các loại hình quần cư của tỉnh.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh về sự phân bố dân cư trên bản đồ, giải thích nguyên nhân sự phân bố đó.

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ NV1: Phân bố dân cư (Hoạt động cá nhân) - GV chiếu Lược đồ phân bố dân cư và đô thị tỉnh Quảng Ninh năm 2019 ? Dựa vào hình 10.5, em hãy xác định các địa phương có mật độ dân số trên 200 người/km² , mật độ dân số dưới 50 người/km² . Giải thích vì sao? NV2: Các loại hình quần cư (Hoạt động nhóm bàn): 5 phút Dựa vào hình 10.6, 10.7 và thông tin trong sách giáo khoa em hãy nêu sự khác biệt cơ bản (mật độ dân số, hoạt động kinh tế chủ yếu) giữa quần cư nông thôn và quần cư thành thị ở Quảng Ninh. Dãy 1,3: tìm hiểu về quần cư nông thôn. Dãy 2,4: tìm hiểu về quần cư thành thị Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ NV 1: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân - GV: Theo dõi, quan sát, định hướng đúng cho HS nếu gặp khó khăn. NV 2: HS hoạt động nhóm bàn theo nội dung GV phân công	2. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư a. Phân bố dân cư: - MĐDS ngày càng tăng, năm 2019 là 214 người/km² nhưng vẫn thấp hơn TB cả nước (290 người/km²) - Trong phân bố dân cư cũng có sự lệch giữa thành thị và nông thôn b. Các loại hình quần cư: * Quần cư nông thôn: - MĐ DS thấp - Hoạt động kinh tế chủ yếu là nông- lâm nghiệp - Cuộc sống của dân cư nông thôn đã được cải thiện rõ rệt do các chương trình phát triển nông thôn mới của tỉnh Quảng Ninh *Quần cư thành thị: - MĐ DS cao - Hoạt động kinh tế chủ yếu công nghiệp, dịch vụ - Hiện nay, cùng với sự phát triển kinh tế, các hoạt động thu hút đầu tư đã làm thay đổi diện mạo các đô thị, tạo nhiều khu dân cư, khu đô thị mới, khu du lịch hiện đại, khu công nghiệp.

Bước 3: Báo cáo kết quả

NV1: GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung

NV2: GV yêu cầu đại diện cặp đôi trình bày

- Cặp đôi khác lắng nghe, theo dõi
- Nhận xét phần báo cáo của nhóm khác.

* Dự kiến sản phẩm:

- Phân bố dân cư không đều
- Thấy được sự khác biệt cơ bản (mật độ dân số, hoạt động kinh tế chủ yếu) giữa quần cư nông thôn và quần cư thành thị ở Quảng Ninh.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét hoạt động nhóm của HS, chốt kiến thức cho HS.

3. Cộng đồng các dân tộc ở Quảng Ninh (15 phút)

a. Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm các dân tộc, phân bố dân cư và vấn đề đô thị hóa của tỉnh Quảng Ninh
- Đọc được biểu đồ quy mô dân số. Xác định được trên bản đồ một số đô thị.

b, Nội dung: HS hoàn thành PHT tìm hiểu về các dân tộc và sự phân bố các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

c. Sản phẩm: Kết quả PHT của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV phát phiếu học tập

CÁC DÂN TỘC Ở QUẢNG NINH VÀ SỰ PHÂN BỐ	
1. Em thuộc dân tộc nào trong 43 dân tộc ở Quảng Ninh?	
2. Hãy kể một số nét văn hoá đặc sắc của dân tộc em.	
3. Sự đa dạng về các thành phần dân tộc tạo những thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh?	
4. Quan sát hình 10.10, 10.11 và kết	

3. Cộng đồng các dân tộc ở Quảng Ninh

a. Các dân tộc ở Quảng Ninh

- Quảng Ninh có 43 dân tộc.
- Dân tộc Kinh có số dân đông nhất, chiếm 87,7% dân số, có nhiều kinh nghiệm trong thâm canh lúa nước, các nghề thủ công truyền thống đạt mức tinh xảo, là lực lượng đông đảo, giữ vai trò quan trọng trong các ngành công nghiệp, dịch vụ, khoa học kỹ thuật.
- Các dân tộc thiểu số chiếm 12,3% dân số như Dao, Tày, Sán Dìu và Sán Chay...có nhiều kinh nghiệm trong trồng lúa trên ruộng bậc thang, trồng rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, nghề thủ công.
- => Thuận lợi: tạo nên một nền văn hoá đa dạng và giàu bản sắc.
- Khó khăn: các dân tộc thiểu số ở vùng cao có mức sống và thu nhập thấp; việc thu hút đầu tư vào địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; bản sắc văn hoá, truyền

hợp thông tin trong sách giáo khoa, em hãy nêu sự khác nhau về địa bàn cư trú và hoạt động kinh tế các dân tộc ở Quảng Ninh.		thống tốt đẹp của một số dân tộc có nguy cơ bị mai một b. Phân bố dân tộc: - Người Kinh thường sống tập trung ở đồng bằng ven biển, các thị trấn, thị xã, thành phố hay dọc quốc lộ, ven sông hoặc ở trong và ngoại vi các thị trấn, thị xã. - Các dân tộc thiểu số tập trung chủ yếu ở các huyện miền núi.
HS hoạt động cá nhân, hoàn thành phiếu trong 5p Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS theo dõi thông tin trong SGK, thực hiện nhiệm vụ cá nhân. Bước 3: Báo cáo kết quả HS lên bảng trình bày nội dung phiếu học tập, HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: - GV nhận xét hoạt động của HS, chốt kiến thức cho HS.		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Dựa vào lược đồ hình 10.5, em hãy xác định các đô thị có quy mô dân số trên 10.000 người. Nhận xét sự phân bố các đô thị hiện nay ở Quảng Ninh Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS theo dõi lược đồ, thực hiện nhiệm vụ cá nhân. Bước 3: Báo cáo kết quả HS lên bảng xác định các đô thị và nhận xét sự phân bố đô thị trên lược đồ HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: - GV nhận xét hoạt động của HS, chốt kiến thức cho HS.		c. Đô thị hóa: - Số dân và tỉ lệ dân số ở các đô thị của Quảng Ninh cao hơn mức trung bình của cả nước và tăng nhanh, liên tục qua các năm. - Quy mô và số lượng đô thị được mở rộng, Quảng Ninh là tỉnh có nhiều thành phố trực thuộc tỉnh nhất cả nước.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (8 phút)

a, Mục tiêu: Vận dụng các kiến thức đã học ở phần hình thành kiến thức, HS giải quyết các nhiệm vụ có liên quan đến bài học bằng các hình thức khác nhau. Thông qua đó giúp HS nắm chắc được nội dung bài học đồng thời rèn luyện các kỹ năng cho hs.

b, Nội dung: HS giải quyết các bài trong SGK.

c, Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh

d, Tiến trình thực hiện:

B1: Giao nhiệm vụ

NV 1: Cá nhân:

Cơ cấu dân số Quảng Ninh có những thuận lợi và khó khăn gì đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh?

NV2: Cặp đôi:

Địa phương em đang sống thuộc loại hình quần cư nào? Em hãy nêu những thay đổi của loại hình quần cư đó hiện nay?

NV3: Cá nhân Đóng vai một hướng dẫn viên du lịch gem hãy giới thiệu cho bạn bè trong nước và quốc tế những nét đặc trưng về con người, văn hoá của Quảng Ninh.

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ và thảo luận thực hiện nhiệm vụ được giao

GV quan sát và hỗ trợ HS khi gặp khó khăn. Khuyến khích HS thảo luận, đưa ra ý kiến đóng góp.

B3: Báo cáo sản phẩm:

+ HS trình bày trước lớp (5-7'); những hs còn lại thực hiện hoạt động nhóm theo dõi, nhận xét đánh giá (vào phiếu).

- GV hướng dẫn HS lắng nghe, đánh giá bài của bạn bằng phiếu đánh giá (mức độ 5 là mức độ tốt nhất).

Tiêu chí	Biểu hiện	Mức độ đạt được				
		1	2	3	4	5
1. Khả năng thành thạo khi nói	1.1 Nói lưu loát, phát âm chuẩn, trôi chảy					
	1.2 Nói truyền cảm, ngữ điệu, âm lượng phù hợp, hấp dẫn với người nghe					
2. Nội dung nói	2.1 Nội dung bài trình bày tập trung vào vấn đề chính					
	2.2 Nội dung trình bày chi tiết, phong phú, hấp dẫn					
	2.3 Trình tự trình bày logic					
3. Sử dụng từ ngữ	3.1. Sử dụng từ vựng chính xác, phù hợp					
	3.2 Sử dụng từ ngữ hay, hấp dẫn, ấn tượng					
4. Sử dụng p.tiện phi ngôn ngữ phù hợp	4.1 Dáng vẻ, tư thế, ánh mắt, nét mặt phù hợp với nội dung thuyết trình					
	4.2 Sử dụng những cử chỉ tạo ấn tượng, thể hiện thái độ thân thiện, giao lưu tích cực với người nghe.					
5. Mở đầu và kết thúc	5. Mở đầu và kết thúc ấn tượng					

B4: Đánh giá, kết luận

GV gọi HS nhóm khác nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm bạn.

GV nhận xét sản phẩm của HS và cho điểm.

4. Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)

a, Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

b, Nội dung: GV yêu cầu hs thực hiện theo hình thức nhóm lớn

c, Sản phẩm: Bài báo cáo của HS

d, Tiến trình thực hiện:

B1: Giao nhiệm vụ:

Em hãy thu thập thông tin để viết một báo cáo ngắn khoảng 20 dòng hoặc thiết kế một bản đồ hoa thông tin - infographic theo gợi ý sau:

- Nêu thực trạng chênh lệch giới tính hiện nay ở Quảng Ninh.
- Hậu quả của chênh lệch giới tính đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Các giải pháp hạn chế mất cân bằng giới tính

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức nhóm, làm tại nhà, tiết sau nộp sản phẩm.

B3: Báo cáo sản phẩm:

HS thuyết trình sản phẩm của mình trước lớp vào tiết sau.

B4: Đánh giá, kết luận:

GV gọi HS khác nhận xét sản phẩm của bạn.

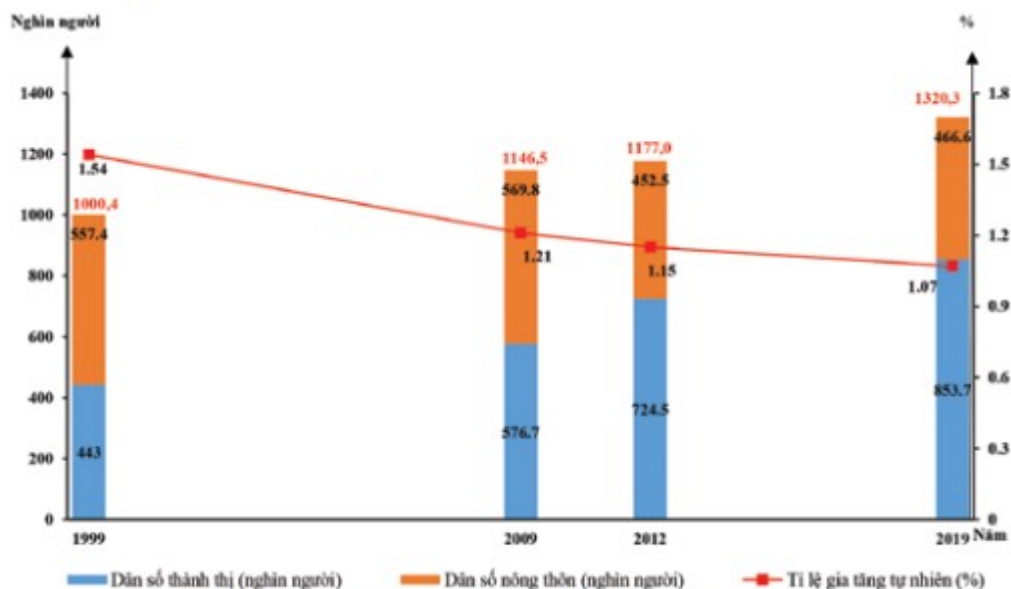
GV nhận xét, chốt ý.

*** Hướng dẫn học bài ở nhà và chuẩn bị bài sau (2 phút)**

- **Học bài:** trình bày được những nét về đặc điểm dân số, phân bố dân cư quần cư và đô thị hóa của tỉnh QN.
- **Chuẩn bị bài mới:** Nghiên cứu bài 11: Bạo lực học đường, trả lời các câu hỏi sau:
 - Bạo lực học đường gồm những hành vi nào?
 - Kể tên một số hành vi bạo lực học đường nào ở Quảng Ninh mà em từng chứng kiến.
 - Học sinh với học sinh thường xảy ra hành vi bạo lực nào trong học đường

IV. PHỤ LỤC PHIẾU HỌC TẬP HOẠT ĐỘNG 1**Phiếu học tập 1: Gia tăng dân số**

Dựa vào biểu đồ H10. 1 và thông tin SGK hoàn thiện PHT sau



Hình 10.1. Biểu đồ dân số và tỉ lệ gia tăng tự nhiên của Quảng Ninh qua các năm

Quan sát H 10. 1 hoàn thiện bảng thống kê sau

Năm	1999	2009	2012	2019
Số dân (nghìn người)				
Tỉ lệ gia tăng tự nhiên (%)				

+ Số dân tỉnh QN từ 1999 đến 2019 có xu hướng.....,nghìn người

+ Tỉ lệ gia tăng tự nhiên năm 2019 đạt....., từ 1999-2019 gia tăng TN có xu hướng....., nguyên nhân do.....

+ Mặc dù tỉ lệ GTTN có xu hướng.....nhưng quy mô dân số vẫn tăng là do.....

.....

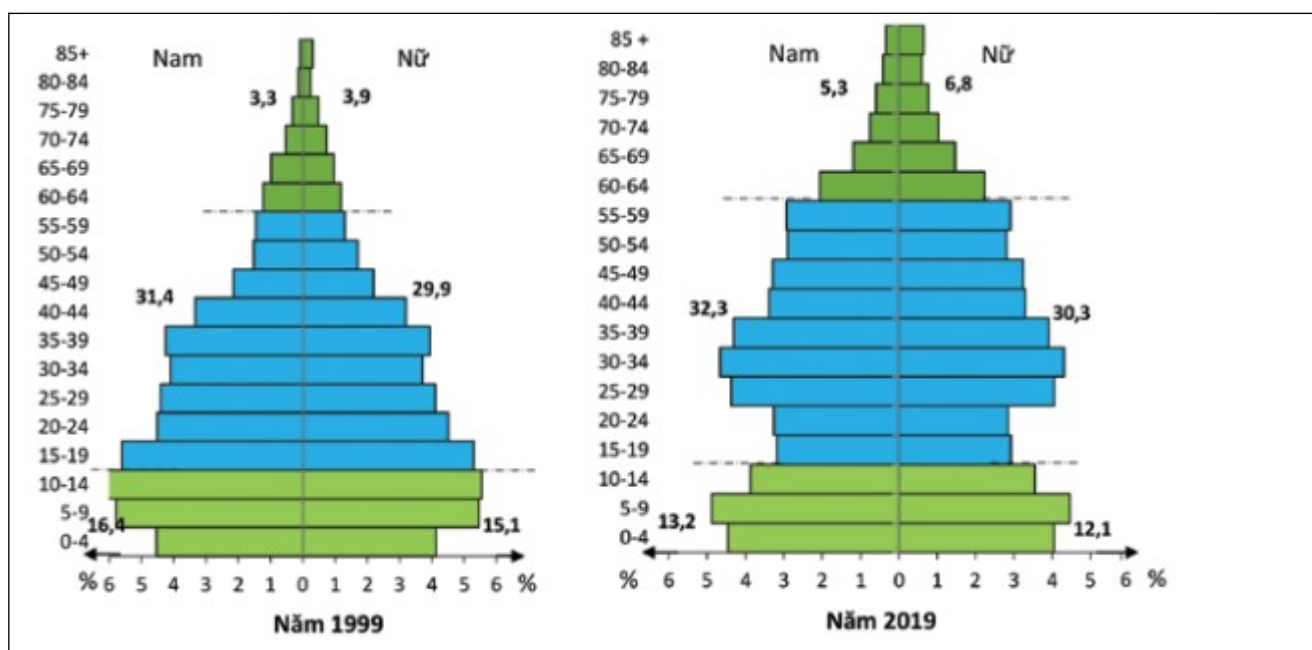
.....

.....

.....

Nhóm 2, 4 :Tìm hiểu Cơ cấu dân số theo độ tuổi (hoàn thành PHT 2)

PHIẾU HỌC TẬP 2



Quan sát, phân tích tháp dân số Quảng Ninh năm 1999 và năm 2019, hoàn thiện bảng thống kê

Nhóm tuổi	1999	2019
0 -14		
15-59		
Trên 60		

- Từ năm 1999- 2019

+ Nhóm tuổi 0 – 14 có xu hướng.....

+ Nhóm tuổi 15 – 59 có xu hướng.....

+ Nhóm tuổi 60 trở lên có xu hướng.....

+ Nhóm tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất là.....chiếm.....%

+ Quảng Ninh thuộc kết cấu DS....., đang có xu hướng.....

+ Phân tích ảnh hưởng của kết cấu dân số trẻ (thuận lợi, khó khăn) đến phát triển kinh tế - xã hội.

.....

.....

.....

.....

.....

Nhóm 7, 8: Tìm hiểu KẾT CẤU DÂN SỐ THEO GIỚI TÍNH

(hoàn thành PHT 3)

PHIẾU HỌC TẬP 3
KẾT CẤU DÂN SỐ THEO GIỚI TÍNH
Quan sát bảng số liệu

Bảng 10.1. Cơ cấu dân số phân theo giới tính của Quảng Ninh từ năm 2010 – 2019 (đơn vị: %)

Năm	2010	2015	2017	2019
Nam	51,03	50,93	50,89	50,86
Nữ	48,97	49,07	49,11	49,14



Hình 10.3. Tỉ số giới tính khi sinh của Quảng Ninh qua các năm

- + Nhận xét tỉ lệ giới tính Nam – Nữ của dân số tỉnh QN?
- + Nguyên nhân chênh lệch giới tính?
- + Tỉ số giới tính khi sinh thay đổi ntn từ năm 2015 đến năm 2018?
- + Đề xuất hững giải pháp để giảm tình trạng mất cân bằng giới tính của tỉnh?

Ngày giảng: 4/4/2023

Ngày soạn: 11/4/2023

CHÍNH TRỊ -

**PHÒNG CHỐNG BẠO
LỰC HỌC Đİ PỜNGIC VÀ**

**Môn học/Hoạt động giáo dục: Giáo dục
địa phương 7 (Thời gian thực hiện: 02 tiết
– tiết 30,31)**

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

Học xong bài này, em sẽ:

- Giải thích được thế nào là bạo lực học đường và tệ nạn xã hội, nhận diện các loại bạo lực học đường và tệ nạn xã hội ở Quảng Ninh.
- Biết thực hành ứng phó với các tình huống bạo lực học đường và tệ nạn xã hội.

2. Năng lực:

- Tự chủ và tự học:

+ HS làm chủ được bản thân, không tham gia, cổ vũ các hành vi bạo lực học đường. Không tham gia vào các tệ nạn xã hội.

+ Tích cực tìm hiểu biểu hiện, nguyên nhân và hậu quả của bạo lực học đường và các tệ nạn xã hội..

- Giao tiếp và hợp tác: HS biết trình bày suy nghĩ cá nhân và thảo luận nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:

+ Biết cách giải quyết các mâu thuẫn với bạn bè, thầy cô mà không dùng bạo lực.

- Điều chỉnh hành vi: HS tự nhận thức cách ứng xử của bản thân với thầy cô, bạn bè đã phù hợp chưa. Từ đó, biết điều chỉnh bản thân, tránh để xảy ra những mâu thuẫn không đáng có và tệ nạn xã hội.

- Phát triển bản thân: Kiên trì mục tiêu, thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện đạo đức.

- Tư duy phê phán: Đánh giá, phê phán, lên án, đấu tranh với những hành vi gây ra bạo lực cho bạn bè, thầy cô và tệ nạn xã hội.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái: Có tinh thần nhân ái, yêu thương đối với thầy cô và bạn bè.

- Trách nhiệm: Chấp hành tốt các nội quy của nhà trường và các quy định của pháp luật về phòng

- Có tinh thần, trách nhiệm trong việc phòng chống các loại bạo lực học đường và tệ nạn xã hội.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính

2. Học liệu:

- Các tranh, hình ảnh, video liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường và tệ nạn xã hội.

*** Học sinh:**

Tìm hiểu trước thông tin liên quan đến nội dung bài học: các loại bạo lực học đường và tệ nạn xã hội.

III. Tiến trình dạy học

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (thời gian thực hiện: 5 phút)

a, Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b, Nội dung: GV nêu ra vấn đề, HS lắng nghe

c, Sản phẩm: Thái độ học tập của HS.

d, Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

Trong các hình dưới đây, hình nào thể hiện hành vi bạo lực học đường, hình nào thể hiện hành vi tệ nạn xã hội? Em hãy mô tả những hành vi đó và rút ra bài học cho bản thân?





Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh trình bày các câu trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu bài học

Hiện nay tình trạng bạo lực học đường và các tệ nạn xã hội liên tục xảy ra đã trở thành nỗi bức xúc của toàn xã hội, và trở thành mối lo lắng của không chỉ các bậc phụ huynh, thầy cô giáo mà còn là nỗi lo của tất cả những người quan tâm đến sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Vậy thế nào là bạo lực học đường và tệ nạn xã hội, làm thế nào để nhận diện các loại bạo lực học đường và tệ nạn xã hội và cách phòng tránh như thế nào? chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Nội dung 1: Tìm hiểu bạo lực học đường, hành vi bạo lực học đường .

a) Mục tiêu: Tìm hiểu bạo lực học đường, hành vi bạo lực học đường .

b) Nội dung: GV hướng dẫn HS đọc tài liệu kết hợp quan sát tranh ảnh và trả lời câu hỏi rút ra kết luận cần thiết.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS đọc SGK.

Bạo lực học đường gồm những hành vi nào?

Kể tên một số hành vi bạo lực học đường nào mà em từng chứng kiến. Học sinh với học sinh thường xảy ra hành vi bạo lực nào trong học đường?

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm cặp đôi chia sẻ trong thời gian 5 phút để

trả lời câu hỏi trên.

- GV gọi 2 - 3 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.
- GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, suy nghĩ, trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Dự kiến sản phẩm:

1. Bạo lực học đường là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác như: đe dọa, trêu chọc, phân biệt tôn giáo, chủng tộc, giới tính, ngoại hình, năng lực cá nhân,... gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học xảy ra trong cơ sở giáo dục hoặc lớp học lập.

2. Các hành vi bạo lực học đường

Hành vi	Biểu hiện của hành vi
Hành hạ, ngược đãi, đánh đập.	Đá, tát, đẩy ngã; giam giữ; đe dọa; bắt nhện đói; ép ăn, uống đồ bẩn; ép sử dụng ma túy,...
Xâm hại thân thể, sức khỏe	Cưỡng hiếp, tấn công tình dục; trừng phạt thân thể,...
Xúc phạm danh dự, nhân phẩm	Bịa đặt tin đồn; đặt biệt danh có tính xúc phạm; lột xé quần áo, cắt tóc; đưa hình ảnh riêng tư lên mạng xã hội khi chưa được phép,...
Xua đuổi và hành vi cố ý khác	Trù dập; cố vũ bạo lực; kì thị; phân biệt giới; phân biệt đối xử; miệt thị dân tộc; miệt thị người khuyết tật; đe dọa; trêu chọc,...

3. Các hành vi trên xảy ra trong nhà trường với các mối quan hệ:

- Giáo viên với học sinh

Giữa học sinh với học sinh thường xảy ra các hành vi:

- + Hành hạ, ngược đãi, đánh đập.
- + Xúc phạm danh dự, nhân phẩm.
- + Xua đuổi và hành vi cố ý khác.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề

1. Bạo lực học đường, hành vi bạo lực học đường

1.1. Bạo lực học đường

- Bạo lực học đường là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác như: đe dọa, trêu chọc, phân biệt tôn giáo, chủng tộc, giới tính, ngoại hình, năng lực cá nhân,... gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học xảy ra trong cơ sở giáo dục hoặc lớp độc lập.

1.2. Các hành vi bạo lực học đường

- Hành hạ, ngược đãi, đánh đập: Đá, tát, đẩy ngã; giam giữ; đe dọa; bắt nhin đói; ép ăn, uống đồ bẩn; ép sử dụng ma túy,...

- Xâm hại thân thể, sức khỏe: Cường hiếp, tấn công tình dục; trừng phạt thân thể,...

- Xúc phạm danh dự, nhân phẩm : Bịa đặt tin đồn; đặt biệt danh có tính xúc phạm; lột xé quần áo, cắt tóc; đưa hình ảnh riêng tư lên mạng xã hội khi chưa được phép,...

- Xua đuổi và hành vi cố ý khác: Trù dập; cổ vũ bạo lực; kì thị; phân biệt giới; phân biệt đối xử; miệt thị dân tộc; miệt thị người khuyết tật; đe dọa; trêu chọc,...

Nội dung 2: Tìm hiểu khái niệm tệ nạn xã hội và các tệ nạn xã hội .

a) Mục tiêu: GV tổ chức, hướng dẫn HS tìm hiểu về TNXH và các loại TNXH.

b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc và tìm hiểu về TNXH và các TNXH bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.

1. Thế nào là TNXH? Kể tên các loại tệ nạn xã hội mà em biết?

2. Em từng biết đến những loại ma túy nào?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh, sản phẩm hoạt động nhóm

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS:

Nhóm 1, 3: Thế nào là TNXH? Kể tên các loại tệ nạn xã hội mà em biết? Tác hại của các TNXH đối với đời sống con người?

Nhóm 2, 4: Ma túy là gì? Qua các phương tiện thông tin đại chúng, em biết đến những loại ma túy nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm.

- HS tương tác với các bạn trong nhóm thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:

+ Xây dựng nội dung: Những hiểu biết về TNXH, các loại TNXH và tác hại của TNXH.

+ Tìm hiểu về các loại ma túy và tác hại của chúng

+ Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.

GV: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Đại diện nhóm trình bày.

Dự kiến sản phẩm

- **Nhóm 1, 3: Tìm hiểu về TNXH và các loại TNXH**

1. Tệ nạn xã hội

- Khái niệm: Tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội bao gồm những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống cộng đồng. Tệ nạn xã hội bao gồm các loại tệ nạn ma túy, mại dâm, cờ bạc,...

2. Các loại tệ nạn xã hội:

2.1. Tệ nạn ma túy

- Khái niệm: Tệ nạn ma túy là tình trạng nghiện ma túy, tội phạm về ma túy và các hành vi trái phép khác về ma túy.

- Tác hại: Tệ nạn ma túy đang là hiểm họa của các quốc gia, dân tộc trên toàn thế giới. Những năm qua, tệ nạn ma túy ở Việt Nam vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp và có xu hướng gia tăng cùng với việc xuất hiện nhiều loại ma túy mới.

+ Ma túy là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm phát sinh tội phạm, tệ nạn xã hội và lây nhiễm HIV/AIDS.

+ Hậu quả, tác hại do tệ nạn ma túy gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển kinh tế – xã hội và an ninh trật tự của đất nước.

+ Ma túy làm huỷ hoại sức khỏe dẫn đến mất khả năng lao động, suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia.

2.2. Tệ nạn mại dâm

- Khái niệm: Tệ nạn mại dâm là hiện tượng xã hội, biểu hiện tình trạng các cá nhân

dùng các dịch vụ tình dục ngoài hôn nhân, lấy tiền bạc, lợi ích vật chất hay các lợi ích khác để trao đổi với nhau, nhằm thoả mãn nhu cầu tình dục (đối với người mua dâm) hoặc nhu cầu về tiền bạc, lợi ích vật chất (đối với người bán dâm).

- Tác hại:

+ Tệ nạn mại dâm có tác hại nhiều mặt đối với xã hội, đối với danh dự, nhân phẩm, sức khoẻ con người; ảnh hưởng đến vấn đề bình đẳng giới, đến chiến lược phát triển con người ở Việt Nam.

+ Tệ nạn mại dâm sẽ dẫn đến những hiểm hoạ: Lây bệnh qua đường tình dục, nhất là HIV/AIDS, bị bóc lột tình dục, mua bán người.

2.3. Tệ nạn cờ bạc

- Khái niệm: Tệ nạn cờ bạc là hiện tượng xã hội trái pháp luật, biểu hiện trình trạng các cá nhân tổ chức tham gia các trò chơi cờ bạc dưới mọi hình thức.

- Tác hại: Tệ nạn cờ bạc gây ra những hậu quả xấu, tác động tiêu cực tới trật tự, kỉ cương, an toàn xã hội.

2.4. Các tệ nạn xã hội khác: Hủ tục tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; đua xe trái phép, nghiện chơi game online, say rượu và nghiện rượu,...





Nhóm 2,4: Tìm hiểu về ma túy và các loại ma túy

***Ma túy** là chất có nguồn gốc tự nhiên, bán tổng hợp, hay tổng hợp, khi xâm nhập vào cơ thể sẽ làm thay đổi trạng thái sinh lí của người sử dụng. Người nghiện ma túy nếu không được phát hiện sớm để có biện pháp can thiệp kịp thời có thể gây hậu quả tiêu cực đến suốt cuộc đời.

*** Một số loại ma túy phổ biến ở Việt Nam:**

- Các chất ma túy nhóm an thần:

- + Thuốc phiện (tên khác: Á phiện, nha phiện) là nhựa được chiết xuất từ quả cây thuốc phiện (còn gọi là cây anh túc); được đóng gói dưới dạng đặc, dẻo, có màu nâu đen.
- + Heroin là chất gây nghiện bán tổng hợp chiết xuất từ nhựa quả cây thuốc phiện, dạng bột màu trắng, là loại ma túy mạnh.

-Các chất ma túy gây kích thích:

- + Methamphetamine (ma túy đá) có dạng tinh thể, óng ánh như hạt bột ngọt hay muối hạt, là loại ma túy nguy hiểm bậc nhất.
- + Thuốc lắc (Ecstasy) là chất ma túy tổng hợp, vừa kích thích vừa gây ảo giác về thính giác, thị giác. Người “phê” thuốc thường thích nghe các loại nhạc công suất lớn, nhảy nhót, la hét, quậy phá, mất kiểm soát bản thân.
- + Ketamine là loại ma túy có tác dụng gây mê, giảm đau và gây mất trí nhớ ngắn hạn, gây hoang tưởng rất mạnh.

-Các chất ma túy gây ảo giác:

- + Cần sa còn được gọi là gai dầu, lanh mèo, đại ma, “cỏ”, bồ đề hay “thuốc đù”, dùng lá, hoa, nụ khô thái nhỏ vè thành miếng. Cần sa tác động lên hệ thần kinh trung ương gây ra những ảo giác rất nguy hiểm, có thể chém giết người khác, tự cắt rạch da mình hoặc dẫn đến tự tử.
- + Lá khát hay còn gọi là lá thiên đường, là loại ma túy mạnh gấp 500 lần cần sa và sẽ gây tử vong đột ngột nếu sử dụng liên tục.

-Loại ma túy biến tướng:

- + “Tem giấy” hay “bùa lười” là miếng giấy (kích thước 1,5 x 1,5 cm) in hình ngộ nghĩnh, được tẩm chất gây ảo giác.
- + “Nước vui” là chất lỏng màu nâu kem, màu xanh (thành phần chủ yếu Methamphetamine) đựng trong lọ nhỏ thường dùng hoà chung với nước giải khát.
- + “Trà sữa” dạng bột màu xám hoặc màu vàng đóng với nhiều mẫu mã khác nhau, bên ngoài in chữ Trung Quốc và chữ tiếng Anh. Cả “nước vui” và “trà sữa” đều gây kích thích thần kinh trung ương, gây ảo giác, mất kiểm soát về hành vi.
- + Cỏ Mỹ (cần sa tổng hợp) là loại hỗn hợp thảo mộc khô, được pha tẩm với chất toả

mùi thơm và các hoá chất tổng hợp độc hại, có thể mạnh hơn cần sa đến 1000 lần, gây đầu độc não, gây tê liệt chức năng não, làm mất nhận thức, nặng hơn là làm bộ não chết hẳn, đưa đến trạng thái hôn mê trong vài phút sau khi hút.



Ketamin



Thuốc lắc (Ecstasy)



Cần sa



Tem (LSD)



Đá (Menthamphetamine)



Nấm ảo giác

MA TÚY ĐÁ

Tên gọi khác: hàng đá, chấm đá...

Đặc điểm nhận dạng:
Màu trắng, óng ánh giống đá, mảnh vụn li ti, gần giống với hạt mì chính (bột ngọt), hay hạt muối.

Tác hại:

- Ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thần kinh, gây ảo giác kéo dài, hoang tưởng có người giết mình.
- Gây suy tim mạch do hưng phấn quá mức, thiếu máu cơ tim, tăng huyết áp.
- Gây hôi miệng, hồng men răng, rối loạn nội tiết, sinh tinh.

THUỐC LẮC

Tên gọi khác: Kẹo, thuốc điên, viên chúa, viên hoàng hậu, max, xì cốp, Ecstasy...

Đặc điểm nhận dạng:
Giống hình viên thuốc nhỏ, có màu sắc sặc sỡ

Tác hại:

- Kích thích thần kinh trung ương, tạo ảo giác mạnh
- Gây rối loạn hành vi do hưng phấn quá đà
- Không "cần" thuốc sẽ chán chường, lo lắng, trầm cảm hoang tưởng, mất trí nhớ, lâu dần sẽ dẫn đến tâm thần.



MA TÚY "MUỐI TẮM"



Tên gọi khác: chích ong, meo meo, M-cat, Bath Salts, bột trắng thần kỳ...

Đặc điểm nhận dạng:
Có dạng kết tinh màu trắng, nhỏ

Tác hại:

- Tác động mạnh lên thần kinh, gây loạn thần, ảo giác, hoang tưởng
- Rối loạn hành vi, bạo lực mất kiểm soát.
- Sử dụng lâu dễ đến trầm cảm, hoang tưởng nặng, tâm thần.



CẦN SA



Tên gọi khác: tài mã, bồ đề, cỏ...

Đặc điểm nhận dạng:
Có dạng thực vật, chiết từ cây dầu gai có tên là Cannabis Sativa

Tác hại:

- Gây ra những thay đổi về cảm nhận, hưng phấn quá đà, dễ mất phương hướng.
- Sử dụng lâu dễ ảnh hưởng đến chức năng não và khả năng nhận thức, rối loạn tâm thần
- Ảnh hưởng đến hệ miễn dịch, hệ hô hấp, tim mạch, tuần hoàn.



CỎ MỸ



Tên gọi khác: K2/spice, cỏ Úc, cỏ Canada

Đặc điểm nhận dạng:
Hỗn hợp lá của nhiều loài thực vật được tẩm hóa chất có tên danh pháp quốc tế là JWH 18, JWH 073, JWH 250, XLR 11...

Tác hại:

- Gây ra ảo giác mạnh, hoang tưởng, rối loạn thần kinh, hại não, mất trí, kích động mạnh
- Cơ thể mất sức đề kháng, mắc bệnh gan, thận, da xanh xao, nổi mụn, mẩn ngứa, lở loét...
- Dùng nhiều dễ sốc thuốc, sùi bọt mép, co giật, đe dọa tính mạng.



TEM GIẤY



Tên gọi khác: bùa lưỡi, ma túy LSD

Đặc điểm nhận dạng:
không màu, không mùi, không vị, tồn tại ở dạng viên nặng, viên nén và "viên giấy" (giấy được sao tẩm LSD).

Tác hại:

- Mất vị giác, mất ngủ, khô miệng, người run rẩy, tâm trạng thay đổi thất thường.
- Thị giác nhạy cảm ánh sáng
- Dễ kích động mạnh, bị ảo giác, tổn thương tâm lý, trầm cảm, tâm thần phân liệt suốt đời.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

2. Tệ nạn xã hội:

2.1. Khái niệm: Tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội bao gồm những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống cộng đồng. Tệ nạn xã hội bao gồm các loại tệ nạn ma túy, mại dâm, cờ bạc,...

2.2. Các loại tệ nạn xã hội:

- Tệ nạn ma túy:** Tệ nạn ma túy là tình trạng nghiện ma túy, tội phạm về ma túy và các hành vi trái phép khác về ma túy.
- Tệ nạn mại dâm:** Tệ nạn mại dâm là hiện tượng xã hội, biểu hiện tình trạng các cá nhân dùng các dịch vụ tình dục ngoài hôn nhân, lấy tiền bạc, lợi ích vật chất hay các lợi ích khác để trao đổi với nhau, nhằm thỏa mãn nhu cầu tình dục (đối với người mua dâm) hoặc nhu cầu về tiền bạc, lợi ích vật chất (đối với người bán dâm).

- **Tệ nạn cờ bạc:** Tệ nạn cờ bạc là hiện tượng xã hội trái pháp luật, biểu hiện trình trạng các cá nhân tổ chức tham gia các trò chơi cờ bạc dưới mọi hình thức.

- **Các tệ nạn xã hội khác:** Hủ tục tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; đua xe trái phép, nghiện chơi game online, say rượu và nghiện rượu,...

***Ma túy** là chất có nguồn gốc tự nhiên, bán tổng hợp, hay tổng hợp, khi xâm nhập vào cơ thể sẽ làm thay đổi trạng thái sinh lí của người sử dụng. Người nghiện ma túy nếu không được phát hiện sớm để có biện pháp can thiệp kịp thời có thể gây hậu quả tiêu cực đến suốt cuộc đời.

*** Một số loại ma túy phổ biến ở Việt Nam:**

- Các chất ma túy nhóm an thần:

- Các chất ma túy gây kích thích:

- Các chất ma túy gây ảo giác:

- Loại ma túy biến tướng:

*** Nội dung 3: Hướng dẫn tìm hiểu cách phòng, chống, ứng phó với các tình huống bạo lực học đường và tệ nạn xã hội**

Hoạt động 1:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông bài tập tình huống:

Tình huống 1: (dãy 1,2)

Ngày 1-4-2019, trên mạng xã hội lan truyền đoạn clip dài khoảng 2 phút với cảnh hai nữ sinh bắt một nữ sinh khác quỳ xuống nói lời xin lỗi, sau đó một nhóm lao vào tát nữ sinh này.

Clip sau đó được xác minh quay tại Diễn Châu (Nghệ An) vào chiều 31-3, nhóm nữ sinh gồm học sinh của trường THCS Diễn Kim và THCS Diễn Hùng. Nữ sinh bị đánh tên T, học lớp 7 trường THCS Diễn Hùng.

Lý do dẫn đến đánh hội đồng nữ sinh lớp 7 là em này đã tung tin đồn một em (tên Tr) trong nhóm nữ sinh kia có bầu. Sau đó, mẹ em T. đã tiếp tục đi kể với hàng xóm thông tin thất thiệt trên. Chuyện đến tai Tr, em này bức xúc yêu cầu T. ra bãi phi lao gần bờ biển xã Diễn Hùng đểnói chuyện. Sau đó Tr đã rủ bạn của mình đánh T.

- Theo em, nhà trường sẽ xử lý kỉ luật bạn học sinh nào? Vì sao?

- Trong điều kiện nào thì Tr và bạn của mình sẽ bị pháp luật truy cứu trách nhiệm hình sự? Vì sao?

Tình huống 2: (dãy 3,4)

H là con gái út trong gia đình giàu có. H được cha mẹ chiều chuộng cho ăn học và cung cấp đầy đủ những gì theo yêu cầu của cô. H đua đòi ăn chơi và bị bạn bè rủ rê hít hê-rô-in. Lần đầu chỉ để thử cho biết, rồi H nghiện nặng lúc nào không hay. Mặc dù hiểu rõ sự nguy hiểm của ma túy, nhưng H vẫn chơi vì muốn tỏ sành điệu và nghĩ mình sẽ có thể dừng lại khi cần thiết. H thường xuyên chích hê-rô-in chung với bạn bè và cho rằng chích chung như thế mới bày tỏ được sự chân tình cùng bạn nghiện, mới chứng tỏ bản lĩnh của mình. H đã chết khi vừa bước sang tuổi 20, cô bị AIDS...

- Vì sao H rơi vào cạm bẫy của ma túy?

- Theo em, H đã có những suy nghĩ và hành động sai lầm như thế nào?

- Học sinh phải làm gì để giữ mình không sa vào các tệ nạn xã hội?

- Bằng những kiến thức đã học em hãy cho biết thế nào là tệ nạn xã hội? Để phòng ngừa các tệ nạn xã hội, pháp luật ta nghiêm cấm những hành vi nào liên quan đến trẻ em. Bản thân em phải làm gì để phòng, chống tệ nạn xã hội.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm cặp đôi chia sẻ.
- HS suy nghĩ, trả lời theo cặp.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Tình huống 1:

- Cả 3 bạn đều bị nhà trường kỉ luật
- Tr và bạn của mình bị kỉ luật vì cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.
- T bị kỉ luật vì tội vu khống người khác.
- Trong điều kiện nào thì Tr và bạn của mình sẽ bị pháp luật truy cứu trách nhiệm hình sự?
 - + Nếu Tr và bạn của mình đủ 16 tuổi trở lên thì sẽ bị pháp luật truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Vì theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, còn người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Tình huống 2:

H đã rơi vào cạm bẫy của ma túy vì:

- Cha mẹ chiều chuộng, thỏa mãn mọi nhu cầu của H mà không cần biết đó là những nhu cầu gì, có chính đáng hay không.
- Bản thân H đua đòi ăn chơi, muốn tỏ ra sành điệu, chơi trội.

H đã có những suy nghĩ và hành động sai lầm như:

- Hít thử hê rô in. Đây là loại ma túy rất nguy hiểm, chỉ cần thử một lần cũng có thể bị nghiện.
- Hiểu rõ sự nguy hiểm của ma túy mà vẫn chơi vì nghĩ là mình có thể dừng lại đúng lúc. Khi đã nghiện ma túy thì rất khó có thể dứt ra được, đòi hỏi con người phải có nghị lực, quyết tâm cao.
- Chích chung ma túy với bạn nghiện và cho rằng như thế mới chân tình. Đó cũng là nguyên nhân cô bị lây nhiễm HIV/AIDS và chết.

Học sinh cần:

- Sống giản dị, lành mạnh, biết giữ mình và giúp nhau để không sa vào tệ nạn xã hội. Cần tuân theo những quy định của pháp luật và tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội trong nhà trường và địa phương

Tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội bao gồm những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, phạm vi đạo đức và pháp luật, gây hậu quả xấu về mọi mặt đối với đời sống xã hội. Có nhiều tệ nạn xã hội, nhưng nguy hiểm nhất là các tệ nạn cờ bạc, ma túy, mại dâm.

- Để phòng ngừa các tệ nạn xã hội, pháp luật nước ta nghiêm cấm những hành vi liên quan đến trẻ em

+ Trẻ em không được đánh bạc, uống rượu, hút thuốc và dùng chất kích thích có hại cho sức khỏe.

+ Nghiêm cấm lôi kéo trẻ em đánh bạc, cho trẻ em uống rượu dùng chất kích thích, nghiêm cấm dụ dỗ, dẫn dắt trẻ em mại dâm, bán và cho trẻ em sử dụng những văn hóa phẩm đồi trụy, đồ chơi hoặc trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh của trẻ.

- Bản thân em phải làm gì để phòng chống tệ nạn xã hội

- + Phải sống giản dị, lành mạnh, biết giữ gìn và giúp nhau để không sa vào tệ nạn xã hội.

+ Cần tuân theo những qui định của pháp luật và tích cực tham gia vào các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội trong nhà trường và ở địa phương...

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv sửa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

Hoạt động 2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi, phiếu bài tập.

Câu hỏi 1: Để phòng chống, ứng phó với các tình huống bạo lực học đường, chúng ta cần phải làm gì?

Câu hỏi 2: Để phòng chống, ứng phó với các tình huống tệ nạn xã hội, chúng ta cần phải làm như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc nhóm 4, cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi thảo luận nhóm

- Học sinh hoàn thành phiếu bài tập

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Phòng chống, ứng phó với các tình huống bạo lực học đường

- Xây dựng và thực hiện các phong trào “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Nói không với bạo lực học đường”, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; phòng, chống bạo lực học đường.
- Nhà trường, học sinh cùng phụ huynh có trách nhiệm phát hiện, thông báo, tố giác hành vi bạo lực học đường; ngăn ngừa và can thiệp kịp thời đối với các hành vi bạo lực học đường phù hợp với khả năng của bản thân.

GV:

Tuân thủ các quy tắc ứng xử:

- Luôn lắng nghe, thấu hiểu và chia sẻ với người khác.
- Sẵn sàng giúp đỡ, hỗ trợ người khác khi cần thiết.
- Không xâm phạm thân thể, xúc phạm danh dự và nhân phẩm người khác.
- Không phân biệt, miệt thị dân tộc, vùng miền, tôn giáo, giới tính, người khuyết tật, xuất thân, giàu, nghèo.

(Bộ quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh)

Câu 2: Phòng, chống, ứng phó với các tình huống tệ nạn xã hội

- Chủ động tìm hiểu tác hại của các loại tệ nạn xã hội. Kí cam kết và thực hiện không liên quan đến các tệ nạn xã hội.
- Tham gia tích cực các hoạt động phòng, chống các tệ nạn xã hội như tuyên truyền, vẽ tranh cổ động, áp phích,...
- Tham gia học tập dưới hình thức ngoại khoá đồ vui về phòng, chống các tệ nạn xã hội do nhà trường tổ chức.
- Không tụ tập hút, uống những đồ kích thích mà chưa biết rõ.
- Khi phát hiện hoạt động tệ nạn xã hội, biểu hiện bạn học mắc nghiện ma túy thì báo với giáo viên chủ nhiệm lớp, thông tin qua kênh tiếp nhận thông tin về tệ nạn xã hội của nhà trường, cơ quan chức năng.

GV: Biểu hiện của học sinh nghiện ma túy:

- Trong cặp sách hoặc túi quần áo thường có bật lửa, kẹo cao su, giấy bạc.
 - xuyên xin ra ngoài đi vệ sinh trong thời gian học tập.
 - Học lực giảm sút.
 - Thường xuyên vay tiền bạn, xin tiền bố mẹ.
 - Thường tụ tập ở nơi hẻo lánh.
 - Hay bị ngập vật, ngủ gật, toát mồ hôi,...
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

3. Phòng chống, ứng phó với các tình huống bạo lực học đường và tệ nạn xã hội

3.1. Phòng chống, ứng phó với các tình huống bạo lực học đường

- Xây dựng và thực hiện các phong trào “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Nói không với bạo lực học đường”, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; phòng, chống bạo lực học đường.
- Nhà trường, học sinh cùng phụ huynh có trách nhiệm phát hiện, thông báo, tố giác hành vi bạo lực học đường; ngăn ngừa và can thiệp kịp thời đối với các hành vi bạo lực học đường phù hợp với khả năng của bản thân.

3.2. Phòng, chống, ứng phó với các tình huống tệ nạn xã hội

- Chủ động tìm hiểu tác hại của các loại tệ nạn xã hội. Kí cam kết và thực hiện không liên quan đến các tệ nạn xã hội.
- Tham gia tích cực các hoạt động phòng, chống các tệ nạn xã hội như tuyên truyền, vẽ tranh cổ động, áp phích,...
- Tham gia học tập dưới hình thức ngoại khoá đồ vui về phòng, chống các tệ nạn xã hội do nhà trường tổ chức.
- Không tụ tập hút, uống những đồ kích thích mà chưa biết rõ.
- Khi phát hiện hoạt động tệ nạn xã hội, biểu hiện bạn học mắc nghiện ma túy thì báo với giáo viên chủ nhiệm lớp, thông tin qua kênh tiếp nhận thông tin về tệ nạn xã hội của nhà trường, cơ quan chức năng.

Hoạt động 3. Luyện tập:

3. Hoạt động 3: Luyện tập (30 phút)

a, Mục tiêu: Vận dụng các kiến thức đã học ở phần hình thành kiến thức, HS giải quyết các nhiệm vụ có liên quan đến bài học bằng các hình thức khác nhau. Thông qua đó giúp HS nắm chắc được nội dung bài học đồng thời rèn luyện các kỹ năng cho hs.

b, Nội dung: HS giải quyết các bài 4,5,6 trong SGK/78 theo hình thức hoạt động thi giữa hai đội.

c, Sản phẩm: HS thuyết trình, đóng vai sản phẩm của đội mình

d, Tiến trình thực hiện:

B1: Giao nhiệm vụ

Bài 4. Trong vai tuyên truyền viên về phòng, chống bạo lực học đường, tệ nạn xã hội, thuyết trình về các hành vi bạo lực học đường và các loại tệ nạn xã hội.

Bài 5: Trong lớp học, trước giờ vào lớp, một bạn bị đánh, một số bạn cổ vũ, em sẽ hành động như thế nào?

– Cổ vũ hay can ngăn?

– Em có nên nói: Các bạn không được làm thế, có camera ghi lại đấy, nhà trường sẽ biết, các bạn sẽ bị kỉ luật?

– Vừa can ngăn, vừa tìm cách báo ngay với thầy, cô giáo?

Bài 6: Đóng vai, xử lí tình huống khi bị bạn học rủ rê dùng ma túy, em sẽ làm gì? – Kiên quyết từ chối hay thử để xem thế nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS Thực hiện các nhiệm vụ đã được phân công.

- Đội 1 (Tổ 1,2): Trong vai tuyên truyền viên về phòng, chống bạo lực học đường, thuyết trình về các hành vi bạo lực học đường, Đóng vai tình huống bài tập 5.

- Đội 2 (Tổ 3,4): Trong vai tuyên truyền viên tệ nạn xã hội, thuyết trình về các loại tệ nạn xã hội. Đóng vai tình huống bài tập 6.

GV quan sát và hỗ trợ HS khi gặp khó khăn. Khuyến khích HS đưa ra ý kiến đóng góp.

B3: Báo cáo sản phẩm:

KỊCH BẢN

Minh Huy

Chúng em xin nhiệt liệt chào mừng các cô giáo và tất cả các bạn học sinh có mặt trong phần thi PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI ngày hôm nay.

(Lốp vỗ tay)

Kỳ Duyên

Kính thưa cô giáo!

Thưa toàn thể các bạn học sinh!

Như chúng ta đã biết bạo lực học đường và tệ nạn xã hội đang trở thành một vấn nạn có tác hại vô cùng nguy hiểm đến mỗi cá nhân, gia đình và xã hội. Để tìm hiểu kỹ hơn về bạo lực học đường và tệ nạn xã hội, cách xử lý trước những tình huống thực tế về vấn đề này xin mời cô giáo và các bạn cùng tham gia cuộc thi “ Phòng, chống bạo lực học đường và tệ nạn xã hội” của chúng em ngày hôm nay.

Minh Huy

Mình xin thông qua nội dung cuộc thi bao gồm các hoạt động sau:

1. Chào hỏi
2. Hai đội thi thuyết trình.
3. Hai đội thi phân đóng vai.

Để cuộc thi được công bằng, khách quan, chúng ta bầu ra ban giám khảo, xin mời các bạn bốc được quân bài Q chúng ta sẽ di chuyển tới vị trí Ban giám khảo (3 giám khảo, 01 thư ký). Không để cô giáo và các bạn chờ đợi lâu, sau đây cuộc thi xin phép được bắt đầu.

Kỳ Duyên

- Phần thi chào hỏi. (Tối đa 5 điểm) Hai đội lần lượt thực hiện phần thi chào hỏi của đội mình (Thời gian không quá 2 phút)
 - Xin mời đội.....
 - Xin mời phần thi của đội

Minh Huy

- Xin chúc mừng phần thi của cả 2 đội. Sau đây xin mời các bạn đến với phần thi thứ 2. Thi thuyết trình (Tối đa 5 điểm, Thời gian không quá 4 phút) theo thứ tự bắt thăm xin mời đội lên thuyết trình với nội dung.....
 - Cảm ơn phần thuyết trình của đội....
 - Tiếp theo xin mời phần thuyết trình của đội..... với nội dung.....
 - Cảm ơn các bạn
- Xin cả lớp tặng cho hai đội 1 tràng pháo tay thật lớn để chúc mừng các bạn đã hoàn thành phần thi thứ hai

Kỳ Duyên:

Sau đây có lẽ là phần thi được các bạn chào đón nhất đó là phần thi đóng vai. (Tối đa 5 điểm, thời gian không quá 3 phút)

- Xin mời phần thi của đội
- Cảm ơn các bạn
- Tiếp theo xin mời phần thi của đội.....

Cảm ơn các bạn đã có các phần sắm vai tuyệt vời, chắc hẳn ban giám khảo sẽ rất khó lựa chọn ra đội nào thắng cuộc trong cuộc thi của chúng ta ngày hôm nay. Vâng ngay giờ đây, xin mời bạn..... trưởng ban giám khảo lên đánh giá, công bố kết quả cuộc thi. Xin mời bạn.....

Minh Huy

Xin chúc mừng đội..... đã dành được chiến thắng. Hi vọng chúng ta sẽ đạt được kết quả cao hơn trong những cuộc thi lần sau. Xin cảm ơn các bạn. Sau đây chúng em xin mời cô nhận xét, đánh giá về hoạt động

B4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của hai đội.

? Qua phần thi của 2 đội em rút ra được kiến thức và bài học gì cho bản thân

- HS tự bộc lộ

Ví dụ:

- Kiến thức về bạo lực học đường và tệ nạn xã hội
- Cách xử lý tình huống khi xảy ra hiện tượng bạo lực học đường và tệ nạn xã hội.

Phụ lục:

1. Phiếu đánh giá các đội thi ở mỗi phần thi (mức độ 5 là mức độ tốt nhất).

Tiêu chí	Biểu hiện	Mức độ đạt được				
		1	2	3	4	5
1. Khả năng thành thạo khi nói, đóng vai	1.1 Nói lưu loát, phát âm chuẩn, trôi chảy					
	1.2 Nói truyền cảm, ngữ điệu, âm lượng phù hợp, hấp dẫn với người nghe					

2. Nội dung nói, đóng vai	2.1 Nội dung bài trình bày tập trung vào vấn đề chính					
	2.2 Nội dung trình bày chi tiết, phong phú, hấp dẫn					
	2.3 Trình tự trình bày logic					
3. Sử dụng từ ngữ	3.1. Sử dụng từ vựng chính xác, phù hợp					
	3.2 Sử dụng từ ngữ hay, hấp dẫn, ấn tượng					
4. Sử dụng p.tiện phi ngôn ngữ phù hợp	4.1 Dáng vẻ, tư thế, ánh mắt, nét mặt phù hợp với nội dung thuyết trình					
	4.2 Sử dụng những cử chỉ tạo ấn tượng, thể hiện thái độ thân thiện, giao lưu tích cực với người nghe.					
5. Mở đầu và kết thúc	5. Mở đầu và kết thúc ấn tượng					

2. Tài liệu tham khảo bài thuyết trình:

Thuyết trình về bạo lực học đường

Tại Việt Nam, theo số liệu được Bộ GD&ĐT tạo đưa ra gần đây nhất, trong một năm học, toàn quốc xảy ra gần 1.600 vụ việc học sinh đánh nhau ở trong và ngoài trường học (khoảng 5 vụ/ngày). Cũng theo thống kê của Bộ GD&ĐT, cứ khoảng trên 5.200 học sinh thì có một vụ đánh nhau; cứ hơn 11.000 học sinh thì có một em bị buộc thôi học vì đánh nhau; cứ 9 trường thì có một trường có học sinh đánh nhau...

Bạo lực học đường đã trở thành mối quan tâm của rất nhiều gia đình, các nhà trường và là nỗi trăn trở của toàn xã hội bởi hậu quả nghiêm trọng mà nó gây ra. Bạo lực học đường từ lâu đã là một vấn đề nhức nhối của ngành giáo dục. Không chỉ có nam sinh, mà những năm gần đây, tình trạng các nữ sinh trở thành đối tượng gây nên các vụ đánh nhau đã tăng cao. Hậu quả của các vụ bạo lực học đường không chỉ dẫn đến những chấn thương về thể xác, mà còn ảnh hưởng nặng đến tinh thần nạn nhân.

Nói không với bạo lực Học đường, nói không với tiêu cực trong thi cử

Tôi sẽ đưa ra một vài câu hỏi để chúng ta cùng bàn luận về vấn đề nêu trên.

1. Bạn hãy cho tôi biết “Bạo lực học đường là gì?”

– Bạo lực: là những mâu thuẫn căng thẳng dẫn tới đụng độ, va chạm mạnh mẽ.

– Bạo lực học đường: là những mâu thuẫn xảy ra trong phạm vi trường học. Vậy nguyên nhân chính phải chăng là học sinh bế tắc dẫn đến bạo lực như là một cách hành xử?

2. Các bạn có thể cho tôi biết “hậu quả của bạo lực học đường?”

● **Đối với nạn nhân:** Ảnh hưởng trực tiếp đến học tập, tâm lý, các bạn học sinh sẽ bị tổn thương về cả thể xác lẫn tinh thần với những chấn động nặng nhẹ phụ thuộc vào mức độ của bạo lực. Người bị bạo lực phải chịu những phí tổn về vật chất phải chi trả sau khi bị đánh để tiến hành dưỡng thương. Ngoài ra còn tạo tâm lí hoang mang, lo lắng đối với người thân.

● **Đối với người gây ra bạo lực:** Con người sẽ phát triển không toàn diện dẫn đến thiếu hụt về nhân cách, mất dần nhân tính, làm gương xấu cho người khác học theo. Bạo Lực

học đường là mầm mống của tội phạm, tội ác, là căn nguyên tạo ra sự biến đổi của xã hội, của lương tri con người. Chủ thể gây ra bạo lực sẽ không định hướng cho sự phát triển nhân cách của mình, làm ảnh hưởng xấu tới học tập, gây nguy hại cho xã hội. Người gây ra bạo lực trở lên lẻ loi, bị cô lập mọi người xa lánh căm ghét. Liệu đó có phải là điều chủ thể gây ra bạo lực mong muốn?

- **Đối với xã hội:** Tình trạng bạo lực học đường cũng ảnh hưởng rất lớn tới xã hội, mà đặc biệt là các bạn học sinh còn đang ngồi trên ghế nhà trường, nó giống như việc tạo thành một “trào lưu” mới là bắt nạt bạn bè và gây ra các vụ “tai tiếng” sau đó tung lên mạng nhằm muốn được “nổi tiếng” hoặc là dùng để “dẫn mặt” đối phương. Điều đó làm giảm sút học tập của học sinh và ảnh hưởng tới giáo dục của nhà trường.

3. Theo các bạn “nguyên nhân nào dẫn đến bạo lực học đường?”

- **Từ phía gia đình:** Như chúng ta đã biết, gia đình là nền tảng đặc biệt quan trọng trong việc hình thành nhân cách cho trẻ từ tuổi ấu thơ. Nếu cha mẹ, anh, chị, em... trong gia đình cư xử với nhau bằng bạo lực, sử dụng những từ ngữ, lời lẽ không hay với nhau sẽ ảnh hưởng rất lớn đến suy nghĩ, tình cảm của đứa trẻ và từ đó dần hình thành trong trẻ những biểu hiện lệch lạc trong suy nghĩ và hành động giống như gia đình chúng. Một nguyên nhân nữa cũng cần nhắc đến đó là sự thiếu quan tâm từ phía gia đình do cha mẹ chỉ chăm chú vào các công việc làm ăn hàng ngày thiếu sự kiểm soát và chăm sóc con cái thường xuyên hoặc do gia đình ít con nên sự chiều chuộng con cái quá mức chỉ biết cung cấp, đáp ứng về tiền bạc theo yêu cầu của con cái mà thiếu sự kiểm soát, quan tâm đến suy nghĩ, hành động của con em cũng chính là mối quan tâm mà chúng ta cần suy nghĩ.
- **Từ xã hội:** Cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội, thế hệ trẻ đang bị đầu độc bởi ma lực của các trò chơi chém giết trong game on line, các truyện tranh bạo lực, những trò chơi điện tử, phim ảnh đầy những pha bắn giết, những phim ảnh kích động sự hung bạo của các em cũng đang ngày một xuất hiện nhiều hơn, thường xuyên hơn, đặc biệt các em cũng bị ảnh hưởng từ chính những cảnh bạo hành trong gia đình và ngoài xã hội như bạo lực trên các sân cỏ, đâm chém để tranh giành quyền lợi, đánh người thi hành công vụ, ...
- **Phía học sinh:** Do bị tác động từ xã hội và bạn bè xấu lôi kéo. Mặt khác do tâm lý muốn khẳng định mình, muốn gây ấn tượng trong mắt người lớn và bạn bè. Bạo lực học đường xảy ra thật đáng buồn khi nhiều nguyên nhân rất lãng xẹt, sau một thời gian tìm hiểu về những vụ việc mới xảy ra gần đây, tôi đã đúc kết được cho mình nhiều lí do rằng: vì đẹp mà chán, do xích mích nhỏ, bị nhìn đều, thấy ghét, hiểu lầm, không cho xem bài kiểm tra... và nguyên nhân chủ yếu chính là học sinh không có đủ kỹ năng sống để giải quyết. Ví dụ: Điển hình như một vụ việc xảy ra cách đây không lâu, ngày 3/4/2015, tại tỉnh Cà Mau, hai nữ sinh lớp 6 Trường THCS Sông Đốc hện nhau lên cầu đánh nhau để giải quyết mâu thuẫn. Trong khi đó có hàng chục học sinh vây qua nhưng không có sự can thiệp nào, ngoài ra còn hò reo, cổ vũ rồi quay clip đưa lên mạng xã hội. Trong đó một số học sinh đứng xem còn tạo dáng phản cảm trước ống kính. Một số học sinh còn có lời lẽ xúi giục như: “Bóp cổ nó, táng vào mặt nó đi...!”. Cho đến khi có người lớn đến can ngăn thì sự việc mới dừng lại. Qua đó, cho ta thấy rõ vấn nạn bạo lực học đường có ở khắp mọi nơi, bất kể là nam hay nữ cũng đều bất đồng quan điểm rồi tìm đến với bạo lực và lấy nó làm cách giải quyết nhưng ta thấy nó còn rói lên hơn rất nhiều.

4. Và cần thiết nhất là “làm thế nào để giảm bớt vấn nạn bạo lực học đường?”

Học sinh chưa biết đầy đủ cách ứng xử và đối phó với những áp lực, bất đồng và mâu thuẫn trong các mối quan hệ xã hội nên rất cần sự tư vấn nhanh chóng và kịp thời từ phía nhà trường, gia đình và kể cả bạn bè. Để làm được điều đó các bạn nên tâm sự, chia sẻ với thầy cô, bày tỏ những vướng mắc về tình bạn, tình yêu, về kỹ năng giải quyết hài hòa các mối

quan hệ. Một điều không thể thiếu đối với các bạn học sinh là chúng ta phải biết kiềm chế tính nóng giận của bản thân, giải quyết các vấn đề một cách nhẹ nhàng, khôn khéo. Đặc biệt là các bạn phải biết nói lời xin lỗi, không được để hành động đi trước suy nghĩ rồi sau này hối hận về điều mình làm. Tóm lại: Chỉ một mâu thuẫn nhỏ cũng trở thành nguyên nhân khiến học sinh dùng bạo lực giải quyết. Cái kết của bạo lực học đường không còn dừng lại ở việc kiểm điểm, đuổi học mà còn là chết chóc và nhà tù.

Em xin hết! Xin cảm ơn quý thầy cô và các bạn đã chú ý lắng nghe.

Thuyết trình về Tệ nạn xã hội

Trong cuộc sống, bên cạnh nhiều tập quán, thói quen tốt còn có những tập quán, thói quen xấu có hại cho con người và xã hội. Những thói quen xấu có sức quyến rũ ghê gớm như chơi cờ bạc, hút thuốc lá, nghiện ma túy hoặc sách, băng, đĩa có nội dung độc hại, nếu ta không kiên định tự chủ, dần dần sẽ bị nó ràng buộc, chi phối và biến thành nô lệ. Ta gọi chung các thói xấu trên là tệ nạn xã hội. Đối với bất kì một quốc gia nào thì tệ nạn xã hội cũng là một hiểm họa trước mắt và lâu dài, cần phải mạnh tay trừ bỏ. Vì những tác hại khôn lường của nó, chúng ta hãy kiên quyết nói: “*Không!*”.

Tại sao chúng ta phải nói “*Không!*” với các tệ nạn xã hội? Cờ bạc, thuốc lá, ma túy... là thói hư tật xấu gây ra những tác hại ghê gớm với bản thân, gia đình và xã hội về nhiều mặt: tư tưởng, đạo đức, sức khỏe, kinh tế, nòi giống... Đây là mối nguy cơ trước mắt và lâu dài của đất nước, dân tộc.

Ban đầu, chúng đến một cách ngẫu nhiên, tình cờ. Tuổi trẻ thường ham vui, ham lạ, đó là chỗ yếu để tệ nạn tấn công. Đám con trai mười lăm, mười bảy, vài lần nhìn các anh thanh niên phì phèo điếu thuốc lá trên môi với vẻ rất lãng tử, sành điệu, thấy hay hay, thế là bắt chước. Bạn bè xấu rủ rê hút chích, khích bác vài câu chạm tự ái “nam nhi”. Ừ thì thử cho biết với đời, nhằm nhò gì, chuyện vặt! Một lần, hai lần..., rồi đến một lúc nào đó, không có không chịu được. Thiếu nó, ta cảm thấy bồn chồn, chống chĩnh, buồn bã và lại tìm đến nó như tìm đến một sự giải thoát, một nguồn vui. Ví dụ, đã tập tọng hút thuốc lá, hít hê-rô-in rồi thì từ thích đến nghiện chẳng bao xa. Mỗi khi cơn nghiện ập đến, nó hành hạ thân xác đến mức khó có thể chịu đựng nổi. Muốn có thuốc để thỏa mãn cơn nghiện thì phải có tiền. Không có tiền thì phải xoay sở mọi cách. Thế là trước thì lấy đồ nhà đem cầm, đem bán, sau thì đi lừa đảo, ăn trộm, ăn cắp, cướp giật, thậm chí giết người... Hỏi làm sao có thể tránh khỏi con đường tội lỗi?! Như vậy là thói xấu đã biến ta thành nô lệ của nó. Nó là ông chủ vô hình nhưng khắc nghiệt, tàn bạo, chi phối toàn bộ tư tưởng, tình cảm và hành động của ta.

Tác hại của các tệ nạn là vô cùng ghê gớm. Một khi đã nhiễm phải tệ nạn lâu ngày thì rất khó từ bỏ. Chúng ta thử bàn đến tác hại của từng loại một.

Thứ nhất là cờ bạc. Người xưa đã đúc kết: Cờ bạc là bác thẳng bần, Cửa nhà bán hết, tra chân vào cùm. Đúng thế, cờ bạc cũng là một loại ma túy mà người nào trót sa chân vào thì khó lòng thoát khỏi. Người đánh bạc có thể ngồi lì ở chiếu bạc từ sáng đến tối, ngày này sang ngày khác, quên ăn, quên ngủ, quên cả làm việc, học tập. Khi thua, cay cú quyết gỡ, càng gỡ lại càng thua. Lúc đầu thì gán đồng hồ, xe đạp, xe máy; sau thì bán nhà, bán đất... và bán cả danh dự, sự nghiệp của mình. Đầu óc lúc nào cũng bị ám ảnh bởi ảo tưởng xe hơi, nhà lầu. Nếu thắng thì chiêu đãi bạn bè, ăn chơi phóng túng, vung tiền không tiếc tay để được nghe những lời tâng bốc dối trá, để chứng tỏ “vai vế” trong giới giang hồ. Nhiều kẻ biết rõ là cờ gian bạc lận nhưng vẫn mê muội lao đầu vào, tự nguyện làm “nai” cho lũ “thợ săn” xẻ thịt. Kết quả là thân tàn ma dại, bao nhiêu của cải mồ hôi nước mắt đội nón ra đi. Dân gian có câu: Đánh đề ra để mà ở là thế. Để khuyên mọi người tránh xa cờ bạc, tục ngữ

- ca dao cũng đưa ra bài học thấm thía: Cửa làm ra cất trên gác, Cửa Cờ bạc để ngoài sân, Cửa phù vân để ngoài ngõ. Bởi thực tế là không ai giàu có bền lâu nhờ cờ bạc.

Thứ hai là tệ nghiện thuốc lá. Các nhà nghiên cứu y học đã đưa ra nhận xét có tính chất cảnh báo: Khói thuốc là “*sát thủ*” thể khí đối với sức khỏe của Con người. Người ta đến với thuốc lá thường do nhiều nguyên nhân: do hiếu kì, tò mò, thích bắt chước hình ảnh của một thần tượng nào đó trong cuộc đời hoặc trên phim ảnh, hoặc muốn khẳng định là mình đã lớn trước mặt bạn bè. Đó thường là những cú “hích” xui nhiều chàng trai mới lớn đốt thuốc đầu tiên trong đời. Hơn bốn ngàn thứ hoá chất độc hại trong khói thuốc sẽ tàn phá không chừa bất cứ bộ phận nào trong cơ thể. Những căn bệnh ghê gớm như ung thư phổi, ung thư vòm họng, tai biến tim mạch, nhũn não, liệt run... phần lớn người nghiện thuốc lá mắc phải. Mỗi điếu thuốc sẽ là một mồi lửa đốt “*miếng da lừa*” tuổi thọ của bạn chạy nhanh hơn. Nghiện thuốc lá cũng đồng nghĩa với việc người hút tự cắt giảm thu nhập của mình. Mỗi ngày hút nửa bao, một bao. Thuốc rẻ tiền thì cũng mất cả trăm ngàn một tháng, thuốc “*xịn*” thì phải tiền triệu. Hãy thử làm phép nhân để xem người nghiện một tháng, một năm, một đời đốt hết bao nhiêu tiền ra khói? Một con số thống kê gần đây cho biết Việt Nam có tỉ lệ người nghiện thuốc lá khá cao so với khu vực và thế giới. Mỗi năm, thuốc lá ngốn hết hàng ngàn tỉ đồng. Quả là con số chứa đựng một hiểm hoạ đáng sợ!

Thứ ba là tác hại của ma tuý, gồm thuốc phiện, cần sa, hê-rô-in và nhiều loại thuốc kích thích khác. Khác với ngày xưa, người nghiện thường là một số trung niên có tiền, có vai vế trong xã hội. Người nghiện ma tuý ngày nay phần lớn lại ở độ tuổi thanh thiếu niên đang phát triển thể lực và trí lực để chuẩn bị tạo dựng tương lai cho cá nhân và đóng góp trí tuệ, tài năng cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Lúc đầu cũng có thể chỉ vì những lời khích bác của bạn bè và để thoả mãn tính tò mò mà thử chơi cho biết với suy nghĩ sai lầm là một, hai lần thì không thể nghiện được. Nhưng chỉ cần thế thôi là coi như bạn đã trao tính mạng của mình vào tay thần chết. Khi mắc nghiện, vỏ não bị tổn thương rất lớn, sức khỏe suy kiệt nhanh chóng. Nghiện rồi thì tiền bạc bao nhiêu cũng không đủ. Nghiện nhẹ thì một ngày hết độ dăm chục, một trăm. Nghiện nặng thì năm bảy trăm ngàn. Vậy làm gì ra tiền để thoả mãn cơn nghiện? Những kẻ nghiện ngập có thể làm tất cả. Từ chôm đồ nhà đến chôm đồ hàng xóm. Rồi lừa cả bố mẹ, anh em, vợ con cũng chẳng từ. Không ít kẻ lúc lên cơn vật vã, nã tiền không được, điên cuồng giết cả người thân. Một xâu chuỗi tệ nạn xã hội khác kéo theo tệ nghiện ngập : ăn trộm, ăn cắp, giết người cướp của,... và kinh khủng hơn cả là nguy cơ mắc bệnh AIDS - căn bệnh thế kỉ mà hiện nay cả thế giới đang mất biết bao công sức, tiền của để tập trung giải quyết đại dịch này. Chính vì vậy, khi đã nghiện ma tuý là mất hết danh dự, đạo đức, tình yêu, hạnh phúc gia đình, sự nghiệp.

Thứ tư là văn hoá phẩm độc hại (sách có nội dung xấu, băng, đĩa hình đồi trụy...). Tiếp xúc với loại này, con người sẽ bị ám ảnh bởi những hành vi không lành mạnh, từ đó nảy sinh những ham muốn bản năng, phi đạo đức, sa vào lối sống ích kỉ, mất hết khả năng phấn đấu, sống không mục đích. Nếu làm theo những điều bậy bạ thì sẽ dẫn đến sự suy đồi đạo đức, nhân cách, ảnh hưởng tới uy tín bản thân, gia đình và có thể dẫn tới vi phạm pháp luật.

Đó là sự thực. Một sự thực hiển nhiên đau lòng mà chúng ta chứng kiến hằng ngày. Hiện nay, có một số thanh thiếu niên, học sinh hư hỏng, không lo tu chí học hành mà đua đòi ăn chơi sa đoạ, rủ nhau tham gia vào những trò cờ bạc đỏ đen, hút chích ma tuý, xem phim có nội dung xấu, chuyên tay đọc những cuốn sách độc hại. Rồi đàn đúm đánh lộn, đua xe gây rối an ninh trật tự công cộng, gây ra tai nạn giao thông... tự công cộng, gây ra tai nạn giao thông... Tất cả những thói xấu đó nhanh chóng đẩy họ vào vực thẳm tội lỗi.

Thói quen xấu là người bạn đồng hành của chủ nghĩa cá nhân ích kỉ. Trong mỗi con người, thường có cả hai mặt tốt và xấu. Lối sống buông thả là mảnh đất màu mỡ cho những thói quen xấu nảy nở và phát triển. Ngày xưa, ông cha ta đã dạy: Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Có thể coi những tệ nạn trên là mực, gần nó sẽ bị vấy bẩn. Vì vậy, chúng ta cần phải tránh xa những cám dỗ của thói hư tật xấu để trước hết là bảo vệ phẩm cách được trong sáng, sau đó là góp phần bảo vệ gia đình, xã hội, bảo vệ truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Khi đã lỡ mắc thói xấu phải quyết tâm từ bỏ nó để làm lại cuộc đời.

Như trên đã phân tích, tập quán xấu, thói quen xấu có ma lực cuốn hút con người. Bởi vậy, để không bị biến thành nạn nhân của nó, mỗi người phải tự rèn luyện, tu dưỡng không ngừng trong học tập, trong lao động và phải nâng cao nhận thức về tác hại của các tệ nạn xã hội. Bạn bè phải khuyên bảo nhau biết kiềm chế trước những thú vui không lành mạnh và chung tay góp sức đẩy lùi, tiến tới đấu tranh tiêu diệt tệ nạn để cuộc sống ngày càng trong sạch, tốt đẹp hơn.

1. Gợi ý phần đóng vai.

Bài 5: Trong lớp học, trước giờ vào lớp, một bạn bị đánh, một số bạn cổ vũ, em sẽ hành động:

- Can ngăn
- Khuyên các bạn: Các bạn không được làm thế, có camera ghi lại đấy, nhà trường sẽ biết, các bạn sẽ bị kỉ luật
- Vừa can ngăn, vừa tìm cách báo ngay với thầy, cô giáo

Bài 6: khi bị bạn học rủ rê dùng ma túy, em sẽ :

Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)

a, Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

b, Nội dung: GV yêu cầu HS thực hiện theo hình thức nhóm bàn để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

c, Sản phẩm: HS hoàn thành sản phẩm ở nhà để giờ sau chuẩn bị.

d, Tiến trình thực hiện:

B1: Giao nhiệm vụ:

Bài 7. Vẽ truyện tranh về 2 bạn hiếu lắm dẫn đến bạo lực học đường, sau đó hiếu lắm.

Bài 9: Tìm hiểu trên báo điện tử các vụ bạo lực học đường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, qua đó nêu ý kiến của mình để góp phần chấm dứt tình trạng này.

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức nhóm bàn.

B3: Báo cáo sản phẩm:

HS thuyết trình sản phẩm của mình trước nhóm.

GV cung cấp một số trang Web, địa chỉ truy cập để HS tìm kiếm thông tin:

- <https://ngoisao.vn/theo-dong-su-kien/tin-nong-trong-ngay/nu-sinh-lop-7-danh-nhau-trong-truong-hieu-truong-cung-co-giao-chu-nhiem-bi-dinh-chi-cong-tac-262123.htm>
- <https://www.linkhay.com/note4572381/quang-ninh-lai-them-1-vu-nu-sinh-danh-nhau-da-man>
- <https://afamily.vn/bao-luc-hoc-duong-chua-day-1-thang-da-xay-ra-qua-nhieu-vu-nu-sinh->

[lot-do-quay-clip-danh-nhau-20190408153823427.chn](http://doanthanhnien.vn/tin-tuc/ky-nang-the-chat-van-hoa/quang-ninh-dong-loat-to-chuc-dien-dan-%E2%80%9C-xay-dung-tinh-ban-dep---noi-khong-voi-bao-luc-hoc-duong)

- <http://doanthanhnien.vn/tin-tuc/ky-nang-the-chat-van-hoa/quang-ninh-dong-loat-to-chuc-dien-dan-%E2%80%9C-xay-dung-tinh-ban-dep---noi-khong-voi-bao-luc-hoc-duong>

B4: Đánh giá, kết luận:

GV gọi HS khác nhận xét sản phẩm của bạn.

GV nhận xét, chốt ý.

*** Hướng dẫn về nhà (5 phút)**

- Kể tên các hành vi bạo lực học đường và tệ nạn xã hội thường hay xảy ra. Nguyên nhân gây ra các hành vi bạo lực học đường tại trường học của mình.

- Nêu cách ứng xử của HS khi xảy ra các tình huống liên quan đến bạo lực học đường và các tệ nạn xã hội.

*** Chuẩn bị bài mới: Bài 12 - Tác động môi trường của một số hoạt động sản xuất và dịch vụ ở Quảng Ninh.**

- Tìm hiểu thực trạng môi trường trong các hoạt động sản xuất và dịch vụ của tỉnh và địa phương nơi học sinh sống.

- Biết được một số định hướng chính của tỉnh về bảo vệ môi trường.

- Đề xuất một số biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất và dịch vụ.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ 2

Môn: Giáo dục địa phương lớp 7

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

Bài 10: Đặc điểm dân cư tỉnh Quảng Ninh

- Nắm được đặc điểm dân số (quy mô, gia tăng cơ cấu), dân tộc, phân bố dân cư của tỉnh.

- Giới thiệu được các loại hình quần cư của tỉnh Quảng Ninh.

- Lý giải được cơ cấu dịch chuyển dân số có sự mất cân bằng giữa nam và nữ của tỉnh.

- Các cộng đồng dân tộc ở tỉnh Quảng Ninh.

Bài 11: Phòng chống bạo lực học đường và tệ nạn xã hội đối với học sinh tỉnh QN.

- Hiểu được thế nào là bạo lực học đường và tệ nạn xã hội; nhận diện các loại bạo lực học đường và tệ nạn xã hội ở Quảng Ninh.

- Biết thực hành ứng phó với các tình huống bạo lực học đường và tệ nạn xã hội.

Bài 12: Tác động môi trường của một số hoạt động sản xuất và dịch vụ ở QN.

- Thực trạng môi trường trong các hoạt động sản xuất và dịch vụ của tỉnh và địa phương nơi học sinh sống.

B. LUYỆN TẬP

I. Trắc nghiệm:

Câu 1: Tỉnh Quảng Ninh có bao nhiêu dân tộc?

Câu 2: Tỉnh Quảng Ninh có mấy loại hình quần cư?

Câu 3: Các biểu hiện hành vi “Đá, tát, đẩy ngã; giam giữ, đe dọa; bắt nhin đói; ép ăn, uống đồ bẩn; ép sử dụng ma túy...” thuộc nhóm hành vi bạo lực học đường nào?

Câu 4: Bạo lực học đường là gì?

Câu 5: Đặc tính của tệ nạn xã hội là gì?

Câu 6: Chất ma túy gây ảo giác nào mạnh gấp 500 lần cần sa và sẽ gây tử vong đột ngột nếu sử dụng liên tục?

Câu 7: Thực trạng môi trường ở Quảng Ninh chịu sự tác động của những hoạt động sản xuất và dịch vụ nào?

Câu 8: Vấn đề ô nhiễm môi trường mà địa bàn thành phố Uông Bí cần ưu tiên quan tâm, xử lý là?

Câu 9: Tệ nạn xã hội ma túy được chia ra làm mấy nhóm?

Câu 10: Bạo lực học đường gây ra những hậu quả nghiêm trọng nào?

II. Luyện tập:

Câu 1. Em hãy xây dựng một tình huống giả định một người bạn trong lớp của em bị bạo lực học đường và em sẽ làm gì để giúp đỡ bạn?

Câu 2. Em hãy xây dựng một tình huống giả định một người bạn trong lớp của em bị một nhóm đối tượng xấu lôi kéo rủ rê sử dụng ma túy đá? Em sẽ làm gì để khuyên bảo và giúp đỡ bạn?

Câu 3. Nguyên nhân nào dẫn đến sự chênh lệch giới tính nam nhiều hơn nữ trong cơ cấu dân số tỉnh Quảng Ninh?

Câu 4. Em hãy đề xuất những giải pháp để giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính (nam nhiều hơn nữ) của tỉnh?

PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TRƯỜNG THCS PHƯƠNG NAM

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG 7
NĂM HỌC 2022 – 2023

Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Câu 1: Tỉnh Quảng Ninh có bao nhiêu dân tộc?

A. 40

B. 41

B. 42

D. 43

Câu 2: Các biểu hiện hành vi “Đá, tát, đẩy ngã; giam giữ, đe dọa; bắt nhin đói; ép ăn, uống đồ bẩn; ép sử dụng ma túy...” thuộc nhóm hành vi bạo lực học đường nào?

A. Hành hạ, ngược đãi, đánh đập

B. Xâm hại thân thể, sức khỏe

C. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm

D. Xua đuổi và hành vi cố ý khác

Câu 3: Tỉnh Quảng Ninh có mấy loại hình quần cư:

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 4: Đặc tính của tệ nạn xã hội là gì?

A. Sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống cộng đồng.

B. Dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng.

C. Những hiện tượng xã hội tiêu cực gây hậu quả cho cá nhân người mắc tệ nạn, gia đình và cả xã hội.

D. Là các loại tệ nạn như ma túy, mại dâm, cờ bạc và các loại tệ nạn xã hội khác.

Câu 5: Bạo lực học đường là gì?

A. Hành vi đánh nhau, cãi cọ giữa các bạn học sinh gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học, xảy ra trong cơ sở giáo dục hoặc lớp độc lập.

B. Những hành vi tiêu cực xảy ra giữa học sinh với học sinh; giáo viên với học sinh và từ ngoài nhà trường với học sinh và giáo viên.

C. Hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác như: đe dọa, trêu chọc, phân biệt tôn giáo... gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học, xảy ra trong cơ sở giáo dục hoặc lớp độc lập.

D. Là các nhóm hành vi tiêu cực giữa các bạn học sinh hay các nhóm học sinh, gây lo lắng, bức xúc trong dư luận.

Câu 6: Chất ma túy gây ảo giác nào mạnh gấp 500 lần cần sa và sẽ gây tử vong đột ngột nếu sử dụng liên tục?

A. Cỏ Mỹ

B. Lá khát

C. Heroin

D. Ketamine

Câu 7: Đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh chủ yếu tập trung ở khu vực nào?

A. Đông Triều, Ba Chẽ

B. Cô Tô, Vân Đồn

C. Bình Liêu, Tiên Yên

D. Hải Hà, Đầm Hà

Câu 8: Các hành vi bạo lực học đường xảy ra trong nhà trường có thể dựa trên các mối quan hệ nào?

A. Học sinh với học sinh; giáo viên với học sinh; phụ huynh với học sinh.

B. Học sinh trong trường hoặc các trường khác với nhau; từ ngoài nhà trường với học sinh.

C. Giáo viên với học sinh, phụ huynh với giáo viên; học sinh với học sinh

D. Học sinh với học sinh; giáo viên với học sinh; người từ ngoài trường học với học sinh và giáo viên.

PHẦN 2: TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 9. (4,0 điểm) Em hãy xây dựng một tình huống giả định một người bạn trong lớp của em bị bạo lực học đường và em sẽ làm gì để giúp đỡ bạn.

Câu 10. (2,0 điểm) Nguyên nhân nào dẫn đến sự chênh lệch giới tính nam nhiều hơn nữ trong cơ cấu dân số tỉnh Quảng Ninh?

----- Hết -----

TỔ TRƯỞNG CM DUYỆT

NGƯỜI RA ĐỀ

Nguyễn Thị Ngọc Trang

Trương Minh Nguyệt

Lê Thị Kim Ngọc

ĐỀ CHÍNH THỨC

Phần	Một số gợi ý chính									Điểm
Trắc nghiệm (4,0 điểm)	Từ câu 1 đến câu 8, mỗi lựa chọn đúng cho 0,5 điểm									4,0
	Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	
Đáp án	D	A	B	A	C	B	C	D		
Tự luận (6,0 điểm)	Câu 9. (4 điểm) <i>HS xây dựng được tình huống giả định một người bạn của học sinh bị bạo lực học đường và đưa ra được một số giải pháp, hành động, việc làm để giúp đỡ bạn:</i> - Xây dựng được tình huống giả định bạn của học sinh bị bạo lực học đường. - Giải quyết tình huống giả định hợp lý: đưa ra các giải pháp, hành động, việc làm để giúp đỡ bạn. <i>(Lưu ý: Đây là câu hỏi mở, giáo viên cần xem xét sự phù hợp của tình huống giả định học sinh xây dựng và hướng giải quyết của học sinh để cho điểm)</i>									2,0 2,0
	Câu 10. (2 điểm) <i>HS nêu được nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch giới tính trong cơ cấu dân số tỉnh Quảng Ninh:</i> - Do tư tưởng “trọng nam khinh nữ” nên người dân đã có những sự can thiệp có chủ đích. - Do ảnh hưởng của hiện tượng chuyển cư, với đặc điểm là tỉnh có ngành khai thác than phát triển nên thu hút lực lượng nam giới tới làm việc dẫn đến cơ cấu dân số của tỉnh có xu hướng dân số nam nhiều hơn dân số nữ.									1,0 1,0
	Tổng									10,0

TỔ TRƯỞNG CM DUYỆT

NGƯỜI RA HDC

Nguyễn Thị Ngọc Trang

Trương Minh Nguyệt

